

TẠP CHÍ HÀN QUỐC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN: 2354 - 0621

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ 25 NĂM QUAN HỆ VĂN HÓA VIỆT NAM - HÀN QUỐC ĐÁNH GIÁ VÀ NHÌN NHẬN

TẠP CHÍ HÀN QUỐC Số 1 (27) 3/2019

Số 1 (27)
3/2019

TẠP CHÍ HÀN QUỐC

Số 1(27)
03/2019

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ HÀN QUỐC CỦA VIỆT NAM

ISSN 2354 - 0621

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS. MAI NGỌC CHÙ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐẶNG THIẾU NGÂN

TRƯỞNG PHÒNG TRỊ SỰ
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM

TRƯỞNG PHÒNG ĐỐI NGOẠI
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Chủ tịch
GS.TS. MAI NGỌC CHÙ

Phó chủ tịch
TS. PARK JI HOON

Ủy viên
TS. ĐẶNG THIẾU NGÂN
TS. LƯU TUẤN ANH
TS. NGUYỄN THỊ THẨM
GS.TS. PHAN THU HIỀN
TS. TRẦN VĂN TIẾNG
TS. LÊ ĐĂNG HOAN
TS. LÝ XUÂN CHUNG
TS. LÊ THỊ THU GIANG
TS. TRẦN THỊ HƯỜNG
TS. NGHIÊM THỊ THU HƯƠNG

Tòa soạn: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 09122111106; 0918485969; 01646996986
Email: tapchihanquoc@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 1232/GP-BTTTT
In tại: Công ty TNHH Hương Khánh
Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mục lục

HOÀNG VĂN VIỆT Hàn Quốc: Quá độ từ độc tài đến dân chủ - Phương diện lý thuyết và thực tiễn	3
NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG Quan hệ giao thương Việt Nam và Hàn Quốc (1992-2017)	13
NGUYỄN TRUNG HIỆP Nghĩ về vòng đời của người Hàn thời Tam Quốc trong "Tam Quốc di sự" (Samguk Yusa)	24
NGUYỄN PHƯƠNG LÂM Hiện tượng và gợi ý giải pháp cho vấn đề mắc lỗi ngữ pháp cơ bản của người Hàn khi nói tiếng Việt	31
HÀ MINH THÀNH Cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam và Triều Tiên trong tác phẩm văn học - trường hợp tiểu thuyết <Sắp cưới> và <Hậu duệ của Cain> -	43
LÊ THỊ THU GIANG Hallyu và đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam: 25 năm nhìn lại	58
HOÀNG THỊ YẾN - KIM EUN KYUNG Nghiên cứu giá trị phê phán của tục ngữ so sánh tiếng Hàn (trọng tâm là các đơn vị có yếu tố chỉ con giáp)	70

KOREA  FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었습니다

한국학 저널

베트남 한국학술연구회

제1(27)호

2019년03월

ISSN 2354 - 0621

발행인

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부발행인

Ph.D. DANG THIEU NGAN

감수

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

대외협력부 부장

Ph.D. TRAN THI HUONG

편집위원회 위원장

Prof.Ph.D. MAI NGOC CHU

부위원장

Ph.D. PARK JI HOON

위원

Ph.D. DANG THIEU NGAN

Ph.D. LUU TUAN ANH

Ph.D. NGUYEN THI THAM

Prof.Ph.D. PHAN THU HIEN

Ph.D. TRAN VAN TIENG

Ph.D. LE DANG HOAN

Ph.D. LY XUAN CHUNG

Ph.D. LE THI THU GIANG

Ph.D. TRAN THI HUONG

Ph.D. NGHIEM THI THU HUONG

발행: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

문의: 0912211106; 0918485969; 01646996986

이메일: tapchihanquoc@gmail.com;

발행허가: 1232/GP-BTTTT

인쇄: Công ty TNHH Hương Khánh

Số 22 ngõ 8 đường Lê Trọng Tấn, Phường La Khê,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

목록

HOANG VAN VIET	3
독재주의에서 민주주의로 가는 한국의 과도기: 이론과 실천	
NGUYEN THI THU HUONG	13
베트남 - 한국 무역 관계에 대하여	
NGUYEN TRUNG HIEP	24
『삼국유사』를 통해 본 삼국시대 한국인의 통과의례	
NGUYEN PHUONG LAM	31
한국인의 베트남어 기초 문법 오류 관찰	
HA MINH THANH	43
한-베 문학작품 속에 나타난 북한과 북베트남의 토지개혁 - 『카인의 후예』와 『결혼전날들』을 중심으로 -	
LE THI THU GIANG	58
한류과 베트남에서의 한국에 대한 교육: 25 년 후의 평가	
HOANG THI YEN - KIM EUN KYUNG	70
한국어 비교속담에 나타나는 비판적 가치연구- 십이지동물속담을 중심으로-	

KOREA  FOUNDATION

This Journal is supported by the Korea Foundation
이 학술지는 한국국제교류재단의 지원을 받아 출판되었음

HÀN QUỐC: QUÁ ĐỘ TỪ ĐỘC TÀI ĐẾN DÂN CHỦ - PHƯƠNG DIỆN LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN

Hoàng Văn Việt*

Tóm tắt

Sự chuyển động nhanh chóng của xã hội luôn tạo ra thực tế là các nhà tổng kết và phát minh lý thuyết khó có thể nhận thức theo kịp những biến cố, sự kiện nảy sinh vô cùng sinh động nhưng hết sức phức tạp trong dòng chảy thay đổi ấy. Lý thuyết "Transitology" ra đời vào những năm 70-90 thế kỷ trước là một cố gắng muôn màng giải thích bước chuyển hóa từ chế độ độc tài sang xã hội dân chủ.

Hàn Quốc là một điển hình của quá trình quá độ từ xã hội dựa trên cấu trúc chính trị tập trung quyền lực tồn tại hơn 20 năm bên cạnh hai chính quyền Park Chung-hee và Chung Doo-hwan sang xã hội người dân toàn quyền.

Trong bài viết, trên nền tảng gợi ý của "Transitology", tác giả đã phân tích hệ thống điển hình các phương diện thay đổi xã hội Hàn Quốc từ chế độ độc tài đến chế độ dân chủ.

Từ khóa: Transitology, Hàn Quốc, chế độ độc tài, chế độ dân chủ

Đặt vấn đề

Vào những năm 70 - 90 thế kỷ trước đã dấy lên việc nghiên cứu về sự chuyển đổi mô hình quản lý xã hội từ cấu trúc kiểm soát quyền lực tập trung dành cho số ít người (Chế độ độc tài - khái niệm của Chính trị học) sang mô thức quản lý số đông, toàn xã hội (Chế độ dân chủ). Quá trình diễn biến này liên quan đến sự sụp đổ hàng loạt chế độ chuyên chế tập quyền ở Châu Âu (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hy Lạp), ở Châu Mỹ Latin (Brasil, Argentina), ở Châu Á (Philippines, Hàn Quốc, Indonesia, sau này là Myanmar). Những đại biểu tiên phong của cao trào nghiên cứu này là C. Hatington, X. Lints, F. Smitter ...

Trong bầu không khí học thuật sôi nổi như vậy, xuất hiện một lý thuyết mới mà người ta biết đến: **Transitology**. Transitology (Tiếng Latin: *Transitus* - quá độ, trải qua) là một phân ngành của Chính trị học, nghiên cứu quá trình chuyển đổi từ chế độ độc tài đến dân chủ, đặc biệt xem xét trường hợp các nước Đông Á.

Vẫn còn tồn tại các tranh luận chưa thống nhất trên văn đàn khoa học về bản chất, nội dung, điều kiện và cách thức, con đường chuyển đổi các mô hình quản lý xã hội. Có người đồng nhất khái niệm "Transitology" với khái niệm "Modernization". Theo họ, cơ bản có sự

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

giống nhau về các nội hàm chuyển đổi từ xã hội cũ sang xã hội mới; từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Ở đây chúng tôi cho rằng, sự khác nhau giữa hai khái niệm này là: 1. “*Transitology*” được hiểu trong giới hạn không gian và thời gian nhất định, tức chỉ bước chuyển biến chính trị ở một quốc gia, cụ thể nghiên cứu quá trình chuyển đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ; còn “*Modernization*” hàm chứa ý nghĩa bao trùm rộng rãi và qui mô nội dung lớn hơn nhiều. Hiện đại hóa là bước quá độ từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Thời gian của Hiện đại hóa có thể diễn ra hàng trăm năm và phổ biến rộng rãi trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Ví dụ, Hiện đại hóa xảy ra ở Anh, Mỹ và các nước Châu Âu vào các thế kỷ trước; ở Việt Nam hay ở Hàn Quốc trong thời đại ngày nay. “*Transitology*”, có lẽ, chỉ hàm chứa nội dung gần với Hiện đại hóa chính trị, tức chỉ một phần của Hiện đại hóa nói chung; 2. “*Transitology*” có thể là một quá trình lặp lại trong một chủ thể quốc gia nhất định, đặc biệt ở các nước phương Đông, như trường hợp Myanmar. Năm 1988 ở đất nước này các lực lượng dân chủ đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử vào cơ quan lập pháp và theo luật định sẽ được trao quyền lãnh đạo đất nước. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra bởi giới quân nhân cầm quyền từ năm 1962 không chấp nhận, tiến hành đảo chính, khôi phục quyền lực độc tài cũ. Phải đợi chờ hơn 20 năm sau, người dân Myanmar mới dần dần cảm nhận được không khí dân chủ; 3. “*Transitology*” không phải là một học thuyết mà là một hệ thống lý thuyết nảy sinh trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định nhằm giải thích rõ hơn các tiền đề, điều kiện chín mùi; các lực lượng tham gia, các

con đường đưa đến sự chuyển đổi các mô thức quản lý xã hội khác nhau trong thời kỳ quá độ.

Hàn Quốc là một điển hình biểu hiện rõ ràng nhất của “*Transitology*”.

I. Chế độ độc tài Hàn Quốc - sự lựa chọn mô hình quản lý xã hội tập trung quyền lực tất yếu

Trong cuốn sách “*Hệ thống chính trị Hàn Quốc hiện nay*” (Tái bản 2009, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh), trong cuốn sách “*Các quan hệ chính trị ở phương Đông*” (Tái bản 2009, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) và trong bài viết “*Độc tài và phát triển - thử nghiệm thành công ở Hàn Quốc thời kỳ chính quyền Park Chung-hee (1961-1979)*” (Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, số X5.2014) ... chúng tôi đã nhấn mạnh đến tính tất yếu xuất hiện chế độ độc tài ở đất nước này bởi hai yếu tố: 1. Sự sụp đổ mô hình quản lý xã hội vay mượn phương Tây và 2. Phù hợp với các điều kiện văn hóa chính trị địa phương.

Nhiều nước Đông Á, sau khi giành độc lập chính trị, lựa chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản dân tộc chưa đủ mạnh ở đây cần phải vay mượn mô hình quản lý xã hội thuộc địa sẵn có nhằm củng cố quyền lực và tiến hành thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Trong vài thập niên đầu, hệ thống cấu trúc quyền lực vay mượn này đã phát huy tác dụng, giúp cho giai cấp tư sản cầm quyền giải quyết thành công một số nhiệm vụ cấp bách phát triển. Tuy nhiên, vào thập niên 60-70 xuất hiện tình trạng hỗn loạn trong đời sống xã hội xuất phát từ thực tế tồn tại dai dẳng các

thành phần kinh tế sản xuất nhỏ, các quan hệ sản xuất manh mún bất hợp lý và với năng lực cầm quyền yếu đuối của ban lãnh đạo chớp bu. Khoảng cách ngày càng lớn giữa hạ tầng - cơ sở mong manh với cấu trúc thượng tầng vay mượn bên ngoài đã đẩy xã hội vào vực xoáy khủng hoảng sâu sắc. Trong bối cảnh nguy cơ bị tước bỏ vai trò cầm quyền, giai cấp tư sản đã tìm đến mô hình quản lý xã hội mới phù hợp với các giá trị văn hóa chính trị truyền thống địa phương - Chế độ độc tài¹.

Chế độ độc tài là hệ thống cấu trúc quyền lực tập trung trong tay một cá nhân hay một nhóm cá nhân dựa vào sự hậu thuẫn của quân đội. Đối lập chế độ dân chủ, chế độ độc tài toan tính mọi cố gắng tăng cường vai trò can thiệp của nhà nước vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội; hạn chế tối đa ảnh hưởng hoạt động của các cơ quan dân chủ (Quốc hội), của các đảng phái chính trị đối lập và sẵn sàng sử dụng sức mạnh thẳng tay đàn áp các phản kháng đòi dân chủ, chống chế độ.

Giới Khoa học chính trị phân chia chế độ độc tài theo mục đích: “*chế độ độc tài phát triển*”, “*chế độ độc tài hiện đại hóa*” và “*chế độ độc tài phản phát triển*”²; theo nội dung quyền lực: “*chế độ độc tài quân sự*” và “*chế độ độc tài hợp hiến*”.

Dù phân loại thế nào thì chế độ độc tài vẫn là sản phẩm quá độ từ chế độ chuyên chế (toàn trị) đến chế độ dân chủ; như đã nói, do giai cấp tư sản địa phương tìm tòi sáng tạo ra.

Sự xuất hiện và tồn tại chế độ độc tài ở phương Đông là quá trình chính trị tất yếu. Vai trò thể hiện của nó trong đời sống xã hội là khác nhau, tùy thuộc vào đặc trưng văn hóa dân tộc, dấu ấn lịch sử, sự phân chia tương quan các lực lượng chính trị trong xã hội chế độ độc tài của Hàn Quốc thuộc nhóm các nước có “chế độ độc tài quân sự - phát triển”, như Indonesia thời kỳ “*Trật tự mới*” (1964-1998).

Chiến tranh thế giới II kết thúc. Chủ nghĩa phát - xít Nhật bị thủ tiêu hoàn toàn trên bán đảo Triều Tiên. Chẳng bao lâu sau, năm 1948, sau những cố gắng tiến hành tổng tuyển cử hiệp thương thống nhất hai miền Nam - Bắc năm 1947 giữa các bên liên quan thất bại, ở miền Bắc Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên do Liên Xô bảo trợ ra đời; còn ở miền Nam chính quyền chiếm đóng Mỹ từng bước toan tính áp đặt mô hình quản lý dân chủ kiểu Mỹ. Một hệ thống chính trị cơ bản dựa trên nền tảng và giá trị, trật tự của nền dân chủ tư sản phương Tây hình thành và dần dần củng cố. Các cơ quan nhà nước lập pháp (Quốc hội), hành pháp và tư pháp lần lượt ra đời. Theo qui định của Hiệp pháp mới, thông qua ngày 17 tháng 7 năm 1948, Hàn Quốc là nhà nước Cộng hòa tổng thống (đến nay đất nước này trải qua 10 đời tổng thống). Tổng thống đầu tiên của đất nước này là Rhee Sung-man.

Một cơ cấu quyền lực mới do chính quyền Mỹ tạo ra, gồm những đại diện của các nhóm lợi ích xã hội có khuynh hướng bảo thủ, chống dân chủ và chống cộng sản quyết liệt, tiêu biểu là

¹ Độc tài theo tiếng Hy Lạp là *Autoritas*: Auto - người sáng lập, người tạo lập; ritas - quyền lực, ảnh hưởng, tức người tạo ra và chi phối quyền lực.

² Hoàng Văn Việt, 2009. *Hệ thống chính trị Hàn Quốc hiện nay*. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, trang 74

tổng thống Rhee³. Tuy nhận nền giáo dục kiểu Mỹ, nhưng cách hành xử của Rhee lại hoàn toàn mang tính cách Hàn Quốc truyền thống. Ông đòi hỏi ở người dân và quan chức dưới quyền sự tôn sùng và lòng trung thành tuyệt đối. Ông không khoan nhượng bất kì hành vi chống đối chính phủ và sẵn sàng đàn áp bằng sức mạnh. Quân đội bên cạnh chính quyền Rhee được xây dựng hùng hậu và trang bị khá hiện đại. Các sĩ quan quân đội hoặc là những người thân Mỹ, hoặc là những người trước đây từng phục vụ cho chính quyền Nhật chiếm đóng.

Kết quả thực hiện các chính sách phát triển kinh tế công-nông nghiệp của chính phủ mới chưa thể tạo ra nền tảng cơ bản mở rộng không gian khuyến khích sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chính sách đối ngoại thụ động phụ thuộc Mỹ, đặc biệt là hậu quả nghiêm trọng của cuộc chiến tranh Nam Bắc Triều (1950-1953) đã đẩy Hàn Quốc lún sâu vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, suy thoái toàn diện, báo hiệu sự tan rã tất yếu của chế độ dân chủ - đại nghị do chính quyền Mỹ áp đặt: nền kinh tế đình đốn, suy sụp; thất nghiệp, giá cả hàng hóa sinh hoạt tăng vọt; mâu thuẫn chính trị nội bộ chính quyền và xung đột xã hội trở nên căng thẳng ... Trước sự lớn mạnh của phong trào học sinh - sinh viên chống chính phủ bên cạnh tham gia đông đảo của các lực lượng xã hội khác nhau, ngày 26 tháng 9 năm 1960, tổng thống Rhee Sung-man buộc phải từ chức, chế độ dân chủ đại nghị non yếu sụp đổ, chấm dứt sự tồn tại.

³ Rhee Sung-man (1875 - 1965) bắt đầu sự nghiệp chính trị từ vụ bị bắt cầm tù (từ 1898 đến 1904) do tham gia hoạt động đòi tự do ngôn luận, hội họp, diễu hành và bầu cử Quốc hội. Mãn hạn tù, ông sang Mỹ học tập, có học vị tiến sĩ Triết học từ đại học Prinstiton.

Sau sự ra đi của Rhee, tình hình chính trị-xã hội ở đất nước không giảm bớt căng thẳng. Với sự giúp đỡ của Mỹ, chính quyền mới do Ho Chong lãnh đạo gắng gượng tái phục hồi chế độ dân chủ đã không thành công. Đất nước bị chia rẽ thành khối những người ủng hộ dân chủ hóa và khối chống dân chủ của phe quân đội, đứng đầu là những sĩ quan cao cấp. Trong bối cảnh đất nước lâm vào nguy cơ như vậy, một nhóm sĩ quan do tướng Park Chung-hee đứng đầu tiến hành đảo chính thành công. Chính quyền rơi vào tay giới quân nhân, hoạt động thông qua tổ chức của nó là “Hội đồng quân sự cách mạng” (sau này đổi tên “Hội đồng tối cao tái thiết quốc gia”). Từ đây Hàn Quốc thực sự nằm dưới sự quản lý của các chế độ độc tài⁴.

Chế độ độc tài Hàn Quốc là chế độ độc tài quân sự, xét theo nội dung quyền lực. Tập đoàn thống trị mới ở đất nước là các đại diện quân đội-tướng lĩnh cấp cao đứng đầu là Park Chun-hee, giới quan liêu tư sản - nền tảng vật chất và tinh thần của chế độ độc tài và bộ phận quan liêu chính trị xuất thân từ các gia đình chính trị truyền thống. Một liên minh quyền lực chính trị có khuynh hướng tư tưởng dân tộc cực đoan, dựa vào sức mạnh quân đội và sự hậu thuẫn, giúp đỡ của Mỹ đã nắm quyền điều hành đường lối đối nội và đối ngoại Hàn Quốc⁵.

Sự xác lập và tồn tại chế độ độc tài ở Hàn Quốc hơn 20 năm là kết quả tất yếu, tích hợp bởi hai yếu tố:

⁴ Chế độ độc tài Hàn Quốc trải qua hai đời tổng thống: Park Chung-hee (1963-1979) và tổng thống Chun Doo-hwan (1979-1987)

⁵ Bên cạnh chính quyền độc tài Chun Doo-hwan đại biểu tham gia hệ thống quyền uy cũng không thay đổi nhiều về thành phần.

Thứ nhất, cấu trúc chính trị phức tạp của mô hình quản lý xã hội dân chủ - đại nghị vay mượn phương Tây thời kỳ Rhee Sung-man không phù hợp với các giá trị văn hóa truyền thống địa phương và nền tảng kinh tế-xã hội phức tạp, manh mún của đất nước, đã tỏ ra thiếu khả năng đảm bảo ổn định chính trị và quản lý xã hội, trở thành vật cản, thậm chí kìm hãm quá trình hiện đại hóa kinh tế. Nói cách khác, thượng tầng kiến trúc kiểu dân chủ phương Tây lúc này không phù hợp với cơ sở hạ tầng truyền thống phương Đông.

Thứ hai, các giá trị văn hóa chính trị truyền thống vững chắc địa phương là cơ sở và nền tảng đảm bảo sự ra đời và tồn tại loại hình quản lý chính trị tập trung quyền lực vào nhóm ít người. Biểu hiện của sự sùng bái cá nhân và quyền lực nhà nước; chủ nghĩa gia trưởng - gia đình trị; mối quan hệ bạn bè, và nguyên tắc thỏa hiệp chi phối các hành vi quan hệ chính trị - xã hội đã tồn tại dai dẳng trong lịch sử đất nước Hàn Quốc, trở thành các chuẩn mực ứng xử pháp lý - đạo đức của mọi người dân trong sinh hoạt xã hội.

Bên cạnh chế độ độc tài, sự phù hợp của cấu trúc chính trị mới với các giá trị văn hóa bản địa đã tạo ra không gian hết sức thuận lợi cho chính phủ tiến hành thành công hàng loạt các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Cùng với việc củng cố và xây dựng vững hệ thống chính quyền độc tài từ trung ương đến địa phương, tổng thống Park đã ban hành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình phát triển kinh tế. Hiện đại hóa xã hội của tổng thống Park gắn liền với bốn kế hoạch phát triển kinh tế năm năm thành công (Lần 1: 1962-1966; Lần II: 1967-1971; Lần III: 1972-1976 và Lần IV: 1977-1981).

Các chiến lược phát triển kinh tế hướng ngoại, hình thành các tập đoàn kinh tế nền tảng (Chaebol), cải cách hợp lý hệ thống ngân hàng, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phù hợp và tiến hành cải cách sâu rộng hiệu quả trong nông thôn ... đã đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, khỏa lấp và san bằng những lỗ hổng bất hợp lý trong xã hội.

Lên năm quyền lực năm 1980, tổng thống Chun Doo-hwan tiếp tục duy trì đường lối hiện đại hóa kinh tế của người tiền nhiệm. Đến trước thập niên 80 nền kinh tế Hàn Quốc chiếm vị trí thứ 11 trên thế giới, đứng vào hàng ngũ các quốc gia công nghiệp.

Về thành công và kinh nghiệm của Hàn Quốc trong hiện đại hóa xã hội đã có quá nhiều bài viết, công trình nghiên cứu đề cập, mô tả và phân tích. Theo chúng tôi có hai yếu tố quyết định đến sự thành công, đó là con người (về cả bản thân tổng thống và giới lãnh đạo) và “thiên thời”! Những kinh nghiệm thành công và thất bại của Hiện đại hóa ở Hàn Quốc là những bài học quý giá cho nhiều nước Đông Á tiến hành cải cách sau này.

II. Chế độ độc tài Hàn Quốc sụp đổ - một cách thức chuyển giao quyền lực độc đáo

Kinh nghiệm ở hầu hết các nước Đông Á cho thấy rằng, sự phát triển cao độ liên tục của nền kinh tế và sự tiến bộ xã hội rõ rệt đã đẩy nhanh quá trình sụp đổ chế độ độc tài. Nói cách khác, Hiện đại hóa kinh tế diễn ra nhanh chóng trên mảnh đất truyền thống, khi Hiện đại hóa chính trị (theo cách hiểu của người phương Đông) chưa theo kịp, sẽ dẫn đến sự mất cân đối giữa truyền thống và hiện đại, giữa thượng tầng chính trị theo hình thái

truyền thống độc đoán, chuyên quyền với cơ sở hạ tầng tư bản chủ nghĩa tự do, phóng khoáng và năng động.

Triệu chứng khủng hoảng chế độ độc tài ở Hàn Quốc xuất hiện vào đầu thập niên 80. Từ trước những năm 80 xu hướng dân chủ hóa chống chế độ độc tài đặc biệt trở nên mạnh mẽ. Giống các nước láng giềng như Philippines, Indonesia, Malaysia, vùng lãnh thổ Đài Loan, lực lượng đi đầu phong trào đòi dân chủ hóa là các tầng lớp xã hội và giai cấp sinh ra hay được nuôi dưỡng từ những kết quả thành công của Hiện đại hóa: tầng lớp trung lưu thành thị (tri thức, sinh viên, công chức, tiểu chủ ...); lực lượng dân chủ - tự do (nhà tư bản kinh doanh, giới kỹ trị, tư sản vừa và nhỏ; giai cấp công nhân (công nhân truyền thống, công nhân mới, công nhân nông thôn ...).

Ở đất nước mà tín đồ Thiên Chúa giáo chiếm tới 40% dân số thì tổ chức nhà thờ có vai trò rất đáng kể. Mặc dù xuất thân từ các tầng lớp - giai cấp khác nhau, nên lợi ích cốt lõi của họ không giống nhau, nhưng tất cả ở họ đều có một mục đích chung là đấu tranh loại bỏ chế độ độc tài, mở rộng không gian tự do, tiến tới việc xác lập chế độ dân chủ mới.

Nổi bật nhất và có ý nghĩa khởi nguồn cho phong trào phản đối chế độ độc tài là cuộc đấu tranh nổ ra vào tháng 5 năm 1985 tại trung tâm công nghiệp Incheon. Lực lượng tham gia chủ yếu là sinh viên. Phong trào lôi kéo một bộ phận công nhân tham gia.

Khác các nước như Iran, Nicaragua, Philippines, nơi chế độ độc tài sụp đổ hoặc bằng cuộc vận động cách mạng từ “bên dưới”, hoặc bằng cuộc đảo chính “bên trên”, ở Hàn Quốc sự chuyển

đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ - đặc nghị diễn ra bằng con đường chuyển giao quyền lực hòa bình, không đổ máu. Bên cạnh bối cảnh khủng hoảng xã hội, trong giới chóp bu chính trị diễn ra sự phân hóa lực lượng. Một nhóm người chiếm ưu thế hơn, đứng đầu là tướng Roh Tae-woo - người phục vụ cho chính quyền Chun Doo-hwan, bày tỏ thái độ thiếu tin tưởng vào đường lối lãnh đạo cũ, chủ trương một thay đổi căn bản trong cơ cấu quyền lực mới.

Sau khi trở thành chủ tịch của đảng Dân chủ Hàn Quốc mới, Roh tuyên bố chuẩn bị cho cuộc chạy đua giành ghế tổng thống đất nước. Tháng 6 năm 1987, ông làm cả nước sững sờ với việc đưa ra chương trình cải cách 8 điểm mà nội dung gần như xóa bỏ hầu hết các khiếm khuyết của chế độ độc tài như phóng thích tù chính trị, tự do báo chí, ngôn luận, khuyến khích tự trị địa phương, nới lỏng sự kiểm soát hoạt động các đảng chính trị, cổ súy sự thành lập các đảng phái chính trị mới, tiến hành cải cách dân chủ hóa xã hội ...

Việc tuyên bố dứt khoát thực hiện chương trình 8 điểm đã tạo lợi thế cho Roh trong cuộc bầu cử tổng thống tổ chức ngày 16 tháng 12 năm 1987.

Kết quả cuộc bầu cử toàn dân trực tiếp diễn ra trong bầu không khí dân chủ, đưa đến kết quả Roh Tae-woo giành thắng lợi (37% phiếu bầu). Ngày 25 tháng 2 năm 1988 Roh Tae-woo tuyên thệ nhậm chức. Việc cầm quyền của Roh Tae-woo đã đánh dấu bước ngoặt của Hàn Quốc từ chế độ độc tài quá độ đến cấu trúc chế độ dân chủ, mặc dù nền dân chủ Hàn Quốc còn phải tiếp tục định hình và hoàn thiện qua các thời kỳ của Kim

Young-sam (1992-1997), Kim Dae-zung (1997-2007), Roh Moo-hyun (2002-2007), Lee Myung-bak (2007-2012), Park Geun - hye (2013-2017) và hiện nay bên cạnh chính quyền của Moon Jae-in.

Có những lý do giải thích tính “độc đáo” chuyển giao quyền lực ở Hàn Quốc.

Thứ nhất, ở Hàn Quốc không nổi lên một lực lượng chính trị chủ chốt dẫn đầu phong trào. Sự khác biệt trong các xu hướng chính trị - xã hội bắt nguồn từ tính đa dạng về tôn giáo, về ý thức giai cấp của các tầng lớp dân cư và các toan tính chính trị cá nhân của các thủ lĩnh chính trị đã không thể đưa họ đến một liên minh đoàn kết vững mạnh, thống nhất chặt chẽ chống chính phủ độc tài.

Thứ hai, trong phong trào thủ tiêu chế độ độc tài không xuất hiện một lãnh tụ nổi bật có uy tín và ảnh hưởng lớn. Hai nhân vật không một mảy may đấu tranh chống chế độ độc tài và miệt mài phấn đấu vì nền dân chủ ở Hàn Quốc là Kim Young-sam và Kim Dae-zung⁶ chưa bao giờ đoàn kết một cách thực tế trong mặt trận đối lập chung. Sự đối đầu giữa họ làm cản trở sự hợp nhất các lực lượng dân chủ chống chế độ cầm quyền và đưa đến sự thất bại cả hai trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1987.

Thứ ba, vai trò và ảnh hưởng của chính quyền Mỹ. Chính sách hai mặt không nhất quán của Mỹ đã, một mặt, tạo cơ hội cho phe quân đội tăng cường sự can thiệp mới vào đời sống xã hội; mặt khác, hạn chế sự lớn mạnh của phong trào nhân dân.

Thứ tư, xuất phát từ truyền thống văn hóa chính trị: mọi xung đột trong giới chóp bu chính trị đều giải quyết bằng con đường thỏa hiệp (consensus).

Cuối cùng, xu hướng dân chủ hóa mang tính toàn cầu và giải quyết xung đột quốc tế bằng con đường đối thoại trở nên phổ biến trong thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

III. Nền dân chủ của Hàn Quốc hiện nay và những vấn đề động lại

Trở thành tổng thống, Roh Tae-woo không quên các cam kết trước đây, bắt đầu khởi động quá trình phục hồi nền dân chủ. Ông đã tạo bầu không khí đối thoại xã hội cởi mở giữa các lực lượng chính trị.

Một bước tiến lớn nhằm loại bỏ cơ bản dấu ấn chế độ độc tài và khẳng định tính nguyên tắc hợp hiến trong việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước dân chủ pháp quyền là việc thông qua Hiến pháp mới ngày 27 tháng 10 năm 1987.

Hiến pháp tuyên ngôn một cách chắc chắn sự đảm bảo quyền tự do công dân, sự tham gia có trách nhiệm của công dân vào mọi hoạt động xã hội. Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước được tái lập quyền kiểm tra, giám sát đối với tất cả các cơ quan nhà nước khác.

Nhằm tránh việc tập trung quyền lực vào tay một cá nhân trong thời gian dài, cũng như nhằm hạn chế khả năng phục hồi chế độ độc tài và hệ thống quan liêu chuyên chế đã trở thành truyền thống trong các chính quyền trước đây, theo Hiến pháp mới, giới hạn nhiệm kỳ tổng thống 7 năm nhưng không được tham gia tái bầu cử bên cạnh việc thành lập các cơ quan chuyên trách (Tòa Hiến pháp) bảo vệ nhà nước pháp quyền.

⁶ Cả hai ông sau này đều trở thành tổng thống Hàn Quốc.

Tuy nhiên, bước chuyển dịch của Hàn Quốc đến xã hội dân chủ, dựa trên nền tảng các nguyên tắc pháp quyền là quá trình rất mâu thuẫn, đó là, cùng lúc vừa xuất hiện các thành phần dân chủ mới, vừa tồn tại các thành phần của chế độ độc tài, đã cản trở sự xác lập các tiêu chuẩn dân chủ, đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ công dân trước những những nhiều, phiền phức của bộ máy quan liêu nhà nước.

Nhìn lại 30 năm chặng đường tiến tới một xã hội dân chủ (kể từ năm 1987), Hàn Quốc đã thực hiện một bước tiến “khổng lồ”. Trước đây, các nước Âu - Mỹ chuyển mình đến xã hội văn minh dân chủ cũng phải chờ đợi hàng trăm năm, thậm chí hàng mấy trăm năm.

Hiện nay Hàn Quốc là quốc gia dân chủ. Các cơ quan quyền lực nhà nước được tổ chức và hoạt động trên nền tảng chế định của Hiến pháp dân chủ. Các xung đột lợi ích xã hội được phân định bởi các tiêu chí công khai và minh bạch. Quyền công dân và trách nhiệm công dân được đảm bảo rạch ròi. Không khí sinh hoạt toàn xã hội trở nên sôi động theo tinh thần dân chủ, cởi mở.

Nhưng không có nhà nghiên cứu chuyên nghiệp nào hay nhà hoạt động chính trị sắc sảo nào lại có thể dành cái nhìn quá lạc quan về các giá trị của nền dân chủ mới của Hàn Quốc. Sự xác lập các tiêu chuẩn, trật tự của chế độ dân chủ diễn ra quá nhanh trên mảnh đất truyền thống được bao bọc bởi các thành phần văn hóa chính trị dân tộc kiểu phương Đông đã tạo nên các khuyết tật vốn có của đất nước này.

Thứ nhất, khi chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn độc quyền - chủ nghĩa

tư bản độc quyền nhà nước, thì dân chủ tự do trở nên hình thức và biến thành công cụ của nhóm ít người nắm quyền định đoạt mọi hoạt động xã hội và sử dụng nó cho phù hợp lợi ích của họ.

Chính quyền ở Hàn Quốc hiện nay nằm trong tay các liên minh tài phiệt, tức nhóm tư bản độc quyền với giới quan liêu chính trị. Sự đan xéo quyền lợi giữa hai nhóm sức mạnh này đã tạo nên một nhóm nhỏ nằm giữa phần lớn vốn tư bản ở đất nước và quyết định mọi định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chính trị Hàn Quốc.

Thứ hai, các đặc trưng của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hàn Quốc cùng các dấu ấn lịch sử và văn hóa truyền thống dân tộc đã tạo nên diện mạo đặc thù của giai cấp tư sản - người đại diện thống trị của hệ thống chính trị Hàn Quốc: một mặt, họ luôn luôn tỏ ra là người ủng hộ các cố gắng xác lập và mở rộng dân chủ; mặt khác, không muốn các chủ trương thay đổi xã hội mang tính cách mạng, mà chủ yếu bằng con đường cải cách, ôn hòa.

Để hạn chế và giải quyết hiệu quả các xung đột xã hội giữa giai cấp giữa tư bản và lao động, bắt nguồn từ sự phân chia tài sản xã hội bất công bằng, giới tư bản đã thực hiện các biện pháp vỗ về, vuốt ve người lao động bằng những khoản lợi vật chất và tinh thần hậu hĩnh. Động thái này đã giúp cho người lao động làm thuê làm tướng các giá trị tốt đẹp mơ hồ của chủ nghĩa tư bản.

Thứ ba, trong mối tương quan hoạt động quyền lực giữa các nhánh Lập pháp - Hành pháp - Tư pháp, cơ quan Lập pháp tỏ ra suy yếu hơn so với cơ quan Hành pháp. Quyền lực chủ yếu tập trung trong

tay tổng thống. Tổng thống Hàn Quốc vừa là người đứng đầu nhà nước, vừa là người đứng đầu cơ quan hành pháp, và là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Giúp việc cho tổng thống là Hội đồng nhà nước, đứng đầu là thủ tướng do tổng thống bổ nhiệm với sự chuẩn ý của Quốc hội. Tăng cường quyền lực vào một cá nhân hoặc một nhánh quyền lực, tất yếu đưa đến sự thao túng, lạm quyền.

Thứ tư, sự yếu đuối về tổ chức, tính không ổn định trong thành phần và thiếu kỷ luật chặt chẽ của các đảng chính trị Hàn Quốc đã tạo nên sự thiếu bền vững và ổn định của hệ thống quyền lực nhà nước từ trung ương tới địa phương.

Ở Hàn Quốc tồn tại hệ thống đa đảng chính trị; tuy nhiên ở đất nước này chưa bao giờ hình thành các đảng chính trị lớn có vai trò chi phối đời sống chính trị (Như ở Nhật Bản có Đảng Dân chủ - tự do; ở Singapore có Đảng Hành động Nhân dân ...). Cơ sở kinh tế - xã hội yếu đuối của đảng đã tạo nên mối quan hệ mờ ám giữa đảng chính trị, với các tập đoàn tài phiệt. Trong các hoạt động chính trị nhằm giành giật quyền lực, các đảng chính trị đã không ngần ngại tìm kiếm sự ủng hộ vật chất từ các Chaebol.

Cuối cùng, sự thiếu bền vững của nền dân chủ Hàn Quốc đã làm vô hiệu hóa, thậm chí làm thui chột chức năng kiểm soát dân chủ của các cơ quan nhà nước và toàn xã hội. Các nguyên tắc dân chủ bị vi phạm, coi thường cùng với sự tập trung quyền lực được trao bởi Hiến pháp đã làm cho người đại diện nhà nước - tổng thống có cơ hội thuận lợi thao túng các hoạt động nhà nước và dễ dàng lâm vào con đường vi phạm pháp luật.

Trước đây, các tổng thống Chun Doo-hwan, Kim En-san, Roh Moo - hyun được báo chí đưa tin đều có dính tới tham nhũng hoặc bảo trợ tham nhũng cao thuộc cấp và người thân trong gia đình. Hai tổng thống nổi bật nhất trong giới chính trị gia gây tổn hại lớn đến danh giá gia đình và hoen ố nền dân chủ Hàn Quốc là bà Park Geun-hye và Lee Myung-bak.

Park Geun-hye là con gái của tổng thống Park Chung-hee. Bà là nữ tổng thống đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc. Với tính cách mạnh mẽ, quyết đoán; với quan điểm chính trị rõ ràng và bên cạnh ánh hào quang quá khứ của người cha, Park Geun-hye đã nhanh chóng trở thành nhân vật nổi bật trong đời sống chính trị - xã hội. Cuộc bầu cử tổng thống cuối năm 2012 đã đưa bà đến ngôi vị cầm quyền cao nhất của đất nước. Trên cương vị tổng thống 3 năm, ngày 10 tháng 3 năm 2017 bà bị phế truất do liên quan tới tham nhũng, làm lộ bí mật quốc gia, bảo vệ việc trốn thuế cho một số tập đoàn kinh tế (Chaebol) lớn. Vì các tội danh trên, tháng 4 năm 2018 tòa án phán quyết dành cho người phụ nữ quyền lực 24 năm tù giam và nộp phạt một khoản tiền không nhỏ.

Người tiền nhiệm của Park Geun-hye là tổng thống Lee Myung-bak (nhiệm kỳ 2008-2013) cũng nổi bật là một điển hình của “khoảng trống” nền dân chủ Hàn Quốc. Ngày 5 tháng 10 năm 2018 ông bị tòa án tuyên phạt 15 năm tù giam và nộp phạt khoản tiền 13 tỉ won vì tội danh nhận hối lộ và biển thủ. Ông đã nhận của tập đoàn Samsung gần 6 tỉ won để dàn xếp một vụ kiện có lợi cho tập đoàn này. Ngoài ra ông còn lập một quỹ đen để biển thủ số tiền lên đến 24,6 tỉ won⁷.

⁷ Báo Thanh niên, 06.10.2018

Dân chủ là niềm khát khao cháy bỏng của nhân loại. Để giành lấy quyền tự do, quyền sống và quyền tham gia vào hệ thống bảo vệ và phát triển các giá trị con người, các dân tộc đã phải đánh đổi bằng máu và nước mắt. Tuy nhiên, trong xã hội tư hữu dựa trên bóc lột các giá trị thặng dư, khái niệm dân chủ chỉ trở thành hiện thực cho giới thống trị giàu có. Trong những xã hội như vậy, “khoảng trống” trong một xã hội dân chủ đích thực còn đọng lại lâu dài.

Transitology - một lý thuyết góp phần vào luận giải các ví dụ điển hình như Hàn Quốc về quá trình lựa chọn nền dân chủ của đất nước này

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hwang Gwi-yeon, Trịnh Cẩm Lan, 2002. *Tra cứu Văn hóa Hàn Quốc*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. *Khái niệm về kinh tế - chính trị Hàn Quốc*, 2016, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Kim Byung - Kool và Ezra F.Vogel (chủ biên), 2015. *Kỷ nguyên Park Chung-hee*. NXB Thế Giới.
4. Hoàng Văn Việt, 2009 (tái bản). *Hệ thống chính trị Hàn Quốc hiện nay*. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM
5. Hoàng Văn Việt, 2014. *Độc tài và phát triển - trải nghiệm thành công ở Hàn Quốc thời kỳ chính quyền Park Chung-hee*. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia TP.HCM, X52014.
6. Hoàng Văn Việt. *Một số đặc điểm đảng chính trị Hàn Quốc*. Tạp chí Hàn Quốc, tháng 8/2016.
7. Sang Yong-choi, 1997. *Democracy in Korea*. NXB Hội Khoa học chính trị Hàn Quốc.
8. Viện Hàn lâm Khoa học Nga, 1996. *Chế độ độc tài và dân chủ ở các nước đang phát triển*. NXB Nauka, tiếng Nga.
9. V.M. Mazurov, 1996. *Từ độc tài đến dân chủ (trường hợp Philippines và Hàn Quốc)*. NXB Văn hóa Phương Đông, tiếng Nga.
10. Viện Hàn lâm Khoa học Nga, 1996. *Cộng hòa Hàn Quốc: Kinh nghiệm Hiện đại hóa*. NXB Văn hóa Phương Đông, tiếng Nga.

QUAN HỆ GIAO THƯƠNG VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC (1992 - 2017)

Nguyễn Thị Thu Hương*

Tóm tắt

Trải qua một phần tư thế kỷ, quan hệ Việt Nam và Hàn Quốc đã có những bước phát triển mạnh mẽ và ngày càng đi vào chiều sâu. Hàn Quốc có công nghệ, tài chính, trong khi Việt Nam có thị trường, tài nguyên, nhân công. Hai nước có những nét tương đồng về lịch sử văn hóa nên có triển vọng hợp tác lâu dài. Trên thực tế, quan hệ giao thương giữa hai nước đã và đang phát triển mạnh mẽ với nhiều thành tựu đáng kể trong nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Sự phát triển này dựa trên chiến lược phát triển của mỗi nước, đồng thời cũng là hệ quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa, và xu hướng hội nhập kinh tế Đông Á diễn ra mạnh mẽ trong mấy thập kỷ vừa qua. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) hiện nay, đẩy mạnh giao thương dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức liên kết được cho là hướng đi mang tính quyết định, là chìa khóa để tạo ra cú nhảy đột phá cho phát triển.

Mục tiêu của bài tham luận này là (1) tìm hiểu thực trạng phát triển gần đây trong giao thương giữa Hàn Quốc và Việt Nam thông qua khái quát đặc điểm giao thương giữa hai quốc gia, (2) gợi ý chính sách phát triển giao thương của hai quốc gia trong bối cảnh mới.

1. Đặc điểm chính trong quan hệ giao thương Việt Nam - Hàn Quốc

Trước khi quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc chính thức được thiết lập năm 1992, quan hệ thương mại giữa hai nước còn ở mức rất thấp, chỉ dừng lại ở lĩnh vực trao đổi hàng hoá tư nhân. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Hàn Quốc năm 1983 mới chỉ đạt 22,8 triệu USD, năm 1988 đạt 75,7 triệu USD và tăng dần đến năm 1990 đạt 150 triệu USD, năm 1992 đạt khoảng 0,5 tỷ USD, tăng khoảng 22 lần¹. Điều này cho thấy, trước 1992, nhu cầu trao đổi thương mại giữa hai quốc gia ngày càng tăng cao, tạo đà cho sự phát triển quan hệ song phương trong giai đoạn tiếp theo.

Từ sau năm 1992, thông qua các chuyển thăm cấp cao của các nhà lãnh đạo hai nước, quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng được củng cố và phát triển. Cả hai quốc gia đã ký kết nhiều hiệp

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Tham khảo Quan hệ thương mại, đầu tư Việt Nam - Hàn Quốc và vấn đề nhập siêu của Việt Nam <http://www.inas.gov.vn/658-quan-he-thuong-mai-dau-tu-viet-nam-han-quoc-va-van-de-nhap-sieu-cua-viet-nam.html> [truy cập ngày 25/6/2015]

định quan trọng hướng tới sự mở rộng không ngừng trong quan hệ kinh tế, ví như Hiệp định thương mại (5/1993), Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (5/1994), Hiệp định hợp tác hải quan (3/1995), Hiệp định hợp tác vận tải biển (4/1995)... và gần đây là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, 5/2015).

Theo đó, quan hệ thương mại của hai quốc gia từ sau 1992 đến 2017 có những đặc điểm chính như sau:

1.1. Duy trì quan hệ “hữu cộng” với kim ngạch trao đổi liên tục gia tăng

Trên đà tăng trưởng sau 1992, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã có sự tăng trưởng đáng kể trong hơn 2 thập kỷ qua. Nếu như năm 1992 khi bắt đầu thiết lập quan hệ ngoại giao, kim ngạch thương mại hai nước chỉ đạt 0,5 tỷ USD thì tới năm 2017 đã lên 61,78 tỷ USD, tăng khoảng 123,5 lần sau 25 năm. Quan hệ thương mại hai quốc gia mới chỉ dừng lại ở tính “hữu cộng”, mới chỉ tranh thủ thị trường của nhau, cơ hội của nhau và dựa vào những gì hai bên hiện có.

Năm 2011, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam, và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ

8 của Hàn Quốc. Với thành tựu này, Hàn Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản và trở thành thị trường lớn thứ 2 trên thế giới cung cấp hàng hoá sang thị trường Việt Nam (chỉ xếp sau Trung Quốc).

Tới năm 2014, Hàn Quốc đã là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam. Sau nhiều vòng đàm phán, ngày 05/5/2015, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) đã chính thức được ký kết. VKFTA là một hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với phạm vi rộng, mức độ tự do cam kết cao và cân bằng lợi ích của cả hai bên. Hiệp định có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy hợp tác thương mại song phương, hướng tới mục tiêu đạt kim ngạch 70 tỷ USD vào năm 2020, tạo điều kiện để hàng hóa Việt Nam cạnh tranh tốt hơn tại thị trường Hàn Quốc.

Theo đó, Hàn Quốc tiếp tục củng cố vị trí trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và vẫn là một đối tác quan trọng và mang tầm chiến lược của Việt Nam. Thương mại giữa hai nước đã tăng 23% từ 30,4 tỷ USD năm 2014 lên 36,6 tỷ USD vào năm 2015 và tăng gấp đôi lên 61,78 tỷ USD năm 2017 so với năm 2014.

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Hàn Quốc 1992-2017

Đơn vị: Tỷ USD

	1992	2001	2003	2005	2007	2009	2011	2013	2015	2017
Xuất khẩu	0,06	0,41	0,49	0,66	1,24	2,1	4,7	6,62	8,92	14,82
Nhập khẩu	0,44	1,9	2,62	3,6	5,34	6,9	13,1	20,71	27,63	46,96
Kim ngạch	0,5	2,31	3,11	4,26	6,58	9	17,8	27,33	36,55	61,78

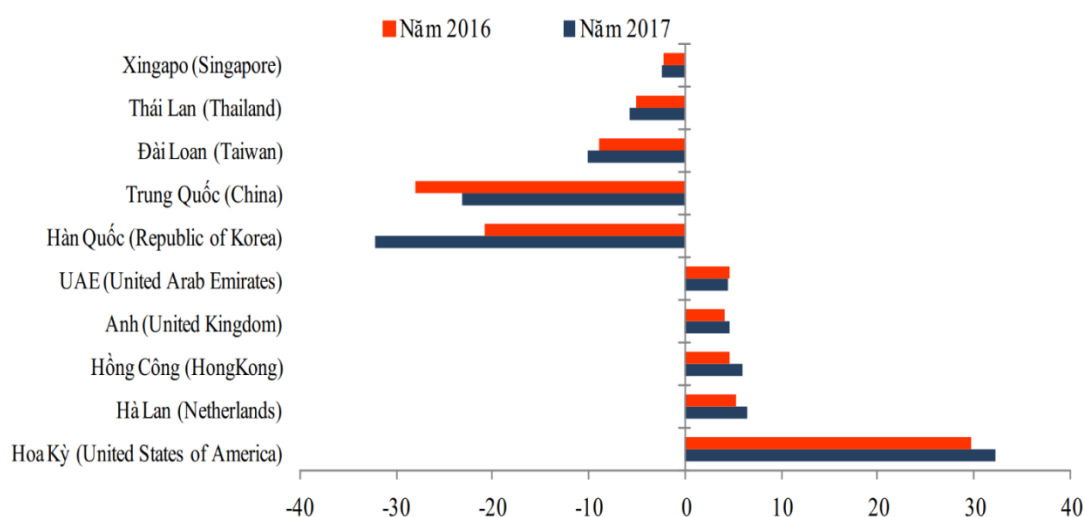
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan và của Bộ Công thương (các năm 2005, 2007)

Thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong năm 2017 Việt Nam đã xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc 14,82 tỷ USD hàng hóa, tăng 29,9% so với năm 2016, trong khi đó nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia này đạt 46,96 tỷ USD, tăng 45,3%. Đây là mức tăng nhập khẩu cao nhất từ trước đến nay mà nguyên nhân chủ yếu là do sự tăng mạnh

trong nhập khẩu các mặt hàng chủ lực như: máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại các loại và linh kiện, máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng.... Theo đó, năm 2017 Hàn Quốc đã vượt qua Hoa Kỳ và trở thành đối tác thương mại lớn thứ 2 (sau Trung Quốc) trong hơn 200 đối tác thương mại của Việt Nam trên toàn thế giới.

Hình 1: Cán cân thương mại của Việt Nam theo một số thị trường chính

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam (2018), Niên giám Thống kê Hải quan về hàng hóa XNK Việt Nam (tóm tắt) 2017, tr.70

1.2. Tiếp tục tình trạng nhập siêu từ phía Việt Nam

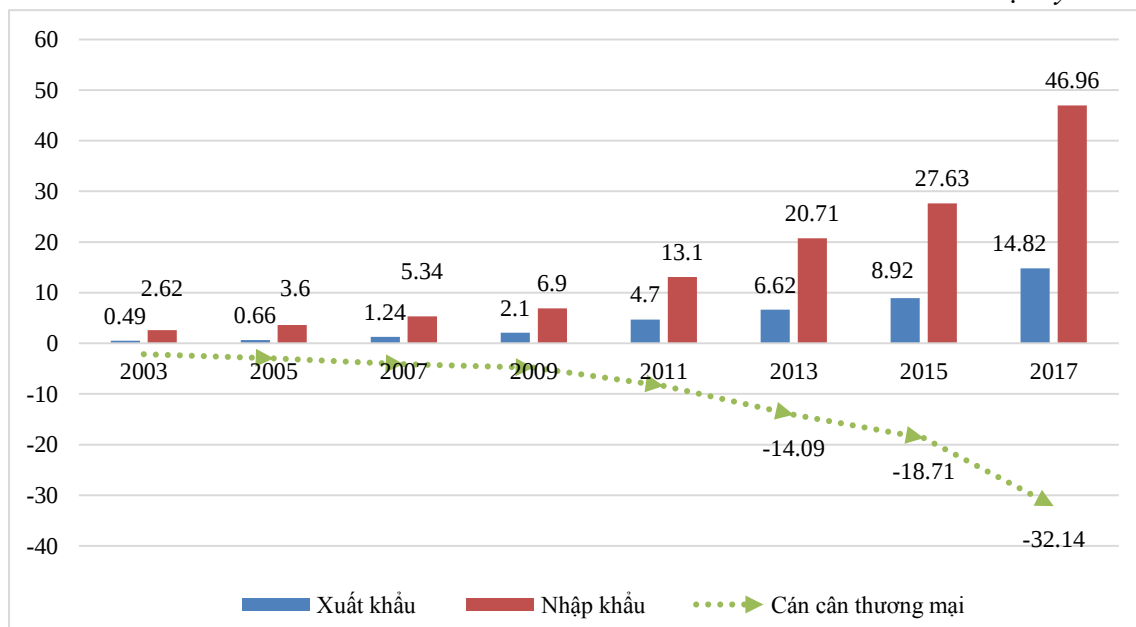
Một đặc điểm cố hữu trong cán cân thương mại của Việt Nam với Hàn Quốc là tình trạng thâm hụt lớn. Nói cách khác, trong quan hệ song phương giữa hai nước, xuất khẩu của Hàn Quốc sang Việt Nam đã vượt trội so với nhập khẩu chiều ngược lại.

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, giao thương giữa hai quốc gia luôn ở

tình trạng nhập siêu từ phía Việt Nam. Trước đó, năm 2008, Việt Nam đã nhập siêu từ Hàn Quốc 4,8 tỷ USD. Con số này tăng lên 8,4 tỷ USD trong năm 2011 và đạt 18,71 tỷ USD năm 2015, lên tới 20,6 tỷ USD trong năm 2016. Gần đây, cho dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc đã được chú ý đẩy mạnh nhưng chênh lệch về cơ cấu xuất nhập khẩu vẫn tồn tại với tình trạng nhập siêu từ Hàn Quốc ngày càng tăng nhanh.

**Hình 2: Tình hình kim ngạch xuất - nhập khẩu và cán cân thương mại
Việt Nam - Hàn Quốc từ năm 1992 đến 2017**

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan và của Bộ Công thương (các năm 2005, 2007)

Trong năm 2017, cán cân thương mại hàng hóa giữa hai nước tiếp tục mất cân bằng với mức thâm hụt 32,14 tỷ USD nghiêng về phía Việt Nam, cùng tỷ lệ nhập siêu là hơn 70%. Nếu so sánh với tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong năm 2015, mức thâm hụt này cao gần 2 lần. Một trong những nguyên nhân được cho là Việt Nam nhập khẩu một số lượng lớn nguyên phụ liệu từ Hàn Quốc để phục vụ sản xuất xuất khẩu nhưng những mặt hàng này lại không được xuất khẩu nhiều sang Hàn Quốc. Ví dụ, dù nhập khẩu nguyên liệu (xơ, sợi, vải,...) từ Hàn Quốc nhưng mặt hàng dệt may của Việt Nam lại chủ yếu xuất khẩu sang nhiều khu vực khác như Mỹ, EU, Nhật Bản...; hay như Việt Nam nhập nhiều linh kiện điện tử phục vụ sản xuất

của các nhà máy điện tử Hàn Quốc tại Việt Nam nhưng lượng xuất khẩu lại được phân bổ ra nhiều khu vực trên thế giới. Ngoài ra, kết quả này cũng đã được tiên lượng ngay sau khi hai quốc gia ký kết Hiệp định VKFTA (5/2015). Theo Hiệp định này, hai quốc gia cam kết giảm thuế một số mặt hàng hóa, ví như Việt Nam giảm thuế cho hàng hóa Hàn Quốc (trong đó có nhiều mặt hàng công nghiệp), Hàn Quốc mở cửa cho hàng hóa Việt Nam chủ yếu là hàng nông sản... Theo đó, hàng hóa của Hàn Quốc có thể vào Việt Nam dễ dàng hơn vì đáp ứng được các tiêu chuẩn cũng như chất lượng. Điều này cho thấy hai nước tuy cùng khai thác khuôn khổ một hiệp định, có chung các cơ chế thuế quan và độ mở thị trường nhưng Hàn Quốc khai thác thị trường Việt Nam triệt

đề hơn. Ngược lại, hàng nông sản của Việt Nam khó vào Hàn Quốc hơn bởi nhiều mặt hàng dường như chưa thể đáp ứng được yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm hay các tiêu chuẩn chất lượng của thị trường nước bạn.

Trên đây là những phân tích từ số liệu thống kê chính thức của Việt Nam, nếu tính thêm các con số phi chính thức khác thì có khả năng tỷ trọng hàng nhập khẩu vào Việt Nam sẽ cao hơn. Tuy vậy, ở khía cạnh khác, Hàn Quốc trở thành một trong những thị trường nhập siêu lớn nhất của Việt Nam đã góp phần làm giảm quan ngại trong việc báo động tình trạng phụ thuộc quá lớn vào một thị trường nhập khẩu Trung Quốc². Về vấn đề này, các cơ quan quản lý cũng như giới chuyên gia đã từng cảnh báo Việt Nam về các rủi ro khi nền kinh tế thế giới xảy ra biến động.

1.3. Cơ cấu thương mại song phương có tính bổ sung, hỗ trợ rõ nét

Một trong những đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc là cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu có tính bổ sung rõ nét, cơ bản không cạnh tranh trực tiếp.

So với giai đoạn trước 1992, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đã có những chuyển biến tích cực với tỷ trọng hàng nguyên liệu thô và nhiên liệu giảm dần, hàng chế tạo tăng dần. Nếu như năm 1993, nhóm hàng

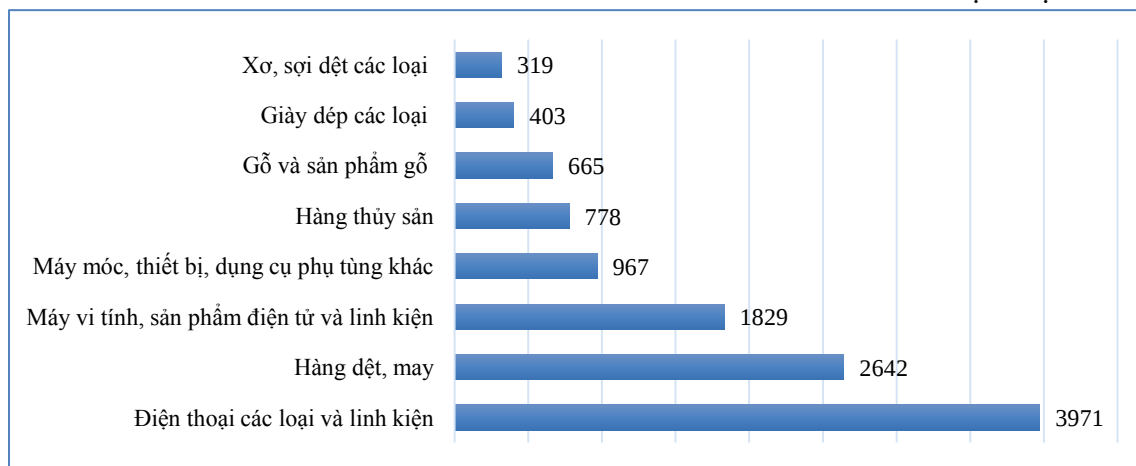
nguyên liệu thô và nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 35% tổng kim ngạch xuất khẩu thì tới năm 1997, con số này chỉ còn 13,3% kim ngạch xuất khẩu và khoảng 6,85% năm 2000. Trong một thời gian dài, Hàn Quốc là thị trường tiêu thụ quan trọng đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thủy sản, dệt may, giày dép, đồ gỗ. Trong khi đó, cơ cấu nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Hàn Quốc biến động không lớn. Hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc tập trung vào bốn nhóm hàng chính là nhiên liệu, hóa chất, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị vận tải phục vụ đầu tư, sản xuất, trong đó có một phần phục vụ các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam. Nói cách khác, cơ cấu thương mại giữa Việt Nam với Hàn Quốc phản ánh cơ cấu thương mại nói chung của Việt Nam và những lợi thế so sánh của Việt Nam về tài nguyên, về nguồn nhân lực và chi phí nhân công thấp. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nhiên liệu và nông sản sang Hàn Quốc, đồng thời nhập khẩu máy móc thiết bị và nguyên vật liệu sản xuất.

Giai đoạn gần đây, đặc biệt trong giai đoạn 2016 - 2017, cùng với việc dịch chuyển và mở rộng hoạt động sản xuất của các nhà máy Samsung (Bắc Ninh, Thái Nguyên), LG (Hải Phòng), Hàn Quốc trở thành thị trường tiêu thụ quan trọng đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như: điện thoại các loại và linh kiện (đạt 3,97 tỷ USD, tăng mạnh 45,4% so với năm 2016). Tiếp đó, mặt hàng dệt may (đạt 2,64 tỷ USD, tăng 15,8%); máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 1,83 tỷ USD, tăng 46%)... cũng là những mặt hàng góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

² Từ năm 2004, Trung Quốc đã vượt qua Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Trong nhiều năm qua, Việt Nam đang ngày càng phụ thuộc vào nguồn cung cấp hàng hóa từ Trung Quốc. Giai đoạn 2015 - 2016, Trung Quốc chiếm tới 1/6-1/7 kim ngạch xuất khẩu và 1/4-1/3 kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Đặc biệt, có những giai đoạn vượt qua Hàn Quốc để trở thành nhà cung cấp điện thoại và linh kiện lớn nhất cho Việt Nam.

Hình 3: Danh sách các mặt hàng chính Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc năm 2017

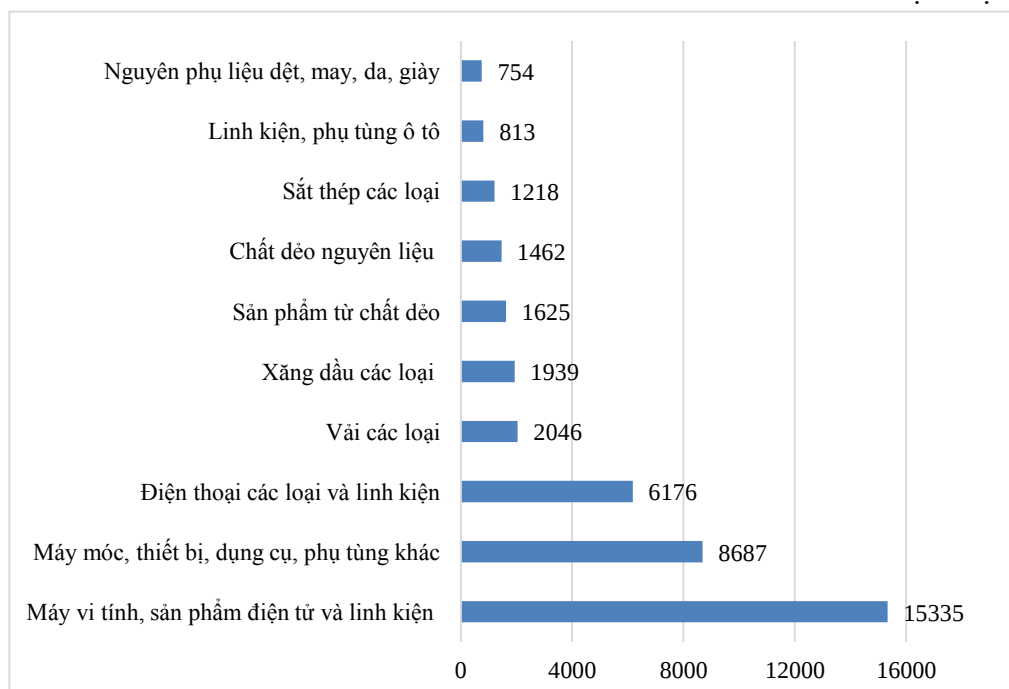
Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2018), Niên giám Thống kê Hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam (tóm tắt) 2017, tr.90-91

Hình 4: Danh sách các mặt hàng chính Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc năm 2017

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2018), Niên giám Thống kê Hải quan về hàng hóa XNK Việt Nam (tóm tắt) 2017, tr.91

Ở chiều ngược lại, nhóm mặt hàng như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện được các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ Hàn Quốc trong năm 2017 với trị giá đạt 15,3 tỷ USD, tăng mạnh 76,7% so với năm 2016 và chiếm 32,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ quốc gia này. Đây là kết quả từ quá trình gia tăng, mở rộng đầu tư liên tục của các tập đoàn Hàn Quốc (Samsung, LG...) trong thời gian qua tại Việt Nam, kéo theo nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu linh kiện cho hoạt động sản xuất. Tính đến 2017, Samsung đã đầu tư hàng chục tỉ USD vào các nhà máy tại Việt Nam chuyên sản xuất sản phẩm điện tử, thiết bị điện tử thông minh, điện gia dụng... Bên cạnh đó, các nhóm mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, vải các loại, điện thoại các loại và linh kiện cũng là các mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu vào Việt Nam tương đối cao. Nếu gộp chung tổng kim ngạch nhập khẩu của 4 nhóm mặt hàng đứng đầu, kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc trong năm 2017 đã chiếm tới 68%.

Ngoài những mặt hàng nhập khẩu nhằm phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu, các mặt hàng tiêu dùng cũng chiếm tỷ lệ tương đối. Thực tế du nhập và phát triển Hallyu cho thấy Việt Nam là một trong những quốc gia ở Đông Nam Á, là nơi Hallyu đã dần trở nên đại chúng hóa với tốc độ trưởng thành, độ yêu thích ngày càng cao và cũng là nơi các nội dung liên quan tới Hallyu được tiêu thụ mạnh mẽ¹.

¹ Xét về mức độ trưởng thành và yêu thích Hallyu, Đông Nam Á được đánh giá là khu vực được đánh giá là đã bước vào giai đoạn trưởng thành, là cứ điểm quan trọng của Hallyu, nơi mà các nội dung liên quan tới Hallyu được tiêu thụ mạnh mẽ nhất.

Từ sau thập niên 1990, bộ phim truyền hình Hàn Quốc “Mối tình đầu” đã mở màn cho làn sóng văn hóa xứ Kim Chi tràn sang Việt Nam, hình thành một tầng lớp khán giả yêu thích và bắt đầu cho Hallyu thứ nhất (Hallyu 1.0). Từ giữa thập niên 2000 là đợt sóng Hallyu thứ 2 (Hallyu 2.0) do các ngôi sao K-pop tạo nên và đối tượng tiêu dùng thuộc lứa tuổi 10-20. Tuy nhiên, giá trị tiêu thụ của những sản phẩm băng đĩa phim truyền và âm nhạc không cao do vấn đề vi phạm bản quyền, đăng tải tự do trên mạng internet ở Việt Nam. Từ sau năm 2010, văn hóa Hàn Quốc được giới thiệu rộng rãi qua các thước phim truyền hình, Kpop... và theo cách tự nhiên, ẩm thực Hàn Quốc, K-beauty (kiểu tóc, mỹ phẩm, thời trang...) cũng ngày càng thu hút được sự quan tâm tiêu dùng ở Việt Nam. Điều này hình thành nên đợt sóng Hallyu thứ 3 (hallyu 3.0) hay còn gọi là làn sóng Hallyu mới (sin-hallyu) trong ngành công nghiệp dịch vụ, từ đó mở rộng mạnh mẽ sang lĩnh vực lưu thông, phân phối (homeshopping, chuỗi cửa hàng tiện lợi....). Các sản phẩm tiêu dùng, đồ ăn, ngành hàng bán lẻ được các doanh nghiệp Hàn Quốc đưa sang nhờ hệ thống phân phối, siêu thị hiện đại lớn điển hình như Lotte, các cửa hàng K-mart nhỏ lẻ... Sau giai đoạn Hallyu 3.0, với thế mạnh của Hàn Quốc trong cuộc cách mạng 4.0 hiện nay, định hướng tiêu dùng cũng sẽ có thay đổi nhưng đích mà doanh nghiệp Hàn Quốc hướng đến sẽ bảo đảm 4 chữ: SAFE (Specific, Attractive, Familiar, Efficient).

1.4. Cùng tích cực hợp tác thương mại trong khuôn khổ đa phương

Quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược Việt Nam-Hàn Quốc duy trì đà phát triển mạnh mẽ, toàn diện và ngày càng đi

vào chiều sâu, trao đổi đoàn, tiếp xúc cấp cao giữa hai nước được duy trì thường xuyên. Bên cạnh hợp tác song phương đó, Việt Nam và Hàn Quốc là những đối tác quan trọng có đóng góp tích cực trong các diễn đàn, khuôn khổ hợp tác đa phương của khu vực và quốc tế như ASEAN- Hàn Quốc, ASEAN+3, ASEAN+6, các diễn đàn APEC, WTO...

Tiêu biểu, vào năm 2007, Việt Nam và các nước ASEAN khác đã ký một hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc (AKFTA), trong đó Hiệp định Thương mại hàng hóa có hiệu lực từ tháng 6/2007, Hiệp định Thương mại dịch vụ có hiệu lực từ tháng 5/2009, và Hiệp định Đầu tư có hiệu lực từ tháng 9/2009. Kết quả là ngay năm 2007, trao đổi thương mại hai chiều tăng trưởng nhanh chóng, trung bình 26,1%/năm, đưa tổng kim ngạch hai chiều năm 2010 tăng gấp 3 lần so với năm 2006, thời điểm trước khi Hiệp định AKFTA có hiệu lực².

2. Phát triển giao thương thời kỳ mới và hàm ý chính sách cho Việt Nam

“Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (CMCN 4.0) diễn ra theo xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối Internet (IoT) và các hệ thống kết nối Internet (IoS). Những đột phá công nghệ diễn ra trong nhiều lĩnh vực với tốc độ nhanh chóng và sức tương tác mạnh mẽ, tạo ra một thế giới được số hóa, tự động hóa, ngày càng trở nên hiệu quả và thông minh hơn. Bắt kịp các thành quả của cuộc cách mạng này chính là chìa

khóa, là cơ hội để tạo bước phát triển đột phá cho các nền kinh tế nhằm thực hiện thành công quá trình công nghệ hóa.

Trong bối cảnh mới, Việt Nam và Hàn Quốc cần thiết phải đẩy mạnh được thương mại đối ứng lẫn nhau, nâng cao ưu điểm của doanh nghiệp hai bên và trở thành những đối tác hợp tác cùng phát triển, chung vai sát cánh đầu tư sang nước thứ ba. Điều này cũng phù hợp với các quy tắc của WTO, theo đó khuyến khích các thành viên có quyền yêu cầu cân bằng thương mại lẫn nhau.

Trên thực tế, thành quả phát triển thương mại Việt Nam - Hàn Quốc phản ánh rõ ưu thế vượt trội trong tiến bộ khoa học, công nghệ của Hàn Quốc. Với các nội dung về hợp tác thương mại, Việt Nam cần chú trọng thỏa thuận đến các điều khoản đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Để đạt được điều này, Việt Nam cần chủ động áp dụng song song những quyết sách mang tính đồng bộ:

- 1) Cần định hướng phát triển có chọn lọc các ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh theo hướng “thâm dụng công nghệ”. Trong đó, cần chú ý phát triển cơ khí chế tạo và công nghiệp phụ trợ thích ứng với nhu cầu từng loại sản phẩm để vừa tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, vừa giảm thiểu nhập siêu, tiến tới cân bằng cán cân thương mại. Đồng thời, cần rà soát những mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh (do việc cắt giảm thuế quan theo cam kết WTO và AFTA) mà trong nước có khả năng sản xuất để có biện pháp hạn chế nhập khẩu (tuyên truyền vận động người dân và doanh nghiệp sử dụng hàng Việt Nam, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu

² Tham khảo Trúc Thanh Lê (2018), Củng cố và đẩy mạnh Hợp tác kinh tế và thương mại Việt Nam - Hàn Quốc <https://ngkt.mofa.gov.vn/cung-co-va-day-manh-hop-tac-kinh-te-va-thuong-mai-viet-nam-han-quoc/> [truy cập 23/9/2018]

trong sản xuất và tiêu dùng....) và khuyến khích sản xuất trong nước. Nói cách khác, song song với thúc đẩy xuất khẩu, chúng ta nên áp dụng các biện pháp giảm nhập khẩu bằng việc đẩy mạnh sản xuất hàng trong nước, các loại nguyên liệu, các mặt hàng phụ trợ cho sản xuất tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu thay thế hàng nhập khẩu cũng là một biện pháp quan trọng hạn chế nhập siêu.

- 2) Ngoài thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ thay thế hàng nhập khẩu, Việt Nam nên lựa chọn nhập khẩu các mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng cao tiên tiến. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đang chú trọng xây dựng thành phố thông minh, chính phủ điện tử, xây dựng hạ tầng thông tin, truyền thông... và đây là các lĩnh vực mà các doanh nghiệp Hàn Quốc đều có kinh nghiệm và thế mạnh.
- 3) Cần nỗ lực cải thiện cán cân thương mại thông qua bù đắp thâm hụt cán cân thương mại bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc. Theo xu thế giao thương hiện nay, cán cân thương mại rất khó có thể cân bằng trong một thời gian ngắn. Tuy vậy, hai phía cần nỗ lực bù đắp thâm hụt cán cân thương mại để giảm thiểu ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, nợ nước ngoài, đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ và tỷ giá hối đoái, hạn chế lạm phát. Mặt khác, nếu như Việt Nam để tình trạng thâm hụt thương mại trầm trọng liên tục trong nhiều năm, các ngành sản xuất trong nước sẽ bị nhận định là không có khả năng cạnh tranh quốc tế. Cốt lõi ở đây chính là cần thiết hỗ trợ

nâng cao sức cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu, thông qua các biện pháp như sau:

- a) Hỗ trợ cung cấp thông tin thông tin thị trường và xúc tiến thương mại thông qua phát triển hệ thống thông tin thương mại thị trường và tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích; nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo xu hướng giá cả và thị trường thế giới trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động.
- b) Rà soát quy trình sản xuất các mặt hàng được ưu đãi nhập khẩu vào Hàn Quốc theo Hiệp định VKFTA; tiếp đó, tiến hành tổ chức lại sản xuất thông qua chuyển đổi phương thức sản xuất và xuất khẩu phù hợp. Ví dụ, đối với mặt hàng nông sản, xem xét chuyển đổi từ sản xuất nhỏ phân tán sang sản xuất tập trung quy mô lớn, quản lý chất lượng từ nuôi trồng đến vận chuyển - chế biến - bảo quản - tiêu thụ, tìm cách tháo gỡ những khó khăn về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật phục vụ xuất khẩu; đối với sản phẩm công nghiệp, chuyển hướng từ sản xuất các sản phẩm gia công thuần túy sang các mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị hàng hóa.
- c) Kết nối các doanh nghiệp cung ứng nguyên phụ liệu với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối; giữa các khâu sản xuất - vận chuyển - chế biến - bảo quản - tiêu thụ, giữa nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà nước - nhà khoa học (trong nông nghiệp), giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài...

- d) Tăng cường thu hút và hỗ trợ các ngành sản xuất trọng điểm tiếp cận với FDI, công nghệ bên ngoài; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao kỹ năng của người lao động.
- e) Cần điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt và mang tính thị trường hơn, tránh để đồng tiền Việt Nam bị định giá cao. Điều này sẽ hỗ trợ cải thiện năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành chế tạo, là đối tượng chịu nhiều sức ép điều chỉnh lớn khi lợi thế lao động giá rẻ của Việt Nam bị suy giảm mạnh trong khi người máy và tự động hóa được phổ biến hóa.

Kết luận

Mở rộng hoạt động thương mại, đầu tư giữa các nước là yêu cầu khách quan để tối ưu hoá các tiềm năng và nguồn lực, nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trong thế giới toàn cầu hoá hiện nay. Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, có thu nhập trung bình thấp còn Hàn Quốc là nước công nghiệp, đang bước vào chu kỳ phát triển mới. Hai quốc gia có nhiều cơ sở vững chắc và tương lai tươi sáng bởi có rất nhiều điểm tương đồng về lợi ích cơ bản, về tiềm năng có thể bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau và nhu cầu hợp tác rất lớn. Những số liệu thống kê thực tế cho thấy Việt Nam và Hàn Quốc đã, đang và sẽ là những đối tác hết sức quan trọng của nhau.

Qua nghiên cứu, có thể nhận thấy tình trạng nhập siêu của Việt Nam với Hàn Quốc kéo dài với mức độ ngày càng lớn. Để khắc phục tình trạng này, Việt Nam

cần điều chỉnh cơ chế quản lý xuất nhập khẩu, cải thiện và đổi mới cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam. Tận dụng xung lực của thời kỳ chuyển giao CMCN 4.0, tăng cường hợp tác hướng tới phát triển công nghiệp 4.0 sẽ giúp hai quốc gia xây dựng mối quan hệ đối tác hợp tác vững bền và thành công hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. FTA Korea, 한중,한베 FTA 보완 대책 <http://www.fta.go.kr/main/apply/sup/5/> [truy cập 12/10/2018]
2. Tổng cục Hải quan Việt Nam (2018), Niên giám Thống kê Hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam (tóm tắt) 2017
3. Trúc Thanh Lê (2018), Củng cố và đẩy mạnh Hợp tác kinh tế và thương mại Việt Nam - Hàn Quốc <https://ngkt.mofa.gov.vn/cung-co-va-day-manh-hop-tac-kinh-te-va-thuong-mai-viet-nam-han-quoc/> [truy cập 23/9/2018]
4. 김민희 (2017), 한·베 FTA 발효 3년차, 교역 확대로 상호 호혜적 결과 실현, 산업통상자원부
5. 코트라 (2017), 2018년 베트남 경제 전망, 베트남 투자 뉴스, 2017. 12. 15.(금) No. 579
6. 현대경제연구원 (2013), 현안과 과제: 한국 - 베트남 시뮬레이션이 성공 요인과 시사점
7. Website Bộ Công thương (www.moit.gov.vn)
8. Website Tổng cục Hải quan (<https://www.customs.gov.vn>)

Abstract**VIETNAM AND KOREA TRADE
RELATIONS IN THE 1992 - 2017 PERIOD**

After a quarter of a century, the diplomatic relations between Vietnam and South Korea has developed strongly and increasingly in depth. South Korea is now a major force in technology and finance, while Vietnam is endowed with a rich wealth of resources as well as market. The two countries have similarities in humanity, cultural history, ideology, so they have the prospect of long-term cooperation. This development is based on each country's development strategy, and is also an inevitable consequence of the globalization process, and the trend of East Asian economic integration, which have

been strong in the past few decades. The boosting trade based on digital technology and integrating smart technologies to optimize the linkage procedures and methods is considered a decisive direction as well as is the key, an opportunity to create a breakthrough development for development.

The objective of this paper is to (1) explore the recent development situation in trade between Korea and Vietnam through the overview of trade characteristics, (2) to suggest some trade development policies of the two countries in the new context.

Keywords: Vietnam, Korea, Trade Relation, trade development

NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA NGƯỜI HÀN THỜI TAM QUỐC TRONG “TAM QUỐC DI SỰ” (SAMGUK YUSA)

*Nguyễn Trung Hiệp**

Tóm tắt

Tam quốc di sự là bộ sách sử - văn hóa đồ sộ mà bất cứ người Hàn nào cũng phải đọc qua một lần. Nội dung của bộ sách là những câu chuyện mang tính huyền sử về lịch sử, văn hóa, xã hội, văn học, tôn giáo... của các quốc gia trên bán đảo Korea thời Tam Quốc (thời cổ đại). Tham luận này chủ yếu tìm hiểu các nghi lễ vòng đời của người Hàn thời Tam Quốc qua các câu chuyện mang tính Phật giáo đó.

Từ khóa: Tam Quốc di sự; Phật giáo Hàn Quốc; Nghi lễ vòng đời; Quan hôn tang tế.

1. TAM QUỐC DI SỰ - BÁCH KHOA THƯ VỀ LỊCH SỬ - XÃ HỘI - VĂN HÓA KOREA CỔ ĐẠI

Tam quốc di sự (삼국유사 - Samguk yusa) do nhà sư I Ryeon (일연- Nhất Nhiên, 1206 - 1289) chủ biên (từ năm 1281) được xem như là một sự phê phán chế độ thống trị dựa trên nền tảng Nho giáo gia trưởng lúc bấy giờ. Mục đích trước tiên của việc biên soạn bộ sách này là để bổ sung những chi tiết lịch sử mang tính thần thoại và tôn giáo trong lịch sử Tam Quốc (57 tr.CN - 935, gồm 3 nước: Goguryeo, Baekje và Silla) mà Kim Pu Shik đã cố tình bỏ qua khi viết sách *Tam*

*quốc sử ký*¹ trước đó. Mục đích lớn hơn là để vực dậy tinh thần dân tộc trong tình cảnh đất nước quá lệ thuộc Trung Quốc và bị quân Nguyên Mông quấy phá. Nói cách khác, qua những câu chuyện Phật giáo, I Ryeon muốn thể hiện rằng dân tộc Hàn cũng là một dân tộc có nền văn hiến lâu đời, có thể sánh ngang hàng với Trung Quốc².

Bộ sách này (bằng Hán văn) có tất cả 5 quyển chia thành 9 phần lớn³, “kể về

¹ *Tam quốc sử ký* (삼국사기 - Samguk sagi) là bộ sách sử (bằng Hán văn) thời Tam Quốc của Korea, do sử quan Kim Pu Shik (김부식 - Kim Phú Thức, 1075 - 1151, một nhà Nho) chủ biên. Mục đích chính biên soạn bộ sách này là để bổ sung nguồn sử liệu về thời đại Tam Quốc do chính người Hàn viết vốn rất thiếu (lúc bấy giờ người ta phải tham khảo các sử liệu do người Trung Quốc viết). Nội dung gồm bốn phần lớn: “Bốn kỷ” (本紀, gồm 28 quyển) ghi chép các sự kiện lịch sử của ba nước Tam Quốc; “Niên biểu” (年表, 3 quyển) ghi chép tên các vị vua theo lịch đại, có đối chiếu với hoàng đế Trung Hoa; “Chi” (志, 9 quyển) miêu tả về đời sống xã hội - văn hóa của người dân thời Tam Quốc; và “Liệt truyện” (列傳, 10 quyển) kể về các tấm gương trung hiếu, văn nhân, hoa lang... của thời Tam Quốc... Tất cả các câu chuyện được thuật lại theo lối sử quan thực chứng. Tài liệu tham khảo để viết bộ sách này đa phần là sách lịch sử Trung Quốc, bởi lẽ một phần là vì sách sử trong nước thiếu thốn, một phần là vì Kim Pu Shik là một trong những người nặng tư tưởng mô Hoa (chủ nghĩa sự đại).

² Chính vì thế ông chỉ trích dẫn 27 nguồn tài liệu Trung Quốc, trong khi trích dẫn hơn 50 tài liệu Hàn [I Ryeon [Kim Won Jung dịch chú] 2007: 12].

³ Gồm: “Vương lịch” (王曆) là niên biểu vắn tắt về các vua thời Tam Quốc; “Kỷ dị 1 & 2” (紀異) ghi chép các câu chuyện của các vua từ thời Gojoseon đến hết thời Silla thống nhất; “Hưng pháp” (興法) chủ yếu nói về quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo Korea; “Tháp tượng”

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

các nhân vật đa dạng từ những vị vua có địa vị cao quý cho đến những cao tăng và cả những người dân thường” [I Ryeon [Kim Won Jung dịch chú] 2007: 5]. Vì được biên soạn bởi một nhà sư nên tác phẩm này có rất nhiều câu chuyện truyền thoại liên quan đến Phật giáo. Các câu chuyện này được I Ryeon kể lại theo lối sử quan thần di - vừa có yếu tố lịch sử, vừa có yếu tố hư cấu. Tuy nhiên, bộ sách có giá trị nghiên cứu rất cao vì I Ryeon, “với phương pháp khảo cứu tư liệu, khảo sát thực tế kèm theo tư tưởng bản thân, đã tập hợp nhiều tài liệu quý giá giúp tái cấu trúc đời sống xã hội - văn hóa cổ đại Korea” [Hội nghiên cứu văn học cổ điển Hwa Gyeong 2008: 475]. Ông đã ghi chép lại rất nhiều sự vật, hiện tượng và nhân vật thuộc nhiều lĩnh vực, từ lịch sử - chính trị đến văn hóa - xã hội Korea thời Tam Quốc. Bởi thế, **có thể nói Tam quốc di sự** vừa là một bộ sách lịch sử, vừa là một quyển sách văn hóa Phật giáo, vừa là một tuyển tập truyện dân gian Korea thời Tam Quốc.

2. NHỮNG NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA NGƯỜI HÀN THỜI TAM QUỐC ĐƯỢC GHI CHÉP TRONG TAM QUỐC DI SỰ

Để có thể hiểu biết về một tộc người, trước hết cần tìm hiểu đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của họ. Tín ngưỡng - tôn giáo được thể hiện qua hệ thống nghi lễ, trong đó, nghi lễ vòng đời (người) là một phần quan trọng. Theo nhà nghiên

cứ Ngô Đức Thịnh, nghi lễ vòng đời người là “những nghi lễ liên quan đến cá nhân, từ khi sinh ra đến khi chết” [Ngô Đức Thịnh (cb) 2001: 23]. Đó là những nghi lễ mà gia đình, gia tộc, thậm chí là cả cộng đồng thực hiện cho mỗi con người.

Từ xa xưa, dân tộc Hàn cũng có nghi lễ vòng đời người. Đó là những nghi lễ liên quan đến cá nhân nhưng không chỉ từ lúc sinh ra đến khi chết mà từ lúc trước khi được sinh ra (khi người mẹ chưa có thai) đến sau khi chết (khi con cháu thờ phụng). Trong bài tham luận này, chúng tôi sẽ tìm hiểu một vài câu chuyện tiêu biểu trong *Tam quốc di sự* có liên quan đến những nghi lễ vòng đời người Hàn cổ đại. Tuy nhiên, do giới hạn của một bài tham luận, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ những ***nghi lễ sinh sản, quan lễ*** (冠禮, lễ trưởng thành), ***hôn*** (婚禮, lễ kết hôn), ***tang*** (喪禮, đám tang) và ***tế*** (祭禮, cúng tế).

2.1. Nghi lễ sinh sản

Nghi lễ liên quan đến sinh sản có thể phân thành những nghi lễ trước khi sinh và sau khi sinh. Nhưng trong *Tam Quốc di sự*, gần như chỉ có ***nghi lễ trước khi sinh*** được đề cập đến. Cụ thể hơn, đó là những câu chuyện kể về việc *cầu có con* (기자 - 祈子 - kì tử) [Park Jin Tae & nnk 2002: 132].

Kì tử là hành động cầu khẩn các thế lực siêu nhiên ban cho một đứa con. Theo tín ngưỡng dân gian, người Hàn cổ đại thường cầu các thế lực: sơn thần, thủy thần, thổ thần... và Phật; nơi cầu khẩn thường là trên núi, bờ sông, hang động, gốc cây to, chùa... [Hội nghiên cứu văn học cổ điển Hwa Gyeong 2008: 481]. Dưới đây là một vài câu chuyện có nhắc đến việc kì tử.

(塔像) nói về lai lịch của các chùa và tượng Phật; “Nghĩa giải” (義解) kể về cuộc đời của các vị cao tăng Korea; “Thần chú” (神呪) kể về những hành động kỳ dị của các cao tăng phái Mật Tông; “Cảm thông” (感通) chỉ ra sự linh nghiệm trong việc tín ngưỡng Phật giáo; “Tỵ ẩn” (避隱) kể về các nhà sư ẩn cư và “Hiếu thiện” (孝善) kể về các tấm gương hiếu thảo và hành thiện cúng dường cho nhà Phật

(1) “Ung Nyeo (Hùng Nữ) không có người kết hôn nên thường cầu nguyện dưới gốc cây thần mong được có con. Hwan Ung (Hoàn Hùng) biến thành người, kết hôn với Ung Nyeo và sau này sinh được Dan Gun (Đàn Quân).” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Cổ Triều Tiên];

(2) “Vua Bu Ru (Phù Lâu) đã già mà không có con. Một ngày nọ ông đang làm lễ tế bên dòng suối lớn cầu con thì chợt được một đứa trẻ phía sau một tảng đá... Vua mang đứa trẻ về nuôi và sau này phong làm thái tử” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Đông Phù Dư];

(3) “Hai người [Phụ hoàng và mẫu hậu của vua Tal Hae (Thoát Giải) - người viết] sinh sống với nhau đã lâu mà không có con trai nên cầu nguyện có con trai. 7 năm sau người sinh ra một cái trứng... Chính vua Tal Hae được sinh ra từ trong quả trứng ấy.” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Vua Thoát Giải, vị vua thứ tư];

(4) “Vua Gyeong Deok (Cảnh Đức) không có con nên nhờ đại đức Pyo Hun (Biểu Huấn) lên thượng giới xin Ngọc Hoàng ban cho con trai... Nhưng nếu sinh con trai thì đất nước sẽ bị lâm nguy. Vua đã chấp nhận điều đó chỉ để có con trai.” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 2, mục Vua Cảnh Đức, sư Trung Đàm và đại đức Biểu Huấn];

(5) “Choi Eun Ham (Thôi Ân Hàm) đã già nhưng chưa có con trai bèn đến trước tượng Phật Quan Âm bồ tát ở chùa Jung Saeng (Chúng Sinh) cầu nguyện. Sau đó vợ ông đã sinh được con trai.” [Tam Quốc di sự, phần Thập tượng, mục Tượng Quan Âm ở ba nơi và chùa Chúng Sinh];

(6) “Vị quan Mu Rim (Mậu Lâm) [cha của đại đức Ja Jang (Từ Tạng) - người viết] không có con trai nối dõi nên

đã thành tâm cúng dường Tam bảo và cầu Thiên bộ quan âm bồ tát ban cho đứa con. Vợ ông sau khi mơ thấy một ngôi sao rơi vào lòng mình thì mang thai và sinh ra một cậu bé.” [Tam Quốc di sự, phần Nghĩa giải, mục Từ Tạng định ra giới luật]...

Tuy những câu chuyện trên có phần hư cấu nhưng có một sự thật không thể phủ nhận là người Hàn cổ đại, cũng giống như các dân tộc phương Đông khác, một khi không có con thường thành tâm cầu khẩn các thế lực siêu nhiên ban cho con dưới các hình thức như: chỉ cầu nguyện trong tâm (truyện 1, 3), lập đàn tế lễ (truyện 2), nhờ cao tăng trợ giúp (truyện 4), đi chùa lễ Phật (truyện 5, 6). Đặc biệt, truyện 4, 5 và 6 cho thấy Phật giáo chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tôn giáo - tín ngưỡng của người Hàn cổ đại. Ngoài ra, năm trên sáu truyện trên kể về việc người cha chỉ cầu có được con trai; kết quả là những đứa trẻ được sinh ra (trong cả sáu truyện) trên đều là bé trai. Sự giống nhau này cho thấy trong xã hội Korea cổ đại đã có tư tưởng trọng nam khinh nữ. Đây chính là một trong những ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa đến văn hóa Korea.

2.2. Quan lễ (lễ trưởng thành)

Quan lễ là nghi lễ báo cho cộng đồng biết rằng một cá nhân đã trưởng thành (quan = mũ, quan lễ = lễ đội mũ cho người trưởng thành). Đây là nghi lễ Nho giáo, bắt nguồn từ Trung Quốc. Tuy nhiên, trong *Tam quốc di sự*, không có bất kỳ ghi chép nào về nghi lễ đội mũ cho người trưởng thành. Vì thế, trong phần này, chúng tôi chỉ có thể phân tích một vài câu chuyện có thể cho biết độ tuổi trưởng thành của người Hàn cổ đại.

(1) “*Từ xưa ở nước Jin Han (Thìn Hàn) có sáu ngôi làng. [...] Một ngày nọ người ta tìm thấy một bé trai và một bé gái được sinh ra một cách thần kỳ. [...] Khi hai thánh nhân được 13 tuổi, người ta lập bé trai lên làm vua và lập bé gái làm hoàng hậu.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Vua Hách Cư Thế, thủy tổ của Silla];

(2) “*Kim Yu Shin (Kim Dữu Tín) tu luyện thành công kiếm thuật, trở thành quốc tiên [Tổng chỉ huy của tổ chức Hwarang, Hoa lang - người viết] ở độ tuổi 18.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Kim Dữu Tín];

(3) “*Đại vương Gyeong Mun (Cảnh Văn), có tên úy là Eung Ryeom (Ứng Liêm), đã trở thành quốc tiên năm 18 tuổi.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Đại vương Cảnh Văn]...

Câu chuyện thứ nhất kể về việc Hyeok Geo Se (Hách Cư Thế) và Al Yeong (Át Anh) làm vua và hoàng hậu khi mới 13 tuổi. Việc lên ngôi vua và kết hôn như thế cũng đồng nghĩa với việc hai đứa trẻ ấy được cho là đã trưởng thành. Câu chuyện thứ hai và thứ ba có chi tiết Kim Yu Shin và vua Gyeong Mun đã trở thành quốc tiên, tức là thành Hoa lang⁴, ở độ tuổi 18. Qua đây ta thấy tuổi trưởng thành ở các nước trên bán đảo Korea cổ đại không thống nhất nhau.

2.3. Hôn lễ

Các ghi chép về hôn lễ trong *Tam Quốc di sự* không nhiều. Ấy vậy mà nội dung được ghi chép không những khái lược mà còn tập trung nói về hôn lễ trong cung đình.

⁴ Hoa lang (화랑 - 花郎): tổ chức của những thanh thiếu niên ưu tú của Silla, thời Tam Quốc. *Hoa lang* thường được dùng như là một danh xưng để gọi một thanh thiếu niên thuộc tổ chức này.

(1) “*Vua [Su Ro - người viết] đóng trại ở chân núi cách cung điện 60 bộ về phía tây nam. [...] Khi hoàng hậu đến gần chỗ vua thì vua ra đón vào trong trại. [...] Hoàng hậu nói với vua rằng: “Thiếp là công chúa nước A Yu Ta (A Du Đà), họ Heo (Hứa) tên Hwang Ok (Hoàng Ngọc), năm nay 16 tuổi. Khi thiếp còn ở bản quốc hồi tháng 5 vừa rồi, phụ hoàng và mẫu hậu bảo rằng nằm mơ thấy Ngọc hoàng thượng đế [...] khuyên nên đưa thiếp đến Garak (Giá Lạc) kết duyên cùng vua Su Ro. [...] Cuối cùng, hôn lễ cũng được cử hành. Vua và hoàng hậu trải qua hai đêm rồi lại thêm một ngày. [...] Ngày mùng 1 tháng 8, vua và hoàng hậu lên kiệu về cung.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 2, mục Giá Lạc quốc ký];

(2) “*Thiếp là Yu Hwa (Liễu Hoa), con gái của Hà Bá. Khi thiếp cùng các em lên bờ chơi thì có con của Thiên Đế là Hae Mo Su (Giải Mộ Sấu) dụ thiếp đến ngôi nhà bên bờ sông Am Nok (Áp Lục) rồi tư thông. Sau đó người bỏ đi. Cha mẹ mắng thiếp là đi theo người khác mà không có mai mối nên đày thiếp đến sống ở đây.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Cao Câu Ly]...

Câu chuyện vua Su Ro (Thủ Lộ) kết hôn với công chúa Heo Hwang Ok (Hứa Hoàng Ngọc) tuy có nhiều yếu tố thần thoại nhưng phần nào đó cho thấy những nghi lễ hôn nhân truyền thống⁵ của người Hàn. Học giả Song Jae Yong đã chỉ ra được những nghi lễ ấy sau khi phân tích các tình tiết trong câu chuyện này. Trước hết, việc Ngọc hoàng báo mộng cho cha mẹ công chúa về hôn nhân giữa vua và Su

⁵ Xem thêm:

http://encykorea.aks.ac.kr/Contents/Contents?contents_id=E0042087

Ro và công chúa có thể xem như là lễ nghĩa hôn (의혼 - 議婚, nhà trai và nhà gái thảo luận việc hôn nhân dưới sự dẫn dắt của người mai mối). Khi gặp vua, công chúa đã giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của mình, điều này tương ứng với lễ vấn danh (문명 - 問名, phía nhà trai hỏi tên họ của mẹ cô dâu tương lai). Việc vua cùng với tùy tùng ra đón công chúa có thể xem là lễ nghênh thân (친영 - 親迎, chú rể đến nhà gái đón cô dâu). Đặc biệt, sau lễ thành hôn (tại doanh trại), vua và công chúa đã trải qua ba ngày rồi mới về cung điện (nhà trai). Đây là một phong tục hết sức đặc trưng của người Hàn: tam nhật vu quy (삼일우귀 - 三一日歸), tức là chú rể đến nhà gái làm lễ thành hôn, sau đó ở lại trong ba ngày rồi mới rước cô dâu về nhà trai... [Hội nghiên cứu văn học cổ điển Hwa Gyeong 2008: 493 - 494].

Thông qua câu chuyện thứ hai, người Hàn phê phán hành động tư thông trước hôn nhân và hành động (Hae Mo Su) rủ bỏ trách nhiệm (bỏ đi). Hậu quả của những hành động như thế thường thì chỉ có phụ nữ gánh chịu (Yu Hwa bị cha mẹ phạt). Ngoài ra, qua câu chuyện này ta có thể biết rằng hôn nhân mai mối đã có trên bán đảo Hàn từ thời Tam Quốc.

2.4. Tang lễ

Cái chết và việc tổ chức tang lễ được ghi chép tương đối nhiều trong *Tam Quốc di sự*. Tuy nhiên, nội dung chủ yếu nói về hình thức mai táng người chết mà thôi. Dưới đây là một số câu chuyện tiêu biểu có đề cập đến tang lễ.

(1) “Vua [Heok Geo Se - người viết] bay lên trời, sau bảy ngày thi thể tan rã và rơi xuống đất. [...] Người dân trong nước mang đầu và chân tay của vua mai táng ở 5 chỗ, tạo ra Ngũ lăng.” [Tam Quốc di

sự, *phần* Kỷ dị 1, *mục* Vua Hách Cư Thế, *thủy tổ của Silla*];

(2) “Vua [Tal Hae - người viết] chết năm 79 tuổi, [...] được mai táng tại So Cheon (Sơ Xuyên). Sau này thần hiện ra bảo “Hãy chôn xương ta cẩn thận”. [...] Người ta đập nát xương nặn thành tượng rồi đưa vào an trí trong cung điện. Thần lại bảo: “Hãy để xương của ta ở Dong Ak (Đông Ngạc)”.” [Tam Quốc di sự, *phần* Kỷ dị 1, *mục* Vua Thoát Giải, *đời* vua thứ tư];

(3) “Ông [Tướng công Chun Chu - người viết] cai trị đất nước trong 8 năm rồi qua đời. [...] Người ta mai táng ông tại phía đông chùa Ae Gong (Ai Công).” [Tam Quốc di sự, *phần* Kỷ dị 1, *mục* Thái tông Xuân Thu công];

(4) “Khi vua [Chin Heung - người viết] lâm chung đã cắt tóc, mặc pháp phục rồi tạ thế.” [Tam Quốc di sự, *phần* Kỷ dị 1, *mục* Vua Chân Hưng];

(5) “Đại vương [Mun Mu - người viết] để lại di chiếu muốn được an táng ở tảng đá lớn giữa biển Đông. [...] Trẫm muốn sau khi chết được trở thành một con rồng lớn canh giữ đất nước và tu luyện Phật pháp để bảo vệ đất nước.” [Tam Quốc di sự, *phần* Kỷ dị 2, *mục* Vua Văn Vũ Pháp Mẫn];

(6) “Ja Jang (Tì Tạng) xui và tạ thế. Thi thể của ông được hỏa táng và di cốt được đặt ở giữa hang đá [nơi ông tu luyện - người viết].” [Tam Quốc di sự, *phần* Nghĩa giải, *mục* Tì Tạng định ra giới luật];

(7) “Khi ông [cao tăng Won Hyo - người viết] nhập tịch, Seol Chong (Thiết Tông) nghiền nhỏ di hài, nặn thành chân dung của ông rồi đem thờ ở chùa Bun Hwang (Phân Hoàng).” [Tam Quốc di sự, *phần* Nghĩa giải, *mục* Nguyên Hiếu phóng túng không chịu bó buộc]...

Nội dung những câu chuyện trên cho ta thấy người Hàn thời Tam Quốc an táng người chết bằng nhiều hình thức khác nhau: mai táng (chôn thi thể dưới đất, truyện 1 và 3), phong táng (để thi thể lộ thiên cho gió mưa giúp phân hủy) rồi mai táng (truyện 1), mai táng rồi tây cốt táng (sau khi chôn thi thể một thời gian, người ta lấy xương người chết rửa sạch, nặn thành tượng đem đến nơi nào đó thờ) hay còn gọi là tổ tượng táng (truyện 2 và 7), thủy táng (để thi thể dưới sông nước, truyện 5), hỏa táng (thiêu thi thể thành tro rồi đem thờ, truyện 6)... Nơi an táng người chết thì đa phần nằm ở phía Đông. Mặt khác, ta cũng có thể thấy Phật giáo ảnh hưởng nhiều đến tang lễ (truyện 3, 4 và 7), bởi lễ Phật giáo là quốc giáo lúc bấy giờ.

2.5. Tế lễ (thờ cúng người đã chết)

Những câu chuyện trong *Tam Quốc di sự* được trình bày bên dưới là tài liệu quý giá ghi chép lại (tuy sơ lược) những nghi lễ trong việc cúng tế tổ tiên trong văn hóa Korea thời Tam Quốc.

(1) “*Con cháu của vua [Su Ro - người viết] 9 đời thờ phụng lăng miếu. Hằng năm con cháu của vua thường dâng lễ chay vào các ngày mùng 3 và 7 tháng giêng, mùng 5 tháng 5, mùng 5 và 15 tháng 8. [...] Hằng năm vẫn chuẩn bị đủ các lễ vật như rượu, trà, cơm, hoa quả, bánh trái để dâng cúng. [...] Trong suốt 330 năm, việc tế lễ diễn ra thường xuyên không hề thay đổi. [...] Vào cuối thời Silla, thành chủ tướng quân Chung Ji (Trung Chí) cho vẽ chân dung của vua lên trên tấm lụa rộng ba thước rồi đem treo lên trên tường và ngày đêm thắp đèn dâng hương thờ cúng.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 2, mục Giá Lạc quốc ký];

(2) “*Đến buổi sáng của ngày tế lễ, các trưởng lão của hương điền lại tập trung tại chùa Heung Nyun (Hưng Luân). Ngày mùng 5 tháng 8 chính là ngày Yeom Dok (Yém Độc) hiến thân mình cho Phật pháp.*” [Tam Quốc di sự, phần Kỷ dị 1, mục Vua Thoát Giải, đời vua thứ tư]...

Câu chuyện thứ nhất nói về việc con cháu vua Su Ro (Thủy Lộ, thủy tổ của Silla) đời đời kính cẩn cúng tế vua. Theo đó, mỗi năm người ta làm lễ cúng 5 lần, dâng đủ các thứ lễ vật. Không chỉ thế, người ta còn thờ cả di ảnh (tướng quân Chung Ji vẽ chân dung vua để thờ)... Câu chuyện thứ hai thì nói đến một khía cạnh khác: cúng tế theo nghi thức Phật giáo. Người chết đã một lòng hướng Phật nên người sống cũng thành tâm cúng tế người chết theo nghi lễ Phật giáo.

3. THAY LỜI KẾT

Thông qua những nghi lễ vòng đời người của một dân tộc, ta có thể tìm hiểu thế giới quan, nhân sinh quan, phong tục tập quán, tôn giáo - tín ngưỡng của dân tộc đó. Ở đây, trong bài tham luận này, thông qua những câu chuyện trong *Tam Quốc di sự* - một bộ bách khoa thư về lịch sử - xã hội - văn hóa Korea thời Tam Quốc, chúng tôi đã cố gắng tìm ra những nghi lễ vòng đời người cũng như đặc điểm của những nghi lễ đó của người Hàn thời Tam Quốc (thời cổ đại). Mặc dù nội dung các truyện được nhà sư I Ryeon viết rất sơ lược và mang đầy màu sắc thần bí nhưng đã cung cấp nhiều thông tin bổ ích về những nghi lễ liên quan đến sinh sản (chủ yếu là việc kì tử - cầu con), quan lễ (lễ trưởng thành), hôn lễ, tang lễ và tế lễ (cúng tế người đã chết) của người Hàn lúc bấy giờ.

Nhìn tổng thể, nghi lễ vòng đời của người Hàn thời Tam Quốc có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, đặc điểm dễ nhận thấy nhất, nghi lễ vòng đời người lúc bấy giờ chịu nhiều ảnh hưởng của Phật giáo. Điều này cũng dễ hiểu vì Phật giáo là quốc giáo của các nước trên bán đảo Hàn trong suốt một thời gian dài, đặc biệt là ở nước Silla.

Thứ hai, văn hóa Nho giáo Trung Hoa cũng có những chi phối đáng kể đến nghi lễ vòng đời người. Minh chứng điển hình là việc cầu khấn có con thì chỉ cầu có được con trai - tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Thứ ba, tuy vào thời Tam Quốc, trên bán đảo Hàn có rất nhiều quốc gia nhưng những nghi lễ vòng đời của các nước khá là giống nhau. Sự tương đồng này có thể được lý giải bởi hai lý do: 1- Người dân các nước này có cùng nguồn gốc tộc người, tức tổ tiên của họ là dân du mục Siberia phương bắc; và 2- Các quốc gia này một mặt cùng chịu sự chi phối của Trung Quốc, một mặt cùng tiếp xúc, tiếp biến văn hóa Trung Hoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) 2001: *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
2. 김영수 2009: *삼국유사와 문화코드*. 서울: 일지사 (Kim Young Ju: *Tam Quốc di sự và mã văn hóa*. Seoul: NXB Ilji).
3. 박진태, 정호완, 이동근, 김복순, 이강옥, 조수동 2002: *삼국유사의 종합적 연구*. 서울: 박이정 (Park Jin Tae: *Nghiên cứu tổng hợp Tam quốc di sự*. Seoul: NXB Pakijeong).
4. 일연 (김원중 역주) 2007: *삼국유사*. 서울: 민음사 (Il Yeon (Kim Won Jung dịch chú): *Tam Quốc di sự*. Seoul: NXB Mineum).

5. 임경순 2009: *한국어문화교육을 위한 한국문화의 이해*. 서울: 한국외국어대학교 출판사 (Im Gyeong Sun: *Giảng dạy văn hóa ngôn ngữ Hàn Quốc: Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*. Seoul: NXB ĐH Ngoại ngữ Hàn Quốc).

6. 화경고전문학연구회 2008: *삼국유사의 문학적 탐구*. 서울: 이회문화사, (Hội nghiên cứu văn học cổ điển Hwa Gyeong: *Nghiên cứu phương diện văn học của Tam Quốc di sự*. Seoul: NXB Ihoe Munhwa).

7. Encyclopedia of Korean Culture: <http://encykorea.aks.ac.kr/>

8. KOCCA: *고대의 관혼상제* (Quan hôn tang tế thời cổ đại). http://www.culturecontent.com/content/contentView.do?search_div=CP_THE&search_div_id=CP_THE013&cp_code=cp0316&index_id=cp03160006&content_id=cp031600060001&search_left_menu=

LIFE-CYCLE RITUALS OF THE ANCIENT KOREAN PEOPLE IN “SAMGUK YUSA” BY I RYEON

Abstract: *Samguk yusa* (三國遺事, Memorabilia of the Three Kingdoms) by the Monk I Ryeon is such a monumentally historical - cultural book that anyone being Korean has to read it once. The content of this book are the legendary - historical accounts of history, culture, society, literature, religion, etc... of the ancient nations in the Korean peninsula. This paper focuses on the life-cycle rituals of the ancient Korean people through those Buddhist-oriented stories.

Keywords: Samguk Yusa (Memorabilia of the Three Kingdoms); Korean Buddhism; life-cycle rituals; ceremony of coming-of-age, marriage, funeral, or ancestor worship.

HIỆN TƯỢNG VÀ GỢI Ý GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ MẮC LỖI NGỮ PHÁP CƠ BẢN CỦA NGƯỜI HÀN KHI NÓI TIẾNG VIỆT

Nguyễn Phương Lâm*

Tóm tắt

Cùng với sự phát triển kinh tế trong hơn 3 thập kỷ qua, tiếng Việt đang ngày càng trở nên quan trọng hơn và đặc biệt, mối quan hệ Việt Nam Hàn Quốc phát triển mạnh mẽ trong khoảng 10 năm gần đây khiến cho số lượng người Hàn Quốc học tiếng Việt trở nên đông đảo hơn và đối tượng người học cũng đa dạng hơn.

Vì vậy, chúng tôi đã nghiên cứu thực tế một số đoạn hội thoại ghi âm của học viên Hàn Quốc (đối tượng người trưởng thành) trình độ sơ cấp và trung cấp để tìm hiểu các lỗi sai thường gặp. Chúng tôi nhận thấy họ thường mắc các lỗi cơ bản như lỗi nói thiếu vị ngữ ở các đối tượng trình độ cơ sở chiếm 34,7% và 13,4% ở các đối tượng trình độ trung cấp, lỗi sai trật tự danh ngữ cơ bản chiếm 7,3% đối với các đối tượng trình độ sơ cấp và chiếm 5,5% đối với các đối tượng trình độ trung cấp.

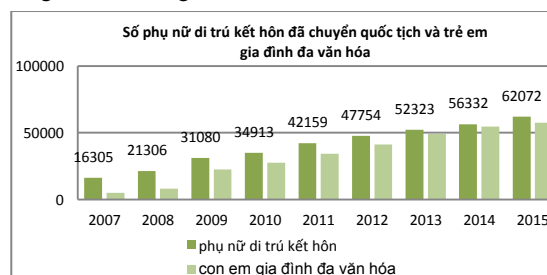
Các lỗi này phát sinh chủ yếu do cấu trúc câu cơ bản và cấu trúc danh ngữ của VN và HQ có trật tự khác nhau. Vì vậy để khắc phục lỗi do người học chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ cần có các bài tập ngữ pháp riêng về danh ngữ và vị ngữ để học viên lưu ý đến các lỗi này.

*Viện Giáo dục Xã hội Toàn cầu,
trường ĐHNN Hàn Quốc

I. Dẫn nhập

Việt Nam và Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1992, kể từ đó đến nay cùng với sự phát triển mối quan hệ giữa 2 nước trên nhiều mặt, số người học tiếng Hàn và tiếng Việt ở hai nước đều tăng lên. Đặc biệt với chính sách “trải thảm đỏ” thu hút đầu tư nước ngoài của chính phủ Việt Nam cùng những biến động trong khu vực đã tạo nên làn sóng chuyển hướng đầu tư của một số tập đoàn Hàn Quốc lớn vào Việt Nam. Trong 5 năm trở lại đây, số lượng người Hàn Quốc học tiếng Việt tăng lên khá lớn vì một số lý do. Một là, số cô dâu Việt tăng đều từ năm 2007 đến nay¹ kéo theo một số chương trình phúc lợi xã hội hỗ trợ đào tạo tiếng Việt cho các đối tượng thân nhân như chồng, con em gia đình đa văn hóa cũng tăng lên. Hai là, số dự án đầu tư mới hay mở rộng đầu tư vào

¹ Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, số phụ nữ di trú kết hôn Việt Nam năm 2007 là 16.305 người tăng lên 62.072 người năm 2015.



Việt Nam của người Hàn Quốc tăng lên². Mức sống ở Việt Nam ngày càng được cải thiện, số dự án đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Hàn Quốc tăng nhanh tạo ra một thị trường việc làm khá hấp dẫn cho người Hàn Quốc trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp ở Hàn Quốc còn khá cao. Đặc biệt, các chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực kỹ thuật cao, yêu cầu chuyển giao công nghệ v.v ... của chính phủ Việt Nam khiến các tập đoàn có xu hướng đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ 2 chiều: đào tạo tiếng Hàn cho các nhân viên Việt Nam và đào tạo tiếng Việt cho các nhân viên Hàn Quốc. Ngoài ra, năm 2014, chính phủ Hàn Quốc đã bổ sung tiếng Việt thành 1 trong 9 bộ môn ngoại ngữ 2 để các học sinh phổ thông trung học có thể lựa chọn khi thi đại học. Đây cũng là một kênh tạo ra nhu cầu học tiếng Việt khiến số lượng người học tiếng Việt tăng lên đông đảo hơn. Ở một số cơ quan tổ chức, tiếng Việt đã từ vị trí là một trong số các ngoại ngữ hiếm trở thành thứ ngoại ngữ phổ biến hơn. Rõ ràng, khi một thứ tiếng được yêu thích và có số lượng người học tăng cao không chỉ tạo ra nhu cầu về giáo trình, tài liệu giảng dạy đa dạng và hiệu quả cho từng đối tượng (sinh viên đại học, học sinh ôn thi đại học, con em gia đình đa văn hóa, cán bộ nhân viên có nhu cầu sinh sống và làm việc tại Việt Nam v.v...) mà còn đòi hỏi cần có thêm nhiều nghiên cứu cụ thể để tăng cường hiệu quả dạy - học tốt hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh người học càng ngày

càng bị hạn chế về thời gian do chỉ học các khóa học ngắn ngày sau đó cần áp dụng ngay vào công việc càng sớm càng tốt thì đầu tiên rất cần cơ chế giám sát lỗi để người học có thể tiệm cận nhanh với trình độ nói tiếng Việt chính xác trước khi có thể nói hay và nói giỏi.

Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát 76 đoạn hội thoại tiếng Việt của học viên Hàn Quốc trong quá trình học tiếng Việt, là những học viên ở độ tuổi trưởng thành và phần lớn đã có kinh nghiệm học ngoại ngữ. Trong đó có 26 hội thoại của các học viên trình độ sơ cấp (tạm gọi theo cách của chúng tôi để chỉ những người mới học tiếng Việt trong khoảng từ 100 tiết đến 300 tiết) và 50 hội thoại của các học viên trình độ trung cấp (tạm gọi theo cách của chúng tôi để chỉ những người đã học tiếng Việt trên 300 tiết). Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sẽ không đề cập đến các lỗi phát âm, tốc độ nói v.v ... và cũng chưa đề cập đến khả năng diễn đạt tình thái, cách sử dụng kết từ để thiết lập câu ghép một cách lô gic, lỗi sử dụng từ vựng hoặc cách diễn đạt khiến cường mà chỉ chú ý đến những lỗi cơ bản nhất nhằm giúp người học bước đầu nhận thức và khắc phục những lỗi ngữ pháp cơ bản trong khi nói.

II. Nội dung

1. Lỗi nòng cốt câu

Quan sát các dạng lỗi của học viên Hàn Quốc khi nói tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy có nhiều điều cần bàn, ví dụ các dạng lỗi ngữ pháp của người học khá đa dạng, từ nói thiếu động từ, sai trật tự từ đến lỗi diễn đạt, sử dụng sai từ loại, sử dụng sai giới từ v.v ... đặc biệt các dạng lỗi của người học ở các trình độ khác nhau cũng có sự thay đổi theo từng giai đoạn.

² Theo số liệu từ Cục Đầu tư Nước ngoài, tính đến tháng 3/2018, Hàn Quốc là nhà đầu tư số 1 tại Việt Nam với 6.760 dự án, trị giá hơn 59 tỷ USD gấp hơn 2 lần trị giá đầu tư tương ứng là 22,9 tỉ USD của năm 2010, về số lượng dự án cũng tăng gần gấp ba lần trong vòng 7 năm nếu so với 2.605 dự án tính đến thời điểm tháng 7-2011.

Tuy nhiên, trong phần này chúng tôi chỉ tập trung đề cập tới lỗi nói câu chưa hoàn chỉnh, tạm gọi là lỗi nòng cốt câu.

1.1. Thành phần nòng cốt câu

Trước tiên chúng ta nhắc lại quan điểm của các nhà ngôn ngữ học về nòng cốt câu. Theo Hà Huy Thái, tiếng Việt có 5 dạng câu văn hạt nhân: Loại A- Câu văn hạt nhân dùng với loại động từ không có đối tượng gồm 3 dạng: Dạng thứ nhất nêu lên sự tương đương tuyệt đối giữa bổ ngữ và chủ ngữ. Ví dụ: “Thời gian là vô tận”. Dạng thứ hai nêu lên sự tương đương tương đối giữa bổ ngữ và chủ ngữ. Ví dụ: “A là bác sỹ”. Dạng thứ 3 bổ ngữ thuộc quyền sở hữu hoặc nêu lên đặc điểm đặc tính của chủ ngữ. Ví dụ: “B có một căn nhà”; Loại B- Câu văn hạt nhân dùng với loại động từ có đối tượng trong đó bổ ngữ chịu sự tác động chủ ngữ thông qua vị ngữ gồm 2 dạng: Dạng thứ nhất là vị ngữ có đối tượng không có giới từ kèm theo. Ví dụ: “Bé hái hoa”. Dạng thứ hai là vị ngữ có đối tượng có giới từ kèm theo. Ví dụ: “Cô ấy nhắc đến anh”.³

Theo quan điểm này vị ngữ của câu thường là “là, có hoặc động từ” hay nói cách khác vị ngữ của câu thường được đồng nhất với động từ. Theo quan điểm của Nguyễn Văn Hiệp “thành phần chính của câu là thành phần tham gia vào nòng cốt câu. Thành phần chính gồm chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ” (Nguyễn Văn Hiệp, Cú pháp

tiếng Việt, 2017,96)⁴. Như vậy, chúng ta còn có thể thấy các dạng câu mà vị ngữ không phải là động từ như “Anh ấy 30 tuổi”, “Lúa này là của chị”. Trong đó, dấu hiệu của vị ngữ được thể hiện qua khả năng kết hợp của từ làm vị ngữ với các từ chỉ thời thể, tình thái ví dụ “đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, đều ...” là dấu hiệu để nhận biết vị ngữ.

Tác giả cũng cho rằng vị ngữ có thể là vị từ nội động, không yêu cầu bổ ngữ trong nòng cốt câu, ví dụ: “Bé ngủ/ cô ấy buồn”. Hoặc vị ngữ là vị từ ngoại động, yêu cầu có bổ ngữ trong nòng cốt câu ví dụ: “Tôi đọc sách/ Nhà xa trường”. Vị ngữ là vị từ thuộc nhóm trao tặng, yêu cầu có hai bổ ngữ trong nòng cốt câu: “Nó biếu bà cam/ Cô ấy gửi thư cho tôi”. Vị ngữ là vị từ tình thái tính, yêu cầu có bổ ngữ là một vị từ có đồng chủ thể ngữ pháp với chủ ngữ, ví dụ: “Nó dám cãi bố mẹ/ thằng bé suýt bị ngã xuống sông” (Nguyễn Văn Hiệp, Cú pháp tiếng Việt, 2017, 101).

1.2. Các loại lỗi nòng cốt câu

Khi quan sát các dạng lỗi của người học từ cấp độ sơ cấp đến trung cấp tiếng Việt, chúng tôi có thể thấy rất nhiều lỗi ngữ pháp, trong đó các lỗi nói thiếu động từ vị ngữ hoặc nói sai trật tự động từ vị ngữ, sử dụng sai vị ngữ, thiếu bổ ngữ, nói sai chủ ngữ v.v ...đều phạm lỗi nói sai, thiếu thành phần nòng cốt vì vậy chúng tôi coi đó là lỗi nòng cốt câu.

Khảo sát 26 ngữ liệu hội thoại của các học viên ở trình độ dưới trung cấp, có thể thấy tần số mắc lỗi nòng cốt khá nhiều, gồm 33 lỗi chiếm khoảng 34,7%% trong tổng số 95 lỗi. Ví dụ các lỗi như sau:

³ Ngữ Pháp tiếng Việt hiện đại, Lưu Văn Lăng, Câu tiếng Việt với các dấu câu, Hà Huy Thái, p.169, 2008.

Dạng 1	Chủ ngữ	Vị ngữ (là)	Bổ ngữ
Dạng 2	Chủ ngữ	Vị ngữ (là)	Bổ ngữ
Dạng 3	Chủ ngữ	Vị ngữ (có)	Bổ ngữ
Dạng 4	Chủ ngữ	Vị ngữ (không có giới từ kèm theo)	Bổ ngữ
Dạng 5	Chủ ngữ	Vị ngữ (Có giới từ kèm theo)	Bổ ngữ

⁴ Nguyễn Văn Hiệp, Cú pháp tiếng Việt, 2017,97)

Việc này	Chắc chắn	Bây giờ	tôi	Phải	Suy nghĩ	đã
Khởi ngữ	Định ngữ	Trạng ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ	Tình thái ngữ

Câu sai	Câu hoàn chỉnh	Lỗi
Tôi có thể đi đồng nghiệp và nói chuyện	Tôi có thể đi gặp đồng nghiệp và nói chuyện	Lỗi nói thiếu động từ “gặp” có vai trò bổ nghĩa cho động từ đi và là thành phần liên quan trực tiếp đến bổ ngữ “đồng nghiệp”
Sở thích của em là cũng nghe nhạc	Sở thích của em cũng là nghe nhạc	Lỗi nói sai trật tự từ “cũng”, vi phạm nguyên tắc “cũng” thường phải đứng trước vị ngữ.
Theo ý kiến của tôi, nhân viên VN cũng thích với anh	Nhân viên Việt Nam cũng thích nói chuyện/ chơi ... với anh	Lỗi nói sai trật tự từ “cũng”, vi phạm nguyên tắc “cũng” thường phải đứng trước vị ngữ.
Tôi đã tiếng Việt ở khu sinh hoạt ngoại ngữ	Tôi đã học tiếng Việt ở khu ký túc xá	Lỗi nói thiếu động từ vị ngữ “học”
Tôi không thể thời gian nên học Tiếng Việt trên mạng	Tôi không thể có thời gian nên đã học tiếng Việt trên mạng	Lỗi nói thiếu động từ “có” liên quan trực tiếp đến bổ ngữ “thời gian”
Gia đình của em là 4 người	→ Gia đình em có 4 người	Lỗi dùng sai vị ngữ “là” ⁵ .
Tôi tuổi 38	Tôi 38 tuổi	Lỗi dùng sai cách nói tuổi ⁶ .
Công ty chúng tôi phải các hóa chất bảo quản dưới 20 độ	Công ty chúng tôi phải bảo quản hóa chất dưới 20 độ C.	Lỗi nói nhầm vị trí động từ bảo quản, động từ bảo quản phải nằm ngay sau động từ tình thái “phải”
Người Hàn Quốc sống ở chung cư hơn	Người Hàn Quốc thích sống ở chung cư hơn.	Lỗi nói thiếu động từ tình thái “thích” vốn là vị ngữ trong câu.
Vợ em làm công ty ABC	vợ em làm ở công ty ABC.	Lỗi nói thiếu giới từ “ở” cũng là thành phần quan trọng để thông báo nội dung chính của câu này.
Công nhân không hiểu của em	Công nhân không hiểu ý của em	Lỗi nói thiếu thành phần bổ ngữ “ý kiến, ý, lời v.v...”
Nhà tôi rất phong cảnh đẹp	Phong cảnh nhà tôi rất đẹp/ Nhà tôi có phong cảnh rất đẹp	Lỗi nói sai chủ ngữ hoặc sử dụng sai cấu trúc câu
Tôi đã Việt Nam 10 lần rồi	Tôi đã đi Việt Nam 10 lần rồi	Lỗi nói thiếu động từ vị ngữ “đi”
Tôi tiếng Việt 1 tháng rồi	Tôi học tiếng Việt 1 tháng rồi	lỗi nói thiếu động từ vị ngữ “học”
Tôi có thể 1 năm.	Tôi có thể làm việc 1 năm	lỗi nói thiếu động từ “làm việc/...”
Sau đó, tôi thời gian với công nhân.	Sau đó tôi có thời gian nói chuyện/ làm việc với công nhân	lỗi nói thiếu vị ngữ “có”
Tôi có thể tiếng Việt một chút.	tôi có thể nói tiếng Việt một chút	lỗi nói thiếu động từ bổ ngữ “nói” bổ nghĩa cho “có thể”
Tôi thường bằng xe ô tô	Tôi thường đi bằng xe ô tô	lỗi nói thiếu động từ “đi”

⁵ có thể đây là lỗi do ảnh hưởng cấu trúc câu tiếng Hàn “우리가족은 4명이다”. Trong đó người học thường mặc định 이다 là hệ từ “là” trong tiếng Việt.

⁶ đối với người học cấu trúc câu nói tuổi khá đặc biệt vì không tìm thấy động từ vị ngữ.

Đối với người học ở cấp độ cơ sở, đang trong quá trình làm quen với tiếng Việt, lại xét dưới góc độ các lỗi trên mắc phải khi nói, chứ không phải khi viết, tức là người học bị áp lực về tốc độ nói, khả năng huy động tự vựng, các mẫu câu đã học để tái cấu trúc một câu mới nhằm diễn đạt ý của mình qua một ngôn ngữ mới thì có thể nói đây là giai đoạn người học có thể mắc rất nhiều lỗi. Tuy nhiên như đã nêu ở trên, nhiều nghiên cứu kinh điển về ngữ pháp tiếng Việt khẳng định thành phần chính của câu là “chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ”. Trong đó, các nhà nghiên cứu cũng cho rằng “vị ngữ là đỉnh cao nhất của câu, xét về bình diện ngữ pháp, nó là phạm trù khẳng định/phủ định và thể hiện dấu hiệu theo nghĩa rộng nhất của từ này” (Panfilov 1993, bản dịch tiếng Việt 2008, 73). Như vậy, các lỗi thiếu thành phần chính hoặc nói sai trật

tự của thành phần chính trong câu là một trong những lỗi cơ bản nhất cần được điều chỉnh ngay từ đầu, cần được nhấn mạnh để người học có ý thức chú ý hơn khi tập đặt câu, tập viết, tập nói. Đặc biệt ở trình độ cơ sở, khi người học thường mới chỉ nói các câu đơn giản, có độ dài khá ngắn, giáo viên cần uốn nắn và lưu ý ngay để người học biết đây là một trong những lỗi ngữ pháp cơ bản nhất trong tiếng Việt.

Đặc biệt nếu không chú ý đến ngữ pháp nòng cốt câu ngay từ đầu, các lỗi này vẫn có thể xảy ra ở giai đoạn sau. Tìm hiểu đối tượng ở trình độ trung cấp hoặc đã học tiếng Việt với thời lượng khoảng trên 300 tiết, chúng ta vẫn có thể thấy hiện tượng lỗi nói thiếu vị ngữ hoặc sử dụng sai nòng cốt câu, mặc dù tần số xuất hiện ít hơn chỉ chiếm 13,4% trong tổng số các loại lỗi. Cụ thể có một số lỗi sai như sau:

Câu sai	Câu hoàn chỉnh	Lỗi
Sau khi em quay lại Việt Nam sẽ mùa khô	Sau khi em quay lại Việt Nam sẽ là mùa khô	(lỗi thiếu vị từ “là”)
Em đã tập trung tiếng Việt	Em đã tập trung vào tiếng Việt hoặc em đã tập trung học tiếng Việt	Lỗi thiếu động từ “học” hoặc thiếu giới từ “vào”
Em chỉ máy tính để viết báo cáo	em chỉ dùng máy tính để viết báo cáo	Lỗi thiếu động từ “dùng”
Em chưa bao giờ Nhật Bản nói ra tiếng Việt	em chưa bao giờ thấy người Nhật Bản nói tiếng Việt	Lỗi nói thiếu động từ “thấy”
Em sống với nước ngoài →	Em sống với người nước ngoài	Lỗi nói sai bổ ngữ do thiếu từ “người”
Em chưa bao giờ kinh nghiệm đó →	Em chưa bao giờ có kinh nghiệm đó / em chưa bao giờ trải qua việc đó/ em chưa bao giờ gặp trường hợp đó	lỗi sử dụng sai từ loại “kinh nghiệm” (động từ - danh từ) gây ra thiếu động từ liên quan đến bổ ngữ “kinh nghiệm”
Em đã phần mềm kế toán	Em đã thiết kế phần mềm kế toán	Lỗi nói thiếu động từ “sử dụng/ tạo ra/ thiết kế v.v...”
Em luôn luôn 1 quán bar	Em luôn luôn đến 1 quán bar	Lỗi nói thiếu động từ vị ngữ
Nhưng không trung tâm quận 1	Nhưng không phải là trung tâm quận 1	Lỗi nói thiếu cụm từ “không phải là” khi phủ định với hệ từ là
Khi tắc xi thì phải tiền mặt	Khi đi tắc xi thì phải trả tiền mặt	Lỗi nói thiếu động từ “trả”

Như vậy có thể thấy, đối với nhóm người học ở trình độ trung cấp (có thời lượng học tiếng Việt dài hơn) độ dài mỗi phát ngôn dài hơn và sử dụng nhiều mẫu câu đa dạng hơn thì lỗi nòng cốt đã giảm đi nhưng vẫn còn khá nhiều. Đặc biệt có thể quan sát thấy chủ yếu lỗi nòng cốt câu thường rơi vào trường hợp sử dụng thiếu động từ vị ngữ, hoặc thiếu động từ đứng sau trợ động từ hoặc phụ từ/ phó từ khác (ví dụ: luôn luôn, chỉ, tập trung, chưa bao giờ ...). So sánh cấu trúc câu cơ bản có thể thấy cấu trúc câu tiếng Hàn chủ yếu theo dạng C- B- V, khác với trật tự C-V-B của Việt Nam, vị ngữ trong tiếng Hàn thường nằm ở cuối phát ngôn thì vị ngữ trong tiếng Việt thường nằm ngay sau chủ ngữ và trước bổ ngữ. Vì vậy có thể phán đoán ở trình độ trung cao cấp, trong quá trình nói có một số trường hợp mắc lỗi do sơ xuất (error) chứ không hẳn là do không biết quy tắc ngữ pháp. Cho dù như vậy, lỗi nòng cốt tạo ra những câu què cụt chứng tỏ sự chưa thành thục trong kỹ năng tức thì tạo lập 1 câu, 1 đoạn hội thoại mới. Đặc biệt đối với người nghe, việc vi phạm lỗi nòng cốt dường như vẫn gây một ấn tượng mạnh về trình độ yếu kém của người sử dụng ngôn ngữ bởi tầm quan trọng của thành phần nòng cốt như đã trình bày ở trên. Chính vì vậy việc lưu ý người học (là người Hàn Quốc) về các lỗi nòng cốt là rất cần thiết.

2. Lỗi danh ngữ

Trong số các lỗi sai của học viên Hàn Quốc khi nói tiếng Việt, chúng tôi cũng nhận thấy có nhiều lỗi sai trật tự từ tạo ra các diễn đạt kỳ cục thậm chí khó hiểu, nhưng trước tiên chúng tôi thử thống kê và tìm hiểu các lỗi sử dụng danh ngữ. Danh ngữ là một tổ hợp có quan hệ

chính phụ do danh từ làm chính tố (Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê, 304). Khi nói đến danh ngữ, chúng ta có thể hình dung nó thường được sử dụng làm thành phần chủ ngữ, bổ ngữ hay trạng ngữ. Ví dụ: “**Một cô gái xinh đẹp** tiên đến”/ “Nhà tôi nuôi **2 con chó to lông xù**”/ “**Vào một ngày trời đẹp**, anh ấy đã quyết định ra đi”. Đối với người học ngoại ngữ, danh ngữ là một trong những thành phần vô cùng quan trọng để mở rộng câu, tạo lập câu phức nhằm diễn giải, mô tả, trình bày một vấn đề, sự việc hay sự vật nào đó. Tuy nhiên có một vấn đề là trật tự từ là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng trong tiếng Việt nhưng lại không giống với trật tự danh ngữ trong tiếng Hàn Quốc. Điều này khiến cho người Hàn Quốc học tiếng Việt gặp khá nhiều khó khăn.

2.1. Trật tự danh ngữ trong tiếng Việt và trật tự danh ngữ trong tiếng Hàn

Ngay từ khi mới học, các học viên Hàn Quốc đều có thể nhận thấy khi nói tiếng Việt “Tôi yêu bạn” thì tương ứng trong tiếng Anh có dạng câu “I love you” và bởi thế người học có thể yên tâm là cấu trúc câu tiếng Việt mặc dù khác tiếng Hàn Quốc ‘나는 너를 사랑하다’ (tôi bạn yêu) nhưng lại khá gần với tiếng Anh. Nhưng khi nói “cô gái xinh đẹp” trong tiếng Anh sẽ có dạng “beautiful girl” và trong tiếng Hàn người ta cũng nói ‘예쁜 여자’ (xinh đẹp cô gái). Như vậy cấu trúc danh ngữ tiếng Việt khác với tiếng Hàn và cả tiếng Anh.

Chúng ta hãy tìm hiểu vị trí của các thành phần trong 1 danh ngữ tương đối phức tạp dưới đây:

Cháu ấy rất thích **hai cái ô tô cảnh sát đen trắng mới mua này**.

Hai	cái	ô tô	cảnh sát	đen	trắng	mới mua	này
두	개	자동차	경찰	까맣다	희다	새로 산	이
Số từ	Loại từ	Danh từ	Danh từ	Tính từ	Tính từ	Động từ	Đại từ

Trong tiếng Việt, (không bàn đến vị trí của danh từ, tính từ, động từ là thành tố phụ bổ nghĩa cho danh từ chính có bắt buộc phải được sắp xếp theo thứ tự danh từ - tính từ - động từ hay không) về cơ bản danh từ được bổ nghĩa (danh từ chính) sẽ đứng trước tất cả các thành phần bổ nghĩa

cho nó bao gồm cả danh từ, tính từ, động từ hay đại từ chỉ định. Danh từ chính chỉ đứng sau loại từ và số từ hoặc lượng từ.

Trong tiếng Hàn, trật tự của các thành tố hoàn toàn ngược với tiếng Việt. Ví dụ trên sẽ được trình bày trong tiếng Hàn theo thứ tự như sau:

이	새로 산	희	까만	경찰	차	두	대
này	mới mua	trắng	đen	cảnh sát	xe ô tô	hai	cái
Đại từ	Động từ	Tính từ	Tính từ	Danh từ	Danh từ	Số từ	Loại từ

Hơn nữa, khác với tiếng Việt, vị trí của các loại thành tố phụ của danh ngữ được qui định một cách chặt chẽ thì trong tiếng Hàn vị trí của các thành tố phụ bổ nghĩa cho danh ngữ có thể di chuyển ở một vài vị trí.⁷

Hai cái ô tô cảnh sát đen trắng mới mua này.

- 1) 이 새로 산 희고 까만 두 대의 경찰 차
- 2) 이 새로 산 희고 까만 경찰 차 두 대
- 3) 새로 산 이 희고 까만 경찰 차 두 대
- 4) 새로 산 희고 까만 이 두 대의 경찰 차

➔ Ví dụ: vị trí của số từ, loại từ (hai cái) có thể nằm ở trước danh từ chính (xe) như trường hợp 1,4 và cũng có thể nằm ở vị trí sau danh từ chính (xe) như trường hợp 2,3. Vị trí của chính danh từ chính như xe cũng có thể nằm ở cuối cùng hoặc trước số từ, loại từ. Đặc biệt từ chỉ định “này” còn có thể di chuyển ở 3 vị trí như 1), 3) và 4)

Như vậy, nhiều khả năng học viên Hàn Quốc ít chú ý đến yêu cầu chặt chẽ về vị trí của các thành tố thuộc định ngữ trong tiếng Việt do tính tự do tương đối của các thành tố trong tiếng Hàn.

Với trật tự danh ngữ khá khác nhau như vậy, một câu mô tả, diễn giải với nhiều thành phần bổ nghĩa cho danh từ sẽ gây bối rối cho người học khi tìm cách đọc hiểu hay dịch nghĩa. Và còn khó khăn hơn nhiều khi người học phải thiết lập và phát ngôn tức thì 1 đoạn văn mô tả diễn giải. Vì vậy, đối với người học ở trình độ trung cấp trở lên, khi nhu cầu diễn giải, mô tả sâu hơn, kỹ hơn trong mỗi phát ngôn thì họ cũng có thể chia đoạn văn/ câu phức đó ra thành 2, 3 câu để diễn tả. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là có cả những lỗi trật tự ngược khi sử dụng những danh ngữ chỉ có 2 thành phần gồm 1 danh từ được bổ nghĩa và 1 thành phần phụ bổ nghĩa (có thể là danh từ/ tính từ/ động từ). Trong bài viết này, chúng tôi chỉ khảo sát những lỗi danh ngữ đơn giản ở cấp độ 2 thành phần, bởi trên cơ sở nhớ

⁷ Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt, Ahn Kyong Hwan, NXB giáo dục, 1997, p. 49.

được cấu trúc định ngữ đơn giản người học mới có thể thiết lập chính xác và thuần thục các định ngữ phức tạp. Trường hợp định ngữ đơn giản, thiết tưởng cũng khá dễ, theo nguyên tắc danh từ chính đứng trước và thành phần phụ bổ nghĩa đứng sau nó. Ví dụ: Thủ đô Hà Nội (thủ đô là thành tố chính, trong số nhiều thủ đô người ta nói đến thủ đô Hà Nội)/ Ngân hàng nông nghiệp (ngân hàng

là thành phần chính, trong số nhiều ngân hàng, người ta muốn nói đến các ngân hàng nông nghiệp)/ nhà cao (nhà là thành phần chính, trong số nhiều nhà, người ta muốn nói đến cái nhà cao)/ ô tô đang chạy (ô tô là thành phần chính, chạy là thành phần phụ bổ nghĩa để phân biệt với các ô tô đang đỗ). Tương tự trong tiếng Hàn, các danh ngữ này sẽ có thứ tự ngược với tiếng Việt như sau:

Tiếng Việt	Tiếng Hàn
Thủ đô Hà Nội	하노이 수도 (Hà nội thủ đô)
Ngân hàng nông nghiệp	농업 은행 (nông nghiệp ngân hàng)
Nhà cao	높은 건물 (cao nhà)
Ô tô đang chạy	달리고 있는 자동차 (chạy đang ô tô)

2.2. Các lỗi danh ngữ

Tưởng chừng chỉ cần nhớ danh từ chính đứng trước và các thành phần phụ, trừ số từ, lượng từ, loại từ đứng trước, còn lại đều đứng sau danh từ chính thì có thể nói một cách chính xác nhưng trên thực tế khi khảo sát 26 trường hợp thuộc trình độ cơ sở có thể thấy 7 lỗi sai trật tự danh ngữ đơn giản, chiếm khoảng 7,3% trong tổng số 95 lỗi.

Ví dụ: Ở Hàn Quốc có hoa lễ hội/
Sản xuất thời gian/ Vì món Teokug là truyền thống món ăn ở Hàn Quốc/ Quen rồi về Việt Nam thời tiết/ Việt Nam tên em là/ Mới kinh nghiệm

Đối với 50 trường hợp thuộc trình độ trung cấp có thể thấy tỷ lệ lỗi trật tự danh ngữ đơn giản (2 thành phần) giảm xuống còn 5,5%, gồm 7 lỗi trong tổng số 126 lỗi.

Ví dụ: quy định giai đoạn/ chủ yếu khách hàng/ đến 6 tháng/ có nhiều nước ngoài công ty/ tiền là thứ nhất vấn đề/ Hàn Quốc khí hậu,/ nghiêm trọng vấn đề/

thành phố Hồ Chí Minh là công nghiệp và kinh tế của Việt Nam trung tâm

Trừ trường hợp “đến 6 tháng → đến tháng 6” (danh từ và số từ), mới kinh nghiệm (danh từ và tính từ) phần lớn các lỗi xảy ra đều ở dạng 2 danh từ. Vấn đề ở đây là tuy mới chỉ sử dụng 2 danh từ mà người nói đã nhầm lẫn trật tự, chứng tỏ người nói chưa nhận thức rõ đâu là danh từ chính, đâu là thành phần bổ nghĩa.

Cũng như đối với lỗi nòng cốt câu, phản ứng của người Việt Nam khi nghe thấy lỗi danh ngữ đơn giản khá tồi tệ. Lỗi danh ngữ tạo ra những diễn ngôn lộn ngược kỳ cục, vì vậy việc vi phạm lỗi danh ngữ đơn giản cũng gây phản cảm đồng thời là cản trở lớn khi người học tiếp tục mở rộng danh ngữ phức tạp hơn.

3. Cơ chế mắc lỗi và đề xuất biện pháp khắc phục

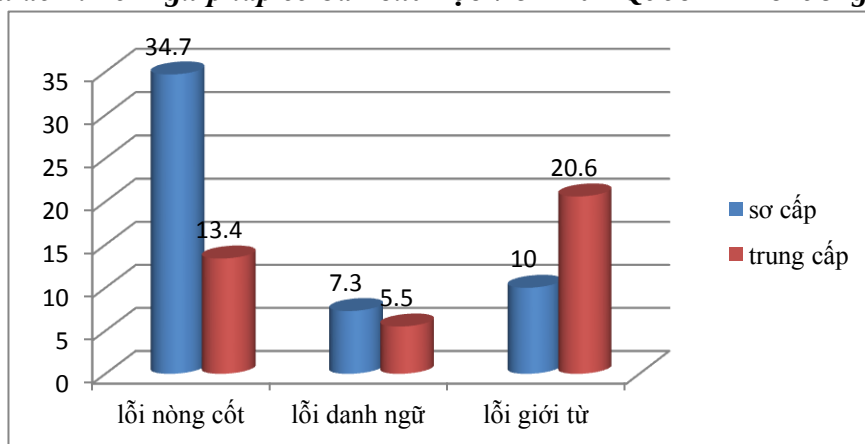
Như chúng ta đều biết, giao tiếp bằng ngoại ngữ là một nhiệm vụ khó khăn vì phải truyền đạt thông tin, tình thái, biểu cảm, nói khác đi là phải trần thuật, diễn

giải, mô tả nói ra ý của mình, tỏ thái độ, quan điểm của mình thông qua một ngôn ngữ mới mẻ. Người Hàn Quốc học tiếng Việt ở giai đoạn sơ cấp phần lớn đều lo lắng vì phát âm của mình và đây cũng là giai đoạn tập trung “nạp” từ mới, cố gắng nhớ và vận dụng từ mới. Vì vậy, có thể nói so với phát âm, từ vựng có lẽ người

học - là những người trưởng thành và hầu hết đã từng học ngoại ngữ khác như tiếng Anh, tiếng Trung Quốc - sẽ có cảm giác ngữ pháp tiếng Việt, đặc biệt là câu đơn, không quá khó.

Vậy thì vì sao khi nói, học viên vẫn mắc phải các lỗi nòng cốt, lỗi danh ngữ đơn giản nhiều như vậy (tham khảo biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Lỗi ngữ pháp cơ bản của học viên Hàn Quốc khi nói tiếng Việt



Biểu đồ: Lỗi ngữ pháp cơ bản của học viên từ sơ cấp đến trung cấp

Đi tìm lời giải, chúng ta có thể thấy, người học thường mắc lỗi do 2 nguyên nhân chính

- + lỗi từ ngữ đích (Intralingual Error) - Chưa hiểu kỹ tiếng Việt
- + lỗi giao thoa (Interlingual Error) - Nhầm lẫn giữa tiếng Hàn Quốc và tiếng Việt.⁸

Cụ thể hơn, theo tác giả Nguyễn Thiện Nam tổng hợp, có thể chia làm 4 loại cơ chế gây lỗi liên quan đến chiến lược sử dụng ngôn ngữ mà nếu phân tích chúng ta có thể thấy như sau:

1- Vượt tuyến (Overgeneralization):

Người nói sử dụng tri thức đã biết để “khám phá” tiếng Việt. Ví dụ: học nói

“chào anh” và nói “chào anh” khi gặp 1 phụ nữ, hoặc Ví dụ 2: Học “các” là biểu hiện số nhiều và nói “các người”.

2- Chuyển di (Transfer): Chiến lược người học mượn những tri thức đã có trong tiếng mẹ đẻ để khám phá ngôn ngữ đích. Ví dụ: Trong tiếng Hàn có thể nói “rất đẹp hơn” (훨실 더 예쁘다) và nhiều người đã nói tiếng Việt như vậy trong khi lẽ ra cần phải nói “đẹp hơn rất nhiều” và họ cũng thường nói phủ định “không đẹp hơn A” (A 보다 예쁘지 않다) trong khi cần phải nói “không đẹp bằng A”. Ví dụ 2: Do khi nói tiếng Hàn, người ta thường nói ‘Hỏi cho người quản lý’ (관리자에게 물어보다) nên họ cũng diễn đạt như vậy bằng tiếng Việt trong khi cần phải nói “hỏi người quản lý”.

⁸ Nguyễn Thiện Nam, Lỗi loại từ trong Tiếng Việt của người nước ngoài, Electronic Journal of Foreign Language Teaching, 2004, Vol.1, No 1, pp. 81-88

3- Chiến lược giao tiếp (Communication strategies)

Chiến lược người học tìm mọi cách để giao tiếp mặc dù câu nói có sai ngữ pháp. Ví dụ: Người nói không nhớ từ: thấp nên đã nói “cô giáo hơi ngắn” thay vì phải nói “cô giáo hơi thấp”.

4- Chuyển di giảng dạy (Transfer of training)

Các tài liệu giảng dạy và các thầy cô giải thích chưa chính xác hoặc chưa rõ làm cho người học mắc lỗi. Ví dụ từ “đã”, có người nước ngoài nói: “Hôm qua tôi đã dậy lúc bảy giờ, sau đó tôi đã rửa mặt, đã ăn sáng, đã uống cà phê, đã đánh răng, đã đi học.” Ví dụ “rồi”: Tôi đã ăn món ăn Việt Nam rồi và tôi thấy món ăn Việt Nam ngon rồi.

Trở lại với các lỗi nòng cốt mà chúng tôi vừa nhắc đến ở phần 1, những câu như “gia đình tôi là 4 người” (thay vì nói “gia đình tôi có 4 người” khi giới thiệu gia đình), “sở thích của tôi là cũng nghe nhạc” (thay vì nói sở thích của tôi cũng là nghe nhạc) hay các lỗi danh ngữ như “hoa lễ hội” mang dáng dấp cấu trúc tiếng Hàn rất rõ. Những lỗi này đều do người học chịu ảnh hưởng từ cấu trúc câu trong tiếng mẹ đẻ. Đối với những lỗi này, trong quá trình giảng dạy cơ sở, giáo viên cần nhấn mạnh rõ hơn để người học ghi nhớ. Ví dụ đối với câu “sở thích của tôi là cũng nghe nhạc”, có thể phần lớn học viên đã được học “sở thích của tôi là ...” sau đó liệt kê các sở thích của mình, mặt khác, học sinh cũng đã được học “cũng + động từ/ tính từ” vì thế khi phải trả lời 1 câu hỏi “sở thích của anh/chị là gì” mà trước đó người nói đã nhắc đến việc “nghe nhạc” thì người nói sẽ trả lời “sở thích của tôi là cũng nghe nhạc”. Như vậy người học đã

lĩnh hội được cách nói về sở thích, cách sử dụng “cũng” nhưng chỉ vì chưa nhận biết được đâu là động từ vị ngữ của câu nên đã đặt “cũng” ở trước “nghe” thay vì đặt trước “là”. Khi phân tích như vậy chúng ta thấy các loại lỗi này cũng có thể coi là một loại lỗi “chuyển di giảng dạy”. Vì vậy mặc dù dạy theo từng mẫu câu, thỉnh thoảng cần có bài tập ngữ pháp như điền động từ, chữa lỗi sai, sắp xếp câu để học viên củng cố ngữ pháp, cảnh giác với hiện tượng lỗi nòng cốt, lỗi danh ngữ.

Đối với cấp độ cuối sơ cấp và trung cấp, cần tập các bài sắp xếp danh ngữ phức tạp với nhiều thành phần phụ, sắp xếp tạo câu phức, câu ghép và tập hoàn thành động ngữ, luyện nhớ các động từ và vị trí động từ khi đi kèm với trợ động từ, phó từ v.v... Như vậy có thể tránh được các trường hợp mắc lỗi kiểu như “em chưa bao giờ ...kinh nghiệm đó”. Trong bối cảnh giao tiếp, học viên rất muốn khẳng định “chưa bao giờ” và đã sử dụng tốt nhưng lại không nhớ động từ hoặc không phân biệt được “kinh nghiệm” là danh từ vì vậy đã nói sai. Tương tự như vậy, khi học viên nói “em đã phần mềm kế toán” là học viên muốn “khoe” sự “đã từng” và rất nhấn mạnh “đã” nhưng lại không nhớ sử dụng động từ vị ngữ vốn là thành phần nòng cốt của câu. Đặc biệt ở giai đoạn này, người học đang mở rộng từ vựng, muốn nói nhiều, nội dung hội thoại phong phú đa dạng vì vậy để tránh quên từ, nói đúng trật tự từ học viên cần luyện tập thường xuyên và cần có các bài tập về động ngữ

Tương tự như vậy đối với trường hợp “đến 6 tháng” (đến tháng 6), khi dạy nội dung này, giáo viên cần lưu ý học viên: khi kết hợp danh từ với số từ, nếu thành tố phụ chỉ số lượng thì giống như

tiếng Hàn, số từ sẽ đứng trước danh từ là thành tố trung tâm, ví dụ: 6 tháng, 2 con voi. Nhưng nếu thành tố phụ là số từ không chỉ số lượng mà có vai trò bổ nghĩa cho danh từ chính (trong 12 tháng, người nói muốn nói đến tháng thứ 6) thì phải theo nguyên tắc danh từ chính đứng trước, “sáu” sẽ đứng phía sau.

III. Kết luận

Đối với các lỗi ngữ pháp cơ bản như lỗi nòng cốt, lỗi danh ngữ đơn giản, giáo viên có thể soạn các bài tập ngữ pháp theo từng giai đoạn để rèn luyện khả năng đặt câu cơ bản đúng, đủ thành phần nòng cốt, trật tự danh ngữ chính xác, thoát ly khỏi cấu trúc câu của tiếng mẹ đẻ. Có thể thấy lỗi (error) là một hiện tượng đương nhiên trong quá trình học ngoại ngữ, Lỗi là một loại ngôn ngữ trung gian phản ánh những nỗ lực của người học đang trong quá trình phát triển. Đồng thời cũng có thể quan sát thấy giai đoạn cuối sơ cấp đến trung cấp, người học mắc lỗi nhiều nhất về ngữ pháp và từ vựng vì đã bắt đầu biết sử dụng các mẫu câu đã học để áp dụng thực tế, đặt các câu mới để nói lên “câu chuyện” của mình. Vì vậy, trong khi dạy không cần phải quá nhấn mạnh ngữ pháp lý thuyết, tránh gây áp lực sợ lỗi để học viên có thể phát huy khả năng nói nhưng phải có biện pháp giúp người học tránh các lỗi ngữ pháp cơ bản ngay từ đầu. Có người đã ví giáo viên dạy ngoại ngữ như một huấn luyện viên thể thao, việc của giáo viên là khích lệ động viên tinh thần thi đấu, hướng dẫn kỹ thuật và rèn luyện kỹ năng đồng thời uốn nắn những “động tác” sai. Vì vậy để tiết kiệm thời gian và giúp các học viên “cảnh giác” với các lỗi này và có thể nói tiếng Việt một cách chính xác, hiệu quả, ngay từ đầu giáo viên

nên giới thiệu về cấu trúc nòng cốt và trật tự danh ngữ đơn giản. Sau đó trong quá trình dạy, liên tục quan sát và sửa lỗi, thỉnh thoảng cần có bài tập tương ứng để củng cố cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cú pháp tiếng Việt*, Nguyễn Văn Hiệp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2014.
- Lỗi loại từ trong Tiếng Việt của người nước ngoài*, Nguyễn Thiện Nam, Electronic Journal of Foreign Language Teaching, 2004, Vol.1, No 1, pp. 81-88
- Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, Gs Lưu Văn Lăng, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2008
- Ngữ pháp tiếng Việt I*, Diệp Quang Ban, Nhà xuất bản Giáo dục, 2002
- Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nguyễn Như Ý, Nhà xuất bản Giáo dục, 1997
- Từ điển ngữ pháp tiếng Việt cơ bản*, Nguyễn Văn Huệ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố HCM, 2003.
- Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt*, Ahn Kyong Hwan, Nhà xuất bản Giáo dục 1997.

Abstract

PROBLEMS AND SUGGESTIONS FOR SOLUTIONS TO SOLVING THE PROBLEM OF BASIC GRAMMATICAL ERRORS KOREAN PEOPLE SPEAK VIETNAMESE

As the economic development over the past 3 decades, Vietnamese language has gained in importance. Especially the relationship between Vietnam and Korea has developed strongly in the last 10 years, making the number of Koreans learning Vietnamese becomes more crowded and learners are also more diverse.

According to this tendency, we have actually studied some of the dialogue recording of Korean students (include adult student, primary and intermediate levels) to studies about common conversation mistakes. We found that they often make basic mistakes as: lacking of predicative error (Primary levels: 34,7%, Intermediate levels: 13,4%) ; wrong ordering of noun clauses (Primary levels: 7%, Intermediate levels: 5,5%).

These errors are mainly due to the structure of basic sentences and nomenclature structure of Vietnam and Korea having different order. Therefore, in order to avoid their errors influenced by their mother tongue. It is necessary to have specific grammar exercises in terms of noun and predicates for students to take note of these errors.

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM VÀ BẮC TRIỀU TIÊN TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC -TRƯỜNG HỢP TIỂU THUYẾT SẮP CƯỚI VÀ HẬU DUỆ CỦA CAIN-

Hà Minh Thành*

Tóm tắt

Cải cách ruộng đất có ảnh hưởng quan trọng tới xã hội Bắc Triều Tiên và miền Bắc Việt Nam. Có nhiều quan điểm khác nhau khi đánh giá về vấn đề này. Không thể phủ nhận thành quả của cải cách ruộng đất nhưng quá trình ấy cũng lấy đi không ít máu và nước mắt. Cuộc sống sinh hoạt của mọi tầng lớp như địa chủ, nông dân, trí thức...có những biến động đáng kể do sự thay đổi của quan hệ sản xuất và xã hội nông thôn. Diện mạo mới ấy đã được các nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học của hai nước, trong đó Hậu duệ của Cain (1954) của Hwang Sun-won và Sắp cưới (1957) của Vũ Bảo là hai trong số những tác phẩm viết chân thực về cải cách ruộng đất ngay sau khi cải cách ruộng đất kết thúc. Trong bài viết này, người viết muốn tìm hiểu xem qua lăng kính của các nhà văn thì cải cách ruộng đất đã ảnh hưởng như thế nào tới các tầng lớp trong xã hội, cũng như nhận thức của tác giả về vấn đề cải cách ruộng đất thông qua các tuyến nhân vật xuất hiện trong hai tác phẩm.

Từ khóa: Cải cách ruộng đất, Sắp cưới, Hậu duệ của Cain, Vũ Bảo, Hwang Sun-won

1. Dẫn nhập

Cải cách ruộng đất đã được thực hiện ở nhiều các quốc gia xã hội chủ nghĩa như Đông Đức (1949 - 1950), Trung Quốc (1946 - 1949), Việt Nam (1949 - 1956). Ngay sau giải phóng, Bắc Triều Tiên với thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa, trong tình trạng phân chia hai miền Nam Bắc (hiện vẫn chưa thống nhất) cũng tiến hành cải cách ruộng đất vào năm 1946 (tháng 3 ~ 11). Đầu là quốc gia nông nghiệp, miền Bắc Việt Nam và Bắc Triều Tiên khi đó đã nhận thức được rằng phải thay đổi cuộc sống khốn khó của người nông dân cũng như việc canh nông lạc hậu sau chiến tranh. Thêm vào đó, Việt Nam và Bắc Triều Tiên chủ trương coi việc xây dựng chủ nghĩa chuyên chế vô sản, công bằng xã hội là cách nhanh nhất để tiến tới chủ nghĩa xã hội. Trong tuyên bố của Đảng Cộng sản, Marx đã nhấn mạnh: “Cải cách ruộng đất là điều kiện của giải phóng dân tộc”. Thấm nhuần chủ thuyết coi trọng nông thôn hơn đô thị của Chủ tịch Mao Trạch Đông, Đảng Cộng sản của hai nước sau khi lên nắm quyền đã ngay lập tức nuôi dưỡng sức mạnh của nông dân và cô lập địa chủ. Có thể nói điểm chung trong cải cách ruộng đất của các quốc gia xã hội chủ nghĩa nói chung và của hai nước nói riêng là cải cách ruộng đất được thực hiện

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

theo nguyên tắc “tịch thu” và “phân chia”, đất đai thuộc quyền sở hữu của nhà nước nhưng người dân có quyền sử dụng đất và được công nhận quyền sử dụng theo hiến pháp. Tuy nhiên, tùy theo tình hình ở mỗi quốc gia mà quá trình, tính chất và kết quả của cải cách ruộng đất có sự khác nhau nhất định.

Cải cách ruộng đất có ảnh hưởng quan trọng tới xã hội Bắc Triều Tiên và miền Bắc Việt Nam. Cuộc sống sinh hoạt của mọi tầng lớp như địa chủ, trí thức, nông dân ... đều có những biến động đáng kể do sự thay đổi của quan hệ sản xuất và sự thay đổi của xã hội nông thôn. Diện mạo mới ấy đã được nhiều nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học của hai nước Việt Nam và Hàn Quốc¹. *Hậu duệ của Cain* (1954)² của Hwang Sun-won (1915 - 2000) và *Sắp cưới* (1957)³ của Vũ Bảo (1931 - 2006) được đánh giá là hai trong số những tác phẩm tiêu biểu viết chân thực về cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên và miền Bắc Việt Nam ngay sau khi công cuộc này kết thúc. Trên quan điểm trung lập, thông qua *Hậu duệ của Cain*, Hwang Sun-won đã chỉ ra những bất đồng

giữa địa chủ và người nông dân thuê đất làm nông nảy sinh từ cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên. Từ đó, chúng ta có thể thấy được những đổi thay của xã hội Bắc Triều Tiên liên quan đến cải cách ruộng đất.

Hơn nữa thế kỷ đã trôi qua nhưng cải cách ruộng đất ở Việt Nam⁴ vẫn còn là vấn đề nhạy cảm. Không chỉ nhạy cảm ở quan điểm mang tính lịch sử mà ngay cả trên quan điểm văn học cũng đang tồn tại cùng lúc nhiều lý giải. viết về cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ đầu, ngay khi vừa xuất hiện *Sắp cưới* tạo ra tranh luận, đồng thời cũng trở thành tiểu thuyết được đông đảo độc giả yêu thích. Khi ấy, *Sắp cưới* được đánh giá là hiện tượng của văn đàn Việt Nam nhưng chỉ 1 năm sau, vì lý do chính trị nên bị cấm xuất bản và lưu hành. trong khi đa số các tác phẩm văn học khác chỉ ca ngợi và đề cao thành quả của cải cách ruộng đất thì *Sắp cưới* của Vũ Bảo đã vẽ nên hình ảnh hiện thực xã hội và chỉ ra những sai lầm của cải cách ruộng đất nên bị kiểm duyệt và cấm xuất bản trong suốt một thời gian dài. Biệt danh Vũ Bảo⁵ cũng được

¹) Trong bài viết này, người viết tìm hiểu về cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên thông qua tiểu thuyết *Hậu duệ của Cain* của tác giả Hwang Sun-won, một người sinh ra và lớn lên ở Bắc Triều Tiên nhưng sau đó đã chuyển xuống miền Nam sau khi 2 miền chia cắt rồi hoạt động sáng tác. Ngoài ra, người viết cũng đề cập tới một vài tác phẩm khác viết về cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên của một số nhà văn sinh ra và lớn lên ở miền Nam nhưng lại chuyển sang miền Bắc sinh sống và hoạt động sáng tác sau khi 2 miền chia cắt.

²) *Hậu duệ của Cain* được đăng tải dài kỳ trên tạp chí “Văn nghệ” từ tháng 9/1953 đến tháng 3/1954 rồi dừng một thời gian. Hwang Sun-won sau đó đã hoàn thành phần còn lại của tác phẩm và cho xuất bản thành tiểu thuyết ở NXB Văn hóa Trung ương vào tháng 12/1954.

³) Vũ Bảo. *Sắp cưới*, NXB Hội văn học nghệ thuật Thái Bình. Ấn bản đầu tiên năm 1957, NXB Phụ Nữ tái bản năm 1986.

⁴) Với thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc Việt Nam được giải phóng khỏi thực dân Pháp nhưng Việt Nam vẫn duy trì tình trạng chia cắt hai miền Nam Bắc, chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975) vẫn diễn ra ở miền Nam nên cải cách ruộng đất mặc dù có thực thi ở miền Nam nhưng tính chất lại khác nhau. Trong bài viết này, người viết chỉ đề cập tới cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam. Cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam được tiến hành từ năm 1949 đến năm 1956 nhưng trước năm 1954 - thời điểm miền Bắc được giải phóng hoàn toàn thì chủ yếu tập trung vào miền giảm thuế đất và lấy việc gia tăng sản lượng lương thực làm mục tiêu nên cải cách không mạnh. Phải đến giữa năm 1955 ~ 1956, cải cách ruộng đất mới được đẩy lên cao trào, trở thành vấn đề tranh luận.

⁵) Vũ Bảo tên thật là Phạm Thế Hệ, sinh ra trong một gia đình trung nông, trước khi trở thành nhà văn thì ông đã hoạt động trong lĩnh vực báo chí với tư cách là một nhà báo.

bắt nguồn từ đó. Sau 30 năm, đến năm 1986, Nhà xuất bản Phụ nữ tái bản *Sắp cưới* với lượng xuất bản lên tới 15.000 cuốn. Hiện nay, ở Việt Nam, có không ít tác phẩm văn học viết về chủ đề cải cách ruộng đất nhưng người ta không thể bỏ qua *Sắp cưới* khi nghiên cứu về chủ đề này bởi những giá trị quan trọng mang tính văn học và lịch sử của nó.

Lấy *Sắp cưới* và *Hậu duệ của Cain* làm đối tượng nghiên cứu, trong bài viết này người viết muốn tìm hiểu xem cải cách ruộng đất được phản ánh như thế nào trong tác phẩm văn học của hai nước, cải cách ruộng đất đã ảnh hưởng như thế nào tới các tầng lớp trong xã hội qua lăng kính của các nhà văn, cũng như nhận thức của các tác giả thông qua các tuyến nhân vật xuất hiện trong hai tác phẩm.

2. Cải cách ruộng đất trong văn học Việt Nam - Hàn Quốc

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám, cải cách ruộng đất là chính sách đem lại sự thay đổi lớn lao cho sinh hoạt nông thôn ở miền Bắc Việt Nam. Vào thời kỳ đầu, cải cách ruộng đất được tập trung chủ yếu vào việc gia tăng sản lượng nông nghiệp, miễn giảm thuế đất canh tác, nhưng đến cuối kỳ thì mở rộng mục tiêu, tiến hành ở 3 nội dung: *Thứ nhất* là xóa bỏ phương thức sản xuất mang tính phong kiến; *Thứ hai* là đấu tố những kẻ phản nghịch thân Pháp, địa chủ độc ác và đại địa chủ. *Thứ ba* là cải cách được tiến hành theo nguyên tắc tịch thu và phân chia tài sản cũng như đất đai mà địa chủ, kẻ phản bội dân tộc, hoặc người Pháp đã sở hữu. Đảng và chính phủ Việt Nam mới thành lập đã xây dựng kế hoạch cải cách ruộng đất triệt để. Trên thực tế, Việt Nam đã thực hiện theo mô hình cải

cách ruộng đất của Trung Quốc (1946~1949). Nhiều cán bộ chuyên gia của Trung Quốc đã tới Việt Nam, truyền đạt kinh nghiệm cải cách ruộng đất cho cán bộ Việt Nam. Lúc bấy giờ, Đảng và chính phủ Việt Nam đã nhấn mạnh cải cách ruộng đất là chính sách không thể tách rời quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội và là điều kiện của giải phóng dân tộc. Mặc dù bị ví như đám mây đen che mất mặt trời nhưng cải cách ruộng đất vẫn được Đảng kết luận rằng tuy có sai lầm nhưng về đại thể vẫn thành công. Trong Đại hội Đảng Cộng sản năm 1956, khi đánh giá cải cách ruộng đất thì kết quả cho thấy có 72,8% nông dân được phân chia ruộng đất⁶. Nếu so với 4% của năm 1945 thì đây là thành quả đáng ghi nhận. Những người tiểu nông, bần nông, người làm thuê vốn nghèo khổ cùng cực nay đã có thể sở hữu đất đai của mình, cuộc sống trở nên tốt hơn và họ cảm nhận được ý nghĩa của đấu tranh giải phóng. Điều quan trọng hơn cả là họ tin vào Đảng và chính quyền mới.

Sai lầm của cải cách ruộng đất không nằm ở pháp lệnh, chính sách hay chủ trương về cải cách ruộng đất mà nó xuất hiện trong quá trình thực hiện. Cải cách ruộng đất được chia thành 4 bước gồm: đào tạo cán bộ, triển khai, đánh giá kết quả, nhận thức sai lầm và sửa sai. Các cán bộ cải cách ruộng đất chia thành từng đội đi đến các làng, thực hiện theo phương thức “tam hợp”. Tức, họ cùng sinh hoạt và cùng làm việc với những người nông dân ở ngôi làng đó rồi kết

⁶) Nguyễn Trọng Phúc chủ biên. *Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt nam*. Nxb Chính Trị Quốc Gia: Viện Lịch sử Đảng, Học Viên Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2002.

nap những người ưu tú thành đội viên và xây dựng nên đội cải cách của làng. Đội cải cách này phân loại tất cả các gia đình trong làng thành một trong 4 thành phần là: địa chủ, trung nông, bần nông, và cố nông. Địa chủ thì quy thành: đại địa chủ, địa chủ gian ác, địa chủ phản nghịch, địa chủ vừa và nhỏ, địa chủ tốt bụng, địa chủ yêu nước để làm căn cứ xử phạt. Tịch thu vô điều kiện mọi tài sản và đất đai mà địa chủ đã sở hữu, rồi tùy theo việc bị xếp vào loại địa chủ nào mà sẽ bị tuyên cáo hình phạt hoặc bị giam giữ hay giám sát, cô lập bởi những người dân nghèo.

Ngoài niềm vui hồ hởi của nông dân, sự bất mãn của địa chủ thì xã hội miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ chìm trong bầu không khí bất an suốt một thời gian dài. Xã hội, đặc biệt là trên mọi mặt của xã hội nông thôn đã thay đổi nhanh chóng nên người dân nói chung khó thích ứng. Trong tình hình như vậy, các nhà văn lấy chất liệu là cải cách ruộng đất để sáng tác nhiều mảng đa dạng như thơ, tản văn, kịch, tiểu thuyết. Cùng là một hiện tượng nhưng góc nhìn của mỗi tác giả lại khác nhau. Bên cạnh chủ trương nhấn mạnh hiệu quả của cải cách ruộng đất, chủ trương phê phán sai lầm của cải cách ruộng đất, thì cũng có không ít tác phẩm đã sáng tác trên quan điểm trung lập. Trong khi miền Bắc giải phóng chưa được bao lâu, miền Nam vẫn chưa kết thúc chiến tranh, thì mọi sáng tác đều bị kiểm duyệt nhằm ổn định lòng dân. Những tác phẩm mà hiện nay được đánh giá là mang tính hiện thực như *Xung đột* (tập 1 năm 1959, tập 2 năm 1962) của Nguyễn Khải (1930 - 2008), *Những ngày bão táp* (1956) của Hữu Mai (1926 - 2007), *Sắp cưới* (1957) của Vũ Bảo là những ví dụ tiêu

biểu nhưng khi ấy bị quy thuộc vào đối tượng kiểm duyệt. Khi tình hình kiểm duyệt trở nên gắt gao hơn từ đầu những năm 60, hầu hết các tác giả đều tránh sáng tác liên quan đến chủ đề này hoặc có đề cập đến chủ đề này thì phải là những tác phẩm ca ngợi thành quả của cải cách ruộng đất. Phải đến khi bước vào những năm 1990⁷ thì những đánh giá trực diện về cải cách ruộng đất mới lại được thực hiện, và cũng được đề cập đến một cách tự nhiên trong tác phẩm văn học.

Trong đó, đặc biệt không thể không nhắc tới tiểu thuyết *Sắp cưới* được viết ngay sau cải cách ruộng đất. Bên cạnh những đánh giá cho rằng đây là tác phẩm đã đề cập một cách trung thực về cải cách ruộng đất, miêu tả hiện thực nông thôn và tâm lý nhân vật trong đó một cách chân thực, cũng tồn tại những chỉ trích cho rằng đây là tiểu thuyết xuyên tạc chính sách và quan điểm của Đảng. Thời bấy giờ, ít có những tác phẩm vừa ca ngợi thành quả vừa đề cập đến sai lầm của cải cách ruộng đất nên *Sắp cưới* nhận được sự yêu mến từ độc giả, đặc biệt là tầng lớp thanh niên. *Sắp cưới* kể về câu chuyện xảy ra trước đám cưới của Bưởi và Xuân 1 tháng khi cải cách ruộng đất tràn vào ngôi làng mà họ đang sinh sống. Trong làng ấy, cô gái tên Bưởi 19 tuổi, xinh đẹp, khỏe mạnh, giọng hát có tiếng đang sống cùng với mẹ. Cộng thêm tính cách mạnh mẽ và trong sáng, cô được người làng yêu quý. Còn Xuân 21, là chàng trai tràn đầy nhiệt huyết

⁷) Năm 1986, chính sách Đổi mới được bắt đầu, toàn xã hội mở cửa, những vấn đề bị né tránh cũng đã trở thành chủ đề trên văn đàn. Bước vào năm những 1990, *Ác mộng* (1990) của Ngô Ngọc Bội (1929 - 2018) khai mào và sau đó những tiểu thuyết với chủ đề liên quan đến cải cách ruộng đất đã xuất hiện nhiều. Năm 2006, Tô Hoài (1920 - 2014) đã viết *Ba người khác* bằng những kinh nghiệm mà mình trực tiếp trải nghiệm.

với cuộc sống mới, hoạt động chăm chỉ và mang ước mơ tiến cao bay xa. Khi cải cách ruộng đất bắt đầu, gia đình Bưởi vốn thuộc tầng lớp trung nông đã bị quy kết là địa chủ. Xuân vội nghĩ nếu mình liên quan dính líu đến địa chủ thì sẽ ảnh hưởng đến con đường tiến thân nên đã chia tay Bưởi. Bố của Xuân cũng vì muốn nhận thêm phần đất tốt mà không muốn có bất cứ quan hệ nào với địa chủ nên phản đối cuộc hôn nhân này. Mẹ con Bưởi bị tịch thu hết toàn bộ tài sản, sống trong căn bếp tuềnh toàng trước đây của mình và bị người làng xa lánh ghê lạnh. Tất cả mọi người đều làm như không quen biết mẹ con cô. Vì nếu tỏ ra thân quen hoặc bênh vực mẹ con cô thì họ sẽ gặp bất lợi. Kết cục, sau bao khó khăn và sóng gió, mẹ con Bưởi cũng được tuyên bố vô tội, tức là không phải địa chủ, được hồi phục danh dự và Bưởi đã có được chỗ đứng của mình. Cô không chấp nhận quay lại với người bạn trai nhu nhược và ích kỷ trước kia của mình nữa. Tiểu thuyết *Sắp cưới* chứa đựng nội dung cho rằng mục đích của cải cách ruộng đất là lật đổ địa chủ, tịch thu đất đai cũng như tài sản của địa chủ rồi chia cho nông dân là tốt nhưng trong quá trình thực hiện đã phát sinh những sai lầm trong chỉ đạo và thực thi khiến không ít người bị ảnh hưởng và thiệt thòi. Lúc bấy giờ, Đảng và chính phủ cũng đã nhận thức được sai lầm trong việc quy kết người nông dân là địa chủ, quy kết cán bộ từng tham gia Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp là kẻ phản nghịch.

Trên thực tế, cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam cũng là một cuộc đấu tranh giai cấp. Tức, đó là cuộc đấu tranh giữa địa chủ và nông dân. Nói cách khác, đó là quá trình mà chính quyền mới và Đảng Cộng sản đã cùng với người nông

dân xóa bỏ giai cấp địa chủ. Việc sử dụng những cán bộ thiếu năng lực, làm sai lệch mục tiêu của chính sách là trọng tâm phê phán trong tiểu thuyết *Sắp cưới*. Thêm vào đó, tác phẩm cũng đề cập tới các mối quan hệ diễn ra giữa những người nông dân trong quá trình đấu tranh giai cấp. Tiểu thuyết ca ngợi những con người dù trong khó khăn và gian nguy nhưng biết lên án sự bất công, tin vào chính nghĩa và đồng thời lên án những kẻ ích kỷ, xu nịnh và hèn nhát. Những nhân vật xuất hiện trong tác phẩm là những con người đại diện cho các tầng lớp trong làng gồm địa chủ, trung nông, bần nông, thanh niên, người già, cán bộ... và đó là hình ảnh thu nhỏ của xã hội Việt Nam thời bấy giờ.

Trường hợp của Bắc Triều Tiên, có thể nói cải cách ruộng đất là xuất phát điểm của việc xóa bỏ quan hệ địa chủ và người làm thuê, xã hội nông thôn Bắc Triều Tiên chuyển mình với quan niệm sản xuất nông nghiệp mới. Cải cách ruộng đất đã trở thành dấu mốc để những người theo chủ nghĩa cộng sản của Bắc Triều Tiên chính thức tiến vào chủ nghĩa xã hội ngay sau giải phóng. Lúc bấy giờ, Bắc Triều Tiên trong giai đoạn tất cả những người nông dân đều mong muốn cải cách do đại đa số đều bị tước đoạt đất đai bởi chế độ cai trị thực dân của Nhật và bị thu thuế khóa rất nặng. Khi đó, ở Bắc Triều Tiên, những người theo chủ nghĩa cộng sản lấy Kim Il-sung (Kim Nhật Thành) với sự giúp đỡ của quân Liên Xô và cải cách mang tính cấp tiến làm chuẩn mực. Mục đích rõ ràng mà Bắc Triều Tiên thực hiện cải cách ruộng đất vào năm 1946 là nhằm xóa bỏ giai cấp địa chủ gây ảnh hưởng đến quá trình hiện thực chủ nghĩa cộng sản và nhằm quốc hữu hóa phương tiện sản xuất.

Những tác phẩm đề cập đến cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên ngay sau giải phóng gồm có truyện ngắn *Khai thiên* (1946), tiểu thuyết *Đất* (1949) của Lee Gi-young (1895 - 1984)⁸, tiểu thuyết *Nông thổ* (1948) của Lee Tae-jun (1904 - ?)⁹. Trong *Khai thiên* và *Đất*, nổi bật hơn cả là nội dung đề cập tương đối nhiều về thành quả của cải cách ruộng đất được thực thi lần đầu tiên ở Bắc Triều Tiên. Nhưng *Khai thiên* và *Đất* bị coi là những tác phẩm đánh giá quá mức về thành quả của cải cách ruộng đất. Nếu như *Khai thiên* chủ yếu đề cập chung đến hiện thực xã hội tươi sáng của Bắc Triều Tiên khi pháp lệnh cải cách ruộng đất được ban hành thì *Đất* lại tập trung vào việc nông thôn của Bắc Triều Tiên đã được đổi mới và dân chủ hóa như thế nào nhờ việc tham gia tích cực và tự phát của nông dân vào cải cách sau khi ban hành pháp lệnh cải cách ruộng đất. *Khai thiên* là tác phẩm đầu tiên mà Lee Gi-young viết ngay sau giải phóng, phản ánh hiện thực mới của nông thôn Bắc Triều Tiên đang thay đổi nhờ cải cách ruộng đất năm 1946. Trong *Khai thiên*, Lee Gi-young tái hiện cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên như một sự lớn lao tới mức “khai thiên động địa” nhưng nhà văn Hwang Sun-won lại miêu tả ủy ban nhân dân - nơi thực thi cải cách

ruộng đất là thế lực tiêu cực trong tiểu thuyết *Hậu duệ của Cain*. Như vậy, với cùng một sự kiện nhưng lại tồn tại những cách nhìn khác nhau. Giải thích về điều này, đa số các nghiên cứu đều cho rằng vì Lee Gi-young cũng như Lee Tae-jun là những tác giả từ miền Nam chuyển lên miền Bắc nên phải viết tán dương về cải cách ruộng đất, còn Hwang Sun-won vì từ miền Bắc chuyển xuống miền Nam nên có thể viết ở lập trường trực diện và phê phán. Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu cho rằng vì Hwang Sun-won đã chuyển xuống miền Nam, lại xuất thân là giai cấp địa chủ nên có trải nghiệm trực tiếp toàn bộ quá trình tịch thu ruộng đất rồi tiểu thuyết hóa quá trình ấy trong *Hậu duệ của Cain*.

Sau khi xuống miền Nam, Hwang Sun-won ông chứng kiến bi kịch tương tàn của dân tộc mình trong cuộc nội chiến giữa hai miền Nam Bắc. Sự bất đồng và đối đầu mang tính ý niệm giữa hai miền Nam Bắc đã được ông thể hiện trong nhiều tác phẩm. Chính sự thật về việc gia đình Hwang Sun-won vốn thuộc thành phần địa chủ sống ở Bình Nhưỡng đã bị nhổ tận gốc khi cải cách ruộng đất diễn ra ở Bắc Triều Tiên đã khơi nguồn sáng tác cho tác giả viết nên *Hậu duệ của Cain*. *Hậu duệ của Cain* lấy cải cách ruộng đất làm bối cảnh đã cho thấy sự hỗn loạn của Bắc Triều Tiên lúc bấy giờ. Tác phẩm tái hiện một cách chân thực bất đồng do cải cách ruộng đất mà xảy ra giữa những người chung sống trong cùng một ngôi làng trước khi họ cảm nhận được niềm vui giải phóng. Hwang Sun-won đã ẩn dụ tội lỗi của Cain thành khát khao về quyền sở hữu. Mối quan hệ giữa địa chủ và nông thôn được duy trì trước đó trong xã hội thể cộng đồng nông thôn đã thay đổi do cải cách ruộng đất. Khi những

⁸) Lee Gi - young đã chuyển đến Bắc Triều Tiên với tư cách là hội viên của “Đồng minh văn học vô sản Triều Tiên” - một tổ chức văn học kế thừa y nguyên văn học giai cấp những năm 30, tiếp nhận ý niệm mang tính chủ nghĩa xã hội.

⁹) Lee Tae-jun là nhà văn miền Nam hoạt động với tư cách ban chấp hành của “Hội các tác giả Triều Tiên” rồi đã chuyển lên miền Bắc sinh sống. Sau khi chuyển lên miền Bắc, ông đã viết tiểu thuyết đầu tay với tên gọi *Nông thổ*. Tác phẩm được đánh giá là thể hiện rõ nhất khuynh hướng mang tính cánh tả của nhà văn Lee Tae-jun vốn được biết đến là nhà văn theo khuynh hướng văn học thuần túy mang tính truyền thống.

người đáng viên về các vùng nông thôn, đã tác động tới nhu cầu sở hữu đất đai vốn ẩn chứa bên trong mỗi người, làm cho những người dân trong làng bộc lộ một phần “bản chất của Cain”. Ở đây, nhân vật ông Do-seop đã cho thấy điển hình của con người đang biến chất trước lợi ích cá nhân. Oh Jak-nyo, con gái của ông đã giúp Park-hun - một địa chủ trẻ rồi cùng nhau bỏ trốn. Tình yêu đôi lứa được tác giả phác họa giữa hiện thực lịch sử mà trong đó bạo lực và sự căm ghét oán hờn bao quanh.

Hậu duệ của Cain đã ám thị mạnh mẽ về chủ đề của tác phẩm. Như chúng ta biết, Cain là con trai cả của Adam và Eva, nhân vật đầu tiên ra đời từ sự sáng thế của Kinh Thánh Cựu ước, là tên sát nhân đầu tiên hay còn gọi là tổ tiên của cái ác khi đang tâm giết chết người em trai Abel của mình. *Hậu duệ của Cain* ám chỉ những kẻ chẳng khác gì hậu thế tiếp nhận dòng máu của Cain với những đồ kỵ và ganh ghét ngay với chính những người thân yêu xung quanh mình, chẳng khác nào những kẻ giết người. Trong tác phẩm, những người cùng làng với Park-hun đã rơi vào cảnh ganh ghét và đồ kỵ thậm chí chém giết nhau do khác biệt ý niệm, do mưu cầu quyền lợi. Tội lỗi đã xuất hiện trong những người dân người làng vốn coi nhau như anh em ấy. Sự phạm tội không chỉ bó hẹp ở làng quê của Park-hun. Đó là việc xảy ra ở toàn khu vực phía Bắc giới tuyến 38, thậm chí còn ám thị sự đồ kỵ, ganh ghét và giết chóc lẫn nhau trong cùng một dân tộc nhưng lấy giới tuyến 38 làm biên đề đối đầu. Bĩ cực và tội lỗi đang diễn ra giữa những người cùng dân tộc lúc bấy giờ được liên kết với cội nguồn tội lỗi của nhân loại, quay ngược trở về thời Cain và Abel. Tiểu thuyết với những câu chuyện

của các nhân vật ở sự kiện cụ thể nhưng điều đó còn có hàm ý liên kết ý nghĩa mang tính phổ biến được liên hệ với xã hội khu vực, dân tộc, quốc gia, và nhân loại. Nói cách khác, tác phẩm đã đặt ra câu hỏi rằng những hành vi như phản bội và giết chóc hàng xóm láng giềng do vấn đề ruộng đất, rồi hành vi gây chiến tranh hai miền Nam Bắc dẫn đến đồng tộc tương tàn liệu có khác với sự phạm tội của Cain với em trai mình không.

3. Cải cách ruộng đất được thể hiện qua các tuyến nhân vật

Thông qua các tuyến nhân vật xuất hiện trong hai tiểu thuyết *Hậu duệ của Cain* và *Sắp cưới*, bài viết muốn tìm hiểu việc các tầng lớp trong xã hội đã ứng xử như thế nào với cải cách ruộng đất. Có thể chia các nhân vật của hai tác phẩm thành 3 tuyến. Trước tiên, chúng ta cùng xem xét tuyến nhân vật thuộc giai cấp địa chủ. Các nhà nghiên cứu từng đặt câu hỏi là nếu như Bắc Triều Tiên không thực hiện cải cách ruộng đất thì Hwang Sun-won liệu có chuyển xuống miền Nam không để dự đoán về ảnh hưởng mà cải cách ruộng đất đã tác động đến Hwang Sun-won và gia đình tác giả - những người thuộc tầng lớp địa chủ. Thông qua nhân vật chính trong *Hậu duệ của Cain*, người đọc ít nhiều tìm được câu trả lời về quá trình mà tác giả đã quyết định rời bỏ quê hương chuyển xuống miền Nam. Park-hun là con trai của một địa chủ ở Bình Nhưỡng, rồi kế nghiệp sau khi ông và cha mình qua đời nhưng đồng thời cũng là trí thức tiên bộ, nên anh đã mở lớp học ban đêm cho những đứa trẻ là con cái của những người thuê đất canh tác làm nông không có điều kiện đến trường. Nhưng khi cải cách ruộng đất

diễn ra, anh lại bị một gã thanh niên vô học chuyên mặc áo lông chó chỉ trích rằng là thành phần địa chủ phản động vì đã dạy trẻ em ở lớp học ban đêm, bị tịch thu trung tâm tổ chức lớp học ban đêm do mình vận hành. Đây chính là lý do khiến Park-hun có nhận thức đầu tiên không mấy tốt đẹp về cải cách ruộng đất.

Nhưng lý do quan trọng hơn là Park-hun đã đau khổ khi chứng kiến hiện thực mà trong đó nhiều người bất tin với nhau, coi nhau như kẻ thù chỉ vì cải cách ruộng đất. Đặc biệt, sự thay lòng đổi dạ của ông Do-seop mà anh vốn tin tưởng đã đem đến cho Park-hun nỗi thất vọng lớn lao. Ông Do-seop vốn là quản gia nhà Park-hun nên anh định để ông tiếp quản công việc như cha mình đã tin tưởng và giao việc cho Do-seop. Bởi “*Khi bố của Hun mất, ông Do-seop là người buồn bã hơn ai hết, dường như ông còn buồn bã hơn cả con trai người mất là Hun đây*”¹⁰. Người mà Park-hun tin tưởng ấy giờ đây đã đổi khác hoàn toàn. Từng là quản gia cho nhà Park-hun và sống dư giả trong suốt 20 năm, Do-seop lo sợ bị thanh trừng với lý do có quan hệ với địa chủ nên quyết tâm cắt đứt triệt để mối quan hệ với Park-hun. Ông ta con bắt con trai Sam-duk và con gái Oh Jak-nyo của mình cũng không được yêu quý thân thiết với Park-hun nữa. Trực tiếp cảm nhận được sự cô lập, rồi bị cấm ra khỏi nơi cư trú, chứng kiến sự ganh ghét và cái chết..., Park-hun đã phải lập kế hoạch chạy trốn khỏi quê hương.

¹⁰) 황순원, 황순원 소설선 <카인의 후예>, 문학과 지성사, 2006. 39쪽. (Trích dẫn được người viết trích từ bản gốc bằng tiếng Hàn trong tiểu thuyết *Hậu duệ của Cain* của Hwang Sun-won do Nhà xuất bản Munhak & Jijeongsa ấn hành năm 2006. Trang 39 rồi dịch sang tiếng Việt. Những trích dẫn sau đó người viết sẽ ghi: Hwang Sun-won, trang ~.)

Cùng thuộc giai cấp địa chủ nhưng Park-hun, Yoon Joo-sa, Park Yong-jae lại có quan điểm khác nhau về cải cách ruộng đất. Park-hun bỏ lại thân phận địa chủ, bỏ lại đất đai và tài sản mà mình sở hữu để chuyển xuống miền Nam nhưng Yoon Joo-sa và Park Yong-jae lại là những địa chủ không thể xa rời được đất đai của mình. Yoon Joo-sa vừa tìm kiếm con đường sinh tồn vừa cố gắng giữ lại lợi ích của mình trước sự thay đổi mang tính lịch sử mang tên “cải cách ruộng đất”. Yoon Joo-sa làm ra vẻ mình đã giác ngộ để tồn tại ở Bắc Triều Tiên, đã bán một phần đất với giá rẻ nhưng kết cục cách mà anh ta thực hiện đã không có hiệu quả. Còn Park Yong-jae lại là nhân vật điển hình cho việc quyền luyện một cách bản năng với ruộng đất. Trong lòng ông Yong-jae có một nỗi niềm mong mỏi thiết tha. Đó chính là được nhìn thấy dù một lần cuối đập nước mà mình đang xây dựng dở. Bản thân ông chẳng ngờ là mong muốn ấy lại lớn thế. Ông không thể ngừng suy nghĩ về nó.

Cải cách diễn ra, Park Yong-jae bị tịch thu mất chìa khóa nhà và toàn bộ giấy tờ ruộng đất. Trong tình trạng như thế, ông ta đã hạ mình nói khó với gã thanh niên làm cán bộ ruộng đất. Ông ta đã khẩn thiết cầu xin cán bộ cải cách ruộng đất cho ông ta làm nốt hồ chứa nước đang làm dở. Nhưng kết cục, Yong-jae bị đẩy đi khai thác mỏ than đá. Nhưng ông ta đã bỏ trốn, tìm lại về hồ chứa nước mà mình đang làm dở rồi đi xuống chỗ có nước để rửa tay, rửa mặt. Sau đó, lại bị áp tải đưa đi nhưng ông ta nhảy ra khỏi xe tự sát. Hwang Sun-won đã thông qua nhân vật này để hình tượng hóa tuyến nhân vật địa chủ không thể thích ứng với sự kiện mang tính lịch sử này.

Trong *Sắp cưới* không xuất hiện nhân vật địa chủ nhưng có tuyến nhân vật bị coi là giai cấp địa chủ và chịu ảnh hưởng bởi cải cách ruộng đất. Nhân vật bị xếp vào tầng lớp địa chủ đó chính là mẹ con nhà Bưởi. Bị quy kết là giai cấp địa chủ, mẹ của Bưởi ôm nỗi uất hận trong lòng. Chồng và con trai cả của bà là liệt sĩ trong chiến tranh giải phóng, con trai thứ là cán bộ đảng viên, hai con gái lớn đều là lính cụ Hồ và cô út tên Bưởi là nông dân gương mẫu. Thêm vào đó, bản thân bà đã nhiều lần che giấu, nuôi dưỡng cán bộ trong thời kỳ chiến tranh, bà cũng đã từng được tuyên dương khen ngợi chẳng phải một đôi lần trong đại hội nông dân trước khi cải cách ruộng đất. Thế nhưng, chỉ vì 2 mẹ con bà có ngôi nhà 5 gian đã tích cóp xây trong 8 năm, chỉ vì họ chăm chỉ chăn nuôi và làm việc đồng áng nên có cuộc sống không phải quá lo lắng đến cái ăn cái mặc mà bị coi là phú nông, việc xích mích với người làng hàng chục năm trước giờ bị đưa ra để thành chuyện, mua được miếng ruộng giá rẻ thì bị đầu tố tội bóc lột nông dân trong đại hội nông dân. Việc ngoài sức tưởng tượng nên người mẹ tưởng như trời sụp, bà lo cho cô con gái út tên Bưởi. Nay Bưởi 19 tuổi, nếu để xóa đi vết tích là con gái nhà địa chủ thì mất 3 năm nữa và khi ấy thì cô đã 22. Hơn nữa, bà thấy mình nhiều tuổi rồi, chẳng biết sống chết ra sao, nếu bà chết đi thì Bưởi lại phải chờ 3 năm nữa mới có thể kết hôn. Bà sợ rằng cô con gái út mà mình hết mực yêu thương trở thành gái già mang thân phận con nhà địa chủ thì thử hỏi ai người ta lấy làm vợ cơ chứ. Không những thế, hai mẹ con còn bị cô lập bởi chính những người hàng xóm, và bạn bè nên nỗi khổ của họ lại càng lớn.

Bữa sáng chẳng ai buồn ăn, đến buổi chiều thổi chưa đầy bát gạo mà hai mẹ con ăn cũng không hết. Bu Bưởi chỉ ngồi thở ngắn thở dài. Bưởi thì nằm úp mặt vào tường chẳng dám nói đi đâu. Từ nay mình đã thành con địa chủ.. (lược). Chúng bạn đã xa lánh như sợ gặp con ma hủi. Trong lúc buồn bã như vậy chỉ còn có Xuân là gần gũi hơn cả thì Xuân không an ủi được một đôi câu mà lòng nào đang tâm dứt khoát thẳng cánh như thế¹¹.

Bưởi cứ ngỡ dù người đời có quay lưng lại với cô thì Xuân - chồng sắp cưới của mình - sẽ không như vậy, nhưng cô đã bị anh lánh xa và từ chối tiếp tục mối quan hệ tiến tới hôn nhân khiến nỗi thất vọng trong cô quá lớn. Ôm mối oán hận với Xuân, Bưởi đã suy nghĩ rất nhiều. Lúc đầu cô đã không thể hiểu tại sao Xuân lại thay đổi như vậy. Cô tự trách mình hay là mình đã hiểu nhầm anh. Kết cục, cô đã nhận ra sự thật là nếu Xuân có liên quan đến cô thì anh ta sẽ bị bất lợi nhiều điều. Khi ấy, không có ai dám công khai đứng về phía mẹ con Bưởi cả. Giờ không biết dựa vào ai, Bưởi nén buồn quyết tâm cứu sống mình bằng việc bắt đầu buôn bán hàng xáo vụng trộm lúc nửa đêm gà gáy. Chẳng thể rời khỏi quê hương, sống trong cảnh mù mịt nhưng Bưởi vẫn trông chờ vào tương lai.

Tuyến nhân vật thứ 2 là những người nông dân thuê đất làm nông bao gồm cả tá điền. Cải cách ruộng đất ở Việt Nam đã mang lại sự thay đổi lớn lao cho tầng lớp nông dân hơn là sự thay đổi trọng đại cho tầng lớp địa chủ. Còn theo nghiên cứu của Kim Gyeong-ho¹², cải cách ruộng

¹¹) Vũ Bảo. Trang 99.

¹²) 김정호. <북한조지개혁의 특징에 관한 고찰>. 토지법학. 제21호. 2005.12.

đất của Bắc Triều Tiên giống như cái cách ruộng đất của các nước xã hội chủ nghĩa, đã được xây dựng với nội dung đoàn kết bản nông và cố nông rồi kết hợp với trung nông để đấu tranh chống địa chủ. *Hậu duệ của Cain* đặt trọng tâm vào hình ảnh tiêu cực những người nông dân đang theo đuổi cái cách hơn là hình ảnh tiêu cực của địa chủ. Trong *Hậu duệ của Cain*, nhân vật chính Park-hun thường được phân tích là nhân vật đại diện cho quan điểm của tác giả Hwang Sun-won nhưng trên thực tế Hwang Sun-won nhìn cái cách ruộng đất với cái nhìn của nhiều tầng lớp người trong xã hội chủ nghĩa như tầng lớp nông dân, cai điền.

Đại bộ phận những người nông dân hứng khởi với cái cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên vì nó được thực hiện theo nguyên tắc tịch thu và phân chia. Cái cách ruộng đất ở Bắc Triều Tiên đã đánh vào tâm lý muốn sở hữu ruộng đất mà người dân mong chờ bấy lâu. Họ không thể không vui mừng trước mơ ước của cả đời đang trở thành hiện thực đó là được sở hữu ruộng đất. Nhưng mục tiêu tất cả cùng chung sống sung túc đã không thực hiện được. Họ kiểm soát lẫn nhau vì sợ hơn thua với người khác, sợ bị ảnh hưởng quyền lợi mà sẵn sàng thay đổi. Ông Do-seop là ví dụ tiêu biểu. Định cắt đứt hoàn toàn mối quan với địa chủ nên ông ta quay ngoắt thái độ, ngăn cản con gái và con trai mình không được gần gũi với Park-hun. Nhưng con gái ông là Oh Jak-nyo không quan tâm và cũng không biết cái cách ruộng đất là gì, chỉ thấy thái độ như vậy của cha thì rất bất bình. “Ông Doseop - cha của Oh Jak-nyo là cai điền quán lý đất đai cho nhà Hun trong suốt 20 năm. Trong thời gian qua đã sống no đủ không

kém gì địa chủ. Đạo này trước cái gọi là cái cách ruộng đất mà mọi hành động đã trở nên khác đi. Điều đó khiến Oh Jak Nyo thấy không phải”¹³. Cô nghĩ và thể hiện thái độ phản đối rõ ràng. Trước mặt những người nông dân cô cao giọng nói Park-hun là chồng mình nên Hun tránh được việc thanh trừng. Do hành động bất ngờ của cô con gái mà ông Do-seop không biến đất đai của nhà Park-hun thành sở hữu của mình được, quá tức giận ông ta đã đập vỡ tấm bia ca ngợi công đức của ông nội Park-hun.

Không đóng vai lớn như ông Do-seop nhưng nhân vật trong *Sắp cưới* có thể so sánh tương ứng với ông ta là bố của Xuân. Bố của Xuân tuy là bản nông nhưng do biết làm nghề đúc cối đá nên có cơ hội tới các làng khác nhiều hơn mọi người. Vì thế ngay từ trước khi cái cách ruộng đất diễn ra ở làng của Xuân thì bố của Xuân đã thấy được cái cách ruộng đất được thực hiện ở làng khác mà dự báo trước với vợ rằng:

*Lắm thứ địa chủ lắm: địa chủ đầu sỏ, địa chủ cường hào gian ác, địa chủ kháng chiến, địa chủ thường, địa chủ ngoan cố, địa chủ lọt lưới, địa chủ công thương, địa chủ cá biệt. Đội người ta tinh lắm, chẳng thế mà dân Hà Nam vẫn ca tụng: nhất Đội, nhì giới cơ mà. Ai dám ra mà cãi với Đội. Cho nên ta cứ chậm một tí là yên trí cả đời. Lúc bấy giờ thật là long trời lở đất. Phú nông bây giờ thì cái cách cứ "lên" đứt đuôi con nòng nọc. Ở Thạch Tổ có nhà hôm trước chỉ là trung nông, hôm sau đã lên địa chủ rồi. Đấy rồi mẹ con nhà bà xem tôi nói có đúng không.*¹⁴

¹³) Hwang Sun-won. Trang 15.

¹⁴) Vũ Bảo. Trang 38

Và bảo với cả Xuân nữa rằng:

Bây giờ ai làm gì nhất cử nhất động đều có người ghi, chẳng thể mà đội về cái gì người ta cũng biết. Bà mày và thằng Xuân từ nay sang bên đó in ít chữ, sau này Đội lại ghi là liên quan. Bộ "phăng" của thằng Xuân thì cất đi, mặc thường thường thôi không có Đội cho là có khả năng chẳng chia cho nhà mình cái gì. Chẳng nhẽ thức toét mắt đi đấu tranh mà chịu bụng chạy trở về à??¹⁵

Ngay sau khi gia đình Bưởi bị quy là địa chủ thì thái độ của bố Xuân cũng thay đổi hẳn. Ông từ chối kết thông gia với nhà Bưởi, chuyển ý định cho con trai mình lấy cô Lý mà trước đó ông chả hề ư. Vì ông nghĩ rằng Lý có khả năng sẽ trở thành đảng viên, và là trợ lý của đội cải cách nên khi phân chia đất đai thì mình có thể chiếm được phần hơn. Lý là người biết nắm bắt cơ hội nên đã lợi dụng Độ - một kẻ ít học nhưng lại là cán bộ cải cách ruộng đất - để trở thành cánh tay phải của đội cải cách, và còn lên kế hoạch kết hôn với Xuân. Trong khi Oh Jak-nyo đấu tranh đến cùng để về phe với Park-hun thì Xuân lại thuộc tuyến nhân vật giống như bố của anh ta. Lý được miêu tả không lấy gì làm xinh đẹp, không chăm chỉ làm việc lại còn hay nói dối... có thể nói là nhân vật trái ngược hoàn toàn với Bưởi. Nhưng tính toán thiệt hơn, bố của Xuân vẫn muốn nhận cô ta là con dâu, còn Xuân thì tuy không hài lòng nhưng cũng chẳng phản đối.

Trong đại hội nhân dân, khi mẹ của Bưởi bị Lý chỉ trích lên án thì mặc dù biết rõ sự thực không phải như vậy nhưng Xuân vẫn ngồi im. Lúc này, anh ta nghĩ

việc nhà Bưởi bị quy kết là địa chủ chỉ còn là vấn đề thời gian. Vì đội cải cách đã điều tra trước đất đai và lao động trong gia đình Bưởi, và khi đã bị chỉ trích ở đại hội nhân dân thì chỉ còn cách chia tay Bưởi. Nếu tiếp tục quan hệ yêu đương thì anh ta cũng bị gia đình, bạn bè cô lập và không thể tiến thân. Xuân cũng đấu tranh tâm lý nhưng kết cục tình yêu đã không thắng nổi lòng tham và sự ích kỷ của con người. Khi anh ta nói với Bưởi rằng mình và cô giờ thuộc vào hai giai cấp khác nhau tức là đã đơn phương chấm dứt quan hệ với Bưởi.

Tuyến nhân vật thứ 3 chính là những người thuộc quân số của ủy ban nhân dân, trực tiếp thực hiện cải cách ruộng đất. Họ là một trong những nguyên nhân khiến cả hai tác giả đều có cái nhìn tiêu cực về cải cách ruộng đất. Nhìn những kẻ ít học như gã thanh niên mặc áo khoác lông chó trong đội cải cách trong *Hậu duệ của Cain*, tác giả có suy nghĩ về viễn cảnh tuyệt vọng u ám của xã hội. Gã thanh niên đã chỉ trích việc Park-hun dạy cho những đứa con của nông dân thuê đất làm nông nghiệp nghèo trong lớp học ban đêm là hành vi kiêu căng để tự tập, tham gia phản động chống đối chính quyền. Thật nực cười khi gã thanh niên ấy không biết lịch sử, sự phát triển, quần chúng vô sản, chủ nghĩa tư bản, dân tộc, Stalin... là gì nhưng lại lớn tiếng hùng biện về những điều đó. Nhìn việc những người như vậy đang lãnh đạo nông dân, tiến hành cải cách thì có thể hiểu tại sao Park-hun lại từ bỏ đất đai và nhà cửa để ra đi. Rồi nhìn việc anh ta trở thành Chủ tịch hội nông dân xã với lý do cha mình là bản nông thì cũng hiểu tại sao nổi bất an lại hiện hữu trong con người anh ta như thế.

¹⁵) Vũ Bảo. Trang 38

Tương tự như vậy, trong *Sắp cưới*, tuyến nhân vật thứ 3 được bộc lộ rõ qua nhân vật Độ. Độ vốn là đứa trẻ đáng thương, sinh ra trong một gia đình nông thôn nghèo. Mẹ Độ phải chết tức tưởi bởi bàn tay địa chủ do giấu giếm thóc gạo để nuôi mình. Còn người bố cũng mắc bệnh mà chết, anh ta trở thành đứa trẻ mồ côi, bắt đầu cuộc sống làm thuê làm mướn vô cùng cực khổ. Anh ta căm ghét địa chủ. Giờ là thời đại người ta đề cao nông dân nên Độ như được đổi đời. Với lý lịch bản nông, anh ta trở thành thành viên của đội cải cách, tiếng nói bỗng trở nên có trọng lượng. Khi nghe đồng chí Văn - người cải cách mang tính tiên bộ - báo cáo rằng không có địa chủ trong xóm của Bưởi thì anh ta lo lắng trong 17 hộ của xóm này mà không có lấy một địa chủ thì lấy đâu ra đất để chia cho nông dân. Không những thế, anh ta còn nói với Văn rằng:

*Kinh nghiệm bốn đợt trước, Trung ương đã tổng kết rồi, số hộ địa chủ phải chiếm ít nhất là năm phần trăm tổng số hộ toàn xã. Nếu chưa đủ thì lớt, nhất định lớt. Ở Trung Quốc, nhiều xã lên tới sáu phần trăm mà khi phúc tra còn truy được địa chủ lớt lưới kia mà.*¹⁶

Trong suy nghĩ của Độ thì cải cách mà không tìm ra được địa chủ thì không thể gọi là cải cách được. Nếu không triệt để thì khi đội cải cách rút lui, địa chủ sẽ lại nổi dậy hoặc chống Cộng, làm sao có thể giữ được thắng lợi cho cải cách ruộng đất. Nên anh ta đã nói thêm: “*Cậu cần kiểm tra lại công tác xem...(lược). Các đội nó chuyển bước âm âm, mình cứ như thế này thì đến bị đưa lên báo vì tội hữu khuynh nghiêm trọng cho mà xem. Cậu*

*không nhớ Khu ủy nói hôm xuất phát: chỗ nào có ta là có địch, hay sao?”*¹⁷. Với Độ, địch ở đây chính là địa chủ, và dường như cải cách ruộng đất chỉ là sự thanh trừng địa chủ mà thôi. Nói cách khác, do khổ sở vì địa chủ nên suy nghĩ trả thù địa chủ của anh ta rất mãnh liệt. Và tuy ấu trĩ nhưng lần đầu tiên trong đời được lớn giọng nên cũng làm ra vẻ.

4. Tiếp điểm và điểm nhìn khác biệt của Hwang Sun -won và Vũ Bảo

Về thời điểm sáng tác, *Hậu duệ của Cain* và *Sắp cưới* đều thuộc vào thời kỳ những năm 50 của văn học Hàn - Việt. Lúc bấy giờ Việt Nam và bán đảo Triều Tiên có hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Nhật Bản thua trận trong Đại chiến thế giới lần thứ 2, rút khỏi bán đảo Hàn, 2 miền Nam và Bắc Triều Tiên với 2 thể chế chính trị mới khác biệt nhau và nằm trong tình trạng chia cắt. Ở miền Nam, dưới sự ảnh hưởng và bảo trợ của quân Mỹ, còn ở miền Bắc Kim Il-sung lãnh đạo đất nước nhờ sự ủng hộ và hậu thuẫn của quân Liên Xô. Từ đầu năm 1946, Kim Il-sung chính thức trở thành Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Bắc Triều Tiên, thanh trừng triệt để tàn dư của đế quốc Nhật trong đời sống kinh tế chính trị, tuyên bố pháp lệnh cải cách ruộng đất vào ngày 5/3/1946. Còn ở Việt Nam, miền Bắc đã được giải phóng khỏi thực dân Pháp sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 nhưng miền Nam vẫn tồn tại chính quyền quân sự Mỹ và nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tức, chiến tranh vẫn chưa kết thúc ở miền Nam. Miền Bắc phải cải cách để trở thành hậu phương vững chắc cho miền Nam nên đã tiến hành cải cách ruộng đất và chính

¹⁶) Vũ Bảo. Trang 42

¹⁷) Vũ Bảo. Trang 42-43

phủ miền Bắc Việt Nam lấy đó làm mục tiêu để phát triển kinh tế.

Hwang Sun-won và Vũ Bảo lấy bối cảnh như vậy làm chất liệu sáng tác để phản ánh hiện thực xã hội đã diễn ra ở miền Bắc Việt Nam và Bắc Triều Tiên lúc bấy giờ. Hwang Sun-won đã hình tượng hóa trải nghiệm trực tiếp của mình trong cải cách ruộng đất với tư cách là địa chủ bằng nhân vật chính Park-hun. Vũ Bảo thì lại tái hiện những cảnh tượng mà mình mắt thấy tai nghe trong tác phẩm của mình. *Hậu duệ của Cain* đề cập đến sự hỗn loạn của xã hội Bắc Triều Tiên do cải cách ruộng đất, đã giải thích cho lý do vượt xuống miền Nam của Hwang Sun-won. Có nhiều lý giải cho rằng do ý niệm chính trị mà Hwang Sun-won đã chọn Hàn Quốc nhưng liệu có đúng như vậy hay chỉ đơn thuần ông vỡ mộng giải phóng bấy lâu mong đợi và mất đi cảm giác an toàn yên ả nơi quê hương nên đã lựa chọn con đường khác để có thể hoạt động sáng tác tách rời với ý niệm chính trị. Ở Bắc Triều Tiên - nơi đang thực thi quyền lực chính trị với những kiểm duyệt gắt gao thì cái nhìn phê phán chính sách được thể hiện trong *Hậu duệ của Cain* là điều không thể. Phân tích tác phẩm cho thấy nội dung chủ yếu là chỉ trích những sai lầm của quá trình tiến hành cải cách ruộng đất hơn là phê phán chính quyền, thể chế chính trị và bản thân chính sách cải cách ruộng đất của Bắc Triều Tiên. Do sai lầm trong quá trình tiến hành mà có cảnh những người dân sống cùng làng với nhau lại nghi ngờ nhau, cãi chửi nhau và cả chém giết lẫn nhau.

Như trên đã đề cập, cải cách ruộng đất là chính sách vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Không thể phủ nhận thành quả của cải cách ruộng đất nhưng

những sai lầm nảy sinh từ đó cũng không ít. Có thể nói cải cách ruộng đất đã khiến cho mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam lúc bấy giờ thay đổi. Rất hiếm những tác phẩm văn học đề cập tới hiện thực của chủ đề mang tính nhạy cảm này. *Sắp cưới* của Vũ Bảo là một trong số ít những tác phẩm như vậy. Nhắc đến Vũ Bảo là độc giả liên tưởng tới *Sắp cưới*. Không phải Vũ Bảo chỉ viết duy nhất tiểu thuyết *Sắp cưới* và cũng không phải những tác phẩm khác không hay. Mà bởi vì *Sắp cưới* đã tạo nên làn sóng tranh luận, là tác phẩm do một tác giả trẻ viết về chủ đề cải cách ruộng đất nhạy cảm. Nhưng nếu so với *Hậu duệ của Cain* thì nội dung phê phán tương đối nhẹ nhàng.

Trên thực tế, ở miền Bắc Việt Nam, do cải cách ruộng đất mà nhiều địa chủ đã di dân sang Pháp hoặc chuyển vào miền Nam sinh sống. Nhiều địa chủ bị tịch thu hết tài sản, bị những người xung quanh cô lập. Một bộ phận địa chủ có vấn đề chính trị còn bị bắt đi cải tạo và giáo dục, thậm chí có người không chịu được tuyệt vọng và thất vọng còn tự tìm đến cái chết. Trong *Sắp cưới*, Vũ Bảo chỉ viết về những sai lầm trong quá trình cải cách ruộng đất, miêu tả quá trình cải cách ruộng đất thông qua các nhân vật bình dị trong làng. Hwang Sun-won quyết định rời bỏ quê hương để ra đi nhưng Vũ Bảo thì vẫn tin vào tương lai. Tuy tình yêu đẹp đẽ của Xuân và Bưởi không thể quay trở lại, dù có những sai lầm khó có thể khắc phục nhưng Đảng và chính phủ đã nhận ra để sửa sai. Tác phẩm có cho thấy tinh thần lạc quan của tác giả. Điều này được thể hiện trong kết truyện khi mẹ con Bưởi tìm lại được danh dự và có chỗ đứng, còn Xuân ích kỷ ngày nào giờ cũng đã hối hận.

Giống như Hwang Sun-won, Vũ Bảo đã không lên án Đảng, chính phủ hay chính sách cải cách ruộng đất. Thông qua *Sắp cưới*, Vũ Bảo đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sai lầm trong quá trình thực thi cải cách ruộng đất. Thứ nhất là do quốc gia đang trọng tình trạng chia cắt hai miền và chính phủ mới thành lập. Thứ hai là sự quá khích với cải cách ruộng đất cũng như sự phẫn nộ của nông dân với địa chủ. Chính phủ đã thừa nhận và sửa sai những sai lầm của cải cách ruộng đất. Quá trình khắc phục sai lầm của cải cách ruộng đất cũng đã được thực hiện ngay. Vì chiến tranh tiếp diễn trong tình trạng chia cắt nên miền Bắc phát triển kinh tế thông qua cải cách ruộng đất còn miền Nam vẫn đang đấu tranh nên nhân lực cho cải cách rất thiếu. Thêm vào đó, người dân không muốn quay lại cuộc sống bần cùng như trước, muốn nhận hơn người khác một chút đất đai mà mình mơ ước bấy lâu nên giám sát lẫn nhau, cạnh tranh lẫn nhau. Sai lầm lớn nhất ở đây là những hành động quá khích với địa chủ, đặc biệt là việc quy kết địa chủ không đúng đối tượng. Vì như đã đề cập, cải cách ruộng đất ở cả Việt Nam và Bắc Triều Tiên không chỉ thực hiện theo hình thức tịch thu và chia không mà còn thực hiện cả việc thanh trừng địa chủ.

Thay lời kết

Bắc Triều Tiên và miền Bắc Việt Nam tiến hành cải cách ruộng đất sau khi đã được giải phóng khỏi ách thống trị nước ngoài. Cả hai có nhiều điểm tương đồng như cùng chịu tàn dư chiến tranh, sự bần cùng trong sinh hoạt của nông dân, tình trạng chia cắt... Đặc biệt, chính quyền hai nước đã lựa chọn thể chế Đảng

Cộng sản, chịu nhiều ảnh hưởng từ Trung Quốc và Liên Xô. Do vậy, nhìn tổng thể thì tính chất của cải cách ruộng đất mà miền Bắc Việt Nam và Bắc Triều Tiên thực thi gần như đồng nhất. Tức, mang cả hai nội dung sau. *Thứ nhất* là tịch thu toàn bộ đất đai của địa chủ rồi phân chia cho người dân không có hoặc có ít ruộng đất. Không chỉ ruộng đất mà cả tài sản hay nhà cửa vốn thuộc sở hữu của địa chủ cũng bị tịch thu rồi chia cho người đi làm thuê hoặc nông dân thuê đất làm nông dựa theo hộ và theo số thành viên trong hộ cũng như nhân khẩu lao động. Dĩ nhiên, một phần ruộng đất đã được quốc hữu hóa. *Thứ hai* là quá trình thanh trừng địa chủ đi cùng với cải cách ruộng đất. Không thể phủ nhận thành quả của cải cách ruộng đất nhưng quá trình ấy cũng lấy đi không ít máu và nước mắt.

Quá trình phân chia ruộng đất và quá trình thanh trừng địa chủ đã tác động và gây ảnh hưởng quan trọng tới mọi tầng lớp trong xã hội Bắc Triều Tiên và miền Bắc Việt Nam. Có nhiều quan điểm khác nhau khi đánh giá về vấn đề này. Như đã đề cập, cải cách ruộng đất là vấn đề nhạy cảm liên quan đến ý niệm chính trị lúc bấy giờ. Vì Hwang Sun-won chuyển hẳn sang miền Nam nên đã có thể viết *Hậu duệ của Cain*. Vũ Bảo từng bị chỉ trích do *Sắp cưới* đụng chạm tới vấn đề chính trị và bị cấm xuất bản, nên phải đến gần 30 năm sau khi vấn đề cải cách được đánh giá lại thì *Sắp cưới* cũng mới tìm được chỗ đứng. *Hậu duệ của Cain* và *Sắp cưới* là những tác phẩm giữ vai trò quan trọng không thể bỏ qua khi nghiên cứu về chủ đề cải cách ruộng đất được thể hiện trong tác phẩm văn học của hai nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách

1. 김만수. <문학의 존재영역 /어둠을 응시하는 아르고스의 시선 - 황순원의 “카인의 후예”>. 세계사. 1994.
2. 송하춘. 이남호 편. <1950년대의 소설가들>. 나남. 1994
3. 박혜경. <황순원 문학의 설화성과 근대성>. 소명출판. 2001.
4. 장현숙. <황순원 문학 연구>. 푸른사상. 2005.
5. 황순원. 황순원 소설선 <카인의 후예>. 문학과 지성사. 2006.
6. Vũ Bảo, <Sắp cưới>. NXB Hội văn nghệ Thái Bình. Xuất bản lần đầu 1957. tái bản năm 1986)
7. Cao Văn Lượng chủ biên, *Lịch Sử Việt Nam*, 1954-1965, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1995.

Luận án

1. 박용규. <황순원 소설의 개작과정 연구>. 서울대학교원 박사학위논문. 2005.
2. 농승욱. <황순원 문학 연구>. 서울대학교 국문학과 박사학위논문. 2009.

Bài đăng tạp chí

1. 김경호. <북한조지개혁의 특징에 관한 고찰>. 토지법학. 제21호. 2005.12.
2. 김주현. <“카인의 후예”의 개작과 반공이데올로기의 문제>. 민족문화사연구. 제10호. 1997.
3. 박은태. <황순원의 “카인의 후예”연구>. 현대문학의 연구. 제30집. 2006.11.
4. 정영훈. <황순원 장편소설에서 역사적 사실과 해석의 문제>. 국제어문. 제41집. 2007.12.
5. 조남현. <우리소설의 넓이와 깊이 - 황순원의 “카인의 후예”>. 문학정신. 1989.1.
6. 조남현. <황순원의 “카인의 후예”>. 문학정신. 1989.2.
7. Hà Nguyên. *Gặp gỡ với nhà văn Vũ Bảo. Tạp chí văn học và nghệ thuật*. 2006.5.
8. Nguyễn Trọng Phúc chủ biên. *Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt nam*. Nxb Chính Trị Quốc Gia: Viện Lịch sử Đảng, Học Viên Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2002.

Abstract

LAND REFORM IN NORTH
VIETNAM AND NORTH KOREA IN
LITERARY WORKS - CASE OF
‘ABOUT TO MARRY’ VÀ
‘DESCENDANT OF CAIN’

Land reforms have significant impacts on North Korean and North Vietnam societies. While land reform has been the subject of considerable scholarly debate, we can not deny the achievements of land reform. However, this process also took blood and tears of the people. The lives of all social strata such as landlords, peasants, intellectuals ... have significant changes due to changes in production relations and rural societies. The new look was reflected by the writers the two countries, in which ‘Hậu duệ của Cain (Descendant of Cain)’ of Hwang Sun-won (1954) and ‘Sắp cưới (About to marry)’ of Vu Bao (1957) were of the two works that most realistic wrote about land reform right after the reform movement ended.

This paper examines through the lens of writers to understand how land reforms have affected the social strata, as well as the writer’s perception on the issues of land reform through the characters in these two works.

Kyeword: Land reform, About to marry, Descendant of Cain, Vu Bao, Hwang Sun-won

HALLYU VÀ ĐÀO TẠO VỀ HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM: 25 NĂM NHÌN LẠI

Lê Thị Thu Giang*

Tóm tắt

Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc hiện đại đã trải qua 25 năm phát triển. Năm 1992, thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào, năm 2001, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc được nâng cấp thành "quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ 21" và 8 năm sau đó (2009), hai nước trở thành "đối tác chiến lược" của nhau. Trong quá trình phát triển mối quan hệ này, ảnh hưởng của Hallyu là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy giao lưu văn hóa, giáo dục ... giữa hai quốc gia. Trong bài viết này, người viết tập trung vào việc làm rõ chính sách thúc đẩy sức mạnh quốc gia của Hàn Quốc trong quá khứ như một nguồn động lực để truyền bá Hallyu và sự phát triển của nghiên cứu Hàn Quốc tại Việt Nam. Bài viết cũng chỉ ra những cơ hội và thách thức của nghiên cứu Hàn Quốc cũng như các khuyến nghị để phát triển Hallyu và đào tạo Hàn Quốc trong tương lai gần.

1. Dẫn nhập

Không kể đến những hoạt động giao lưu đã được thực hiện từ rất sớm, lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc hiện đại đã trải qua 25 năm phát triển mạnh mẽ. Thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức năm 1992, năm 2001, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc được nâng cấp thành “quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” và trở thành “đối tác chiến lược” của nhau 8 năm sau đó (2009). Tốc độ phát triển nhanh chóng này được cho là vì Việt Nam và Hàn Quốc đã kế thừa và phát huy được những lợi thế thúc đẩy giao lưu, hợp tác từ quá khứ đến hiện tại như: sự tương đồng trong văn hóa, sự chia sẻ về lịch sử và tình cảm dân tộc, sự thu hút của môi trường đầu tư Việt Nam và quy mô đầu tư của Hàn Quốc cũng như tính bổ sung trong cơ cấu ngành nghề Việt Nam - Hàn Quốc, sự thành công của Hallyu và chính sách quảng bá sức mạnh mềm của Hàn Quốc tại châu Á... Tuy nhiên, giống như đối với bất kỳ mối quan hệ nào, để duy trì và phát triển, điều quan trọng là Việt Nam và Hàn Quốc phải có được sự hiểu biết và nhận thức đúng về nhau. Đứng trên lập trường của một người làm giáo dục về Hàn Quốc học tại Việt Nam đồng thời là một người Việt Nam muốn tìm hiểu về Hàn Quốc, điều này phụ thuộc nhiều vào chính sách

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

quảng bá hình ảnh quốc gia cũng như quá trình giáo dục nhận thức, nâng cao hiểu biết về Hàn Quốc cho người dân Việt Nam và ngược lại. Trên thực tế, 25 năm qua là 25 năm Hàn Quốc đã rất nỗ lực và thành công trong việc xây dựng hình ảnh quốc gia và cạnh tranh với các quốc gia đã xác lập được sức ảnh hưởng văn hóa của mình ở Việt Nam như Nhật Bản và Trung Quốc. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng văn hóa hay sức mạnh mềm của các nước trong khu vực đối với Việt Nam, Hàn Quốc được cả Mỹ và Nhật Bản đánh giá cao hơn Trung Quốc¹. Nếu không có những chính sách đúng đắn và sự đầu tư dài hơi cho giáo dục và nghiên cứu, phổ cập kiến thức rộng rãi trên nhiều mặt, Hàn Quốc khó có thể làm được điều này. Chính vì thế, cùng với tốc độ phát triển của quan hệ ngoại giao, kinh tế, văn hóa... giữa hai nước, với chính sách quảng bá hình ảnh hiệu quả, đặc biệt là thông qua làn sóng Hallyu, đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam cũng có những bước phát triển nhanh chóng với tốc độ và quy mô được đánh giá là “lớn nhất trong khu vực”² đồng thời cũng định hình nên những đặc tính riêng và khẳng định được vị thế của mình là một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc lớn của khu vực. Trong bài viết này, người viết sẽ tập trung làm rõ chính

sách quảng bá sức mạnh quốc gia của Hàn Quốc trong thời gian qua với tư cách là nguồn động lực thúc đẩy sự lan tỏa của làn sóng Hallyu và sự phát triển của ngành đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng sẽ chỉ ra những cơ hội và thách thức của ngành Hàn Quốc học Việt Nam cũng như đưa ra những kiến nghị để phát triển Hallyu và ngành đào tạo Hàn Quốc học trong thời gian tới.

2. Ngoại giao công chúng của Hàn Quốc và Hallyu tại Việt Nam

2.1. Ngoại giao công chúng của Hàn Quốc

“Ngoại giao công chúng” là thuật ngữ được sử dụng để chỉ “cách thức một quốc gia giao tiếp, tương tác với nhân dân, công chúng hay các chủ thể phi nhà nước ở các xã hội khác”³, trong đó lấy việc làm cho nước khác hiểu về con người, văn hóa, đường lối, chính sách của quốc gia mình để phát huy sức mạnh mềm làm mục tiêu chính. Được coi là khái niệm mới trong quan hệ quốc tế thời kỳ hiện đại nhưng nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng ngoại giao công chúng đã được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau từ thời cổ đại và duy trì đến tận ngày nay. Được coi là xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1965 do nhà ngoại giao Mỹ Edmund Gullion sử dụng, thuật ngữ ngoại giao công chúng được hiểu là cách thức “xử lý những vấn đề liên quan tới tác động của công luận đối với quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại” trên “những phương diện quan hệ quốc tế bên ngoài khuôn khổ

¹ Rhee Young-seop (chủ biên) (2017), *Khái luận kinh tế - chính trị Hàn Quốc*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 551.

² Ji Chang Sun (2014), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “20 năm Hàn Quốc học Việt Nam”*, tr. 455 dẫn theo Nguyễn Thị Hiền (2017), “*Tình hình và triển vọng đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học ở Việt Nam – Phân tích thực trạng và tìm kiếm phương án hợp tác giữa các khu vực trong thời gian tới*”, phát biểu tại Hội thảo quốc tế về Hàn Quốc, Đại học Chengchi, Đài Loan.

³ Vũ Lê Thái Hoàng (2014), “*Ngoại giao công chúng trong thế kỷ 21*”, Nghiên cứu quốc tế học, <http://nghiencuuquocte.org/2014/06/18/ngoai-giao-cong-chung-trong-the-ky-21/> truy cập ngày 10. 3. 2018.

ngoại giao truyền thống”⁴. theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu hướng đến của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, ngoại giao công chúng được nhắc đến như phương cách “ngoại giao tâm công” trong thời kỳ kháng chiến. Trong thời kỳ đổi mới, ngoại giao công chúng của Việt Nam được thể hiện trong “đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa với phương châm Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế”⁵.

Là một quốc gia hạng trung với những hạn chế không thể tránh khỏi về sức mạnh cứng, Hàn Quốc đã chọn phương thức quảng bá sức mạnh mềm để hướng ra thế giới. Trong quá trình đó, ngoại giao công chúng được Hàn Quốc sử dụng như một phương tiện để quảng bá sức mạnh mềm, chủ yếu thông qua cách tiếp cận văn hóa, giáo dục và kinh tế nhằm tạo ra một hình ảnh đẹp, quen thuộc và nâng cao sự hiểu biết, xây dựng niềm tin của người dân đất nước khác đối với đất nước mình.

Trên thực tế, trong chính sách ngoại giao của Hàn Quốc, không có một chính sách xuyên suốt được gọi là chính sách ngoại giao công chúng. Nhưng với mục đích hỗ trợ việc quảng bá hình ảnh đất nước ra nước ngoài, chính phủ Hàn Quốc đã tích cực thực hiện một loạt các chính sách cụ thể hướng tới theo từng giai đoạn.

Chẳng hạn như Hàn Quốc đã thành lập Cục chính sách kinh doanh văn hóa (1994); thay Bộ Thể thao - Văn hóa bằng Bộ Văn hóa - Du lịch (1998) nhằm thúc đẩy hơn nữa việc kinh doanh văn hóa; thành lập “Ủy ban tư vấn về chính sách văn hóa” và “Hội đồng tư vấn chính sách hỗ trợ Hallyu” (2003), “Quỹ Hàn Quốc trao đổi văn hóa châu Á” (2004); lấy năm 2004 - 2005 làm năm quảng bá Hallyu...

Thông qua sự hỗ trợ về mặt pháp lý này, Hàn Quốc đã tiến hành xây dựng hệ thống trung tâm cung cấp thông tin và hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xuất khẩu ra nước ngoài cho các doanh nghiệp và tổ chức trong nước, xây dựng các kênh thông tin và truyền thông về Hàn Quốc ra thế giới. Bên cạnh đó, chính phủ Hàn Quốc cũng tiến hành rất nhiều hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau hướng tới các nước xung quanh nhằm tạo ấn tượng tốt về hình ảnh đất nước Hàn Quốc tươi đẹp, có năng lực, có trách nhiệm quốc tế, biết chia sẻ.

2.2. Hallyu và các hoạt động ngoại giao công chúng của Hàn Quốc tại Việt Nam

Hallyu của Hàn Quốc bắt đầu hiện diện ở Việt Nam vào khoảng năm 1997 khi những bộ phim truyền hình đầu tiên của Hàn Quốc xuất hiện trên sóng truyền hình của Việt Nam như: *Xúc cảm, Mối tình đầu, Anh em nhà bác sĩ, Ước mơ vươn tới một ngôi sao, Người mẫu...* Đối với một xã hội mà vô tuyến truyền hình là phương tiện giải trí hàng đầu lúc bấy giờ, việc quảng bá hình ảnh đất nước qua truyền hình là bước đi đúng đắn. Ban đầu, Hàn Quốc tiếp cận thị trường Việt Nam bằng việc gửi tặng các bộ phim truyền hình có sự góp vốn đầu

⁴ Vũ Lê Thái Hoàng (2014), “*Ngoại giao công chúng trong thế kỷ 21*”, Nghiên cứu quốc tế học, <http://nghiencuquocte.org/2014/06/18/ngoi-giao-cong-chung-trong-the-ky-21/> truy cập ngày 10. 3. 2018.

⁵ Bộ ngoại giao Việt Nam, “*Chính sách đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam*”, http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/cs_doingoi/cs/ns_040823162938?b_start:int=95, truy cập 10.3.2018.

tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc đang xúc tiến hoặc đã đầu tư vào Việt Nam. Ngay lập tức, sự tiếp nhận của người Việt Nam đối với phim truyền hình Hàn Quốc là rất tích cực. Điều này được thể hiện ở tần suất xuất hiện của các bộ phim truyền hình Hàn Quốc trên hệ thống truyền hình Việt Nam. Theo thống kê, mỗi ngày 40 đài truyền hình trên toàn lãnh thổ Việt Nam chiếu khoảng 20 tập phim Hàn Quốc, chủ yếu vào các khung giờ vàng⁶. Ngay sau đó, phong trào trang điểm và thời trang Hàn Quốc bắt đầu thống lĩnh thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng từ đó đưa các sản phẩm của Hàn Quốc vào kinh doanh tại Việt Nam. Ban đầu là hàng tiêu dùng, sau đó là các lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Sau đó, rất nhiều bộ phim truyền hình khác của Hàn Quốc được công chiếu tại Việt Nam và mỗi bộ phim đều tạo nên ấn tượng đẹp về Hàn Quốc cho người Việt Nam như: *Giày thủy tinh*, *Ngôi nhà hạnh phúc*, *Trái tim mùa thu*, *Bản tình ca mùa đông*, *Dea Jang Geum*, *Truyền thuyết Jumong*... Đây chính là làn sóng Hallyu lần thứ nhất.

Sự thành công của làn sóng Hallyu thứ nhất của Hàn Quốc tại Việt Nam được lý giải bởi nội dung chân thực, bình dị, đời thường, hình ảnh đẹp, âm nhạc hay của phim truyền hình Hàn Quốc, sự dễ dàng đồng cảm của người Việt Nam vốn có nhiều nét tương đồng của một quốc gia cùng một khu vực văn hóa.

Làn sóng Hallyu thứ hai được bắt đầu vào những năm 2000, khi các bộ phim truyền hình của Hàn Quốc trở nên nhàm chán và dễ đoán đối với người dân Việt Nam với nhiều mô típ quen thuộc và lặp đi lặp lại. Bên cạnh đó, bản thân Hàn Quốc cũng muốn tạo một sức ảnh hưởng lớn hơn vượt ra khỏi phạm vi khu vực là phạm vi mà phim truyền hình Hàn Quốc không thể vượt qua. Khác với âm nhạc, vốn dĩ, dễ có thể hiểu và tiếp nhận được những nét văn hóa và ý đồ của tác giả được hàm chứa và truyền tải trong nội dung phim truyền hình, người xem phải có được phong nền văn hóa nếu không rộng mở thì phải nhưng nét tương đồng. Điều này lý giải cho việc các quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất của làn sóng Hallyu lần thứ nhất chủ yếu tập trung ở các quốc gia và vùng lãnh thổ cùng khu vực văn hóa với Hàn Quốc như Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam. Muốn mở rộng sức ảnh hưởng lớn hơn, phải vượt được sức cản của cơ tầng văn hóa truyền thống. Chính vì thế, làn sóng Hallyu thứ hai được tạo thành bởi sự lan tỏa của nhịp điệu K-pop. Không chỉ Việt Nam và rất nhiều các quốc gia khác trên thế giới đều yêu thích các bài hát, nhóm nhạc của Hàn Quốc. Các ban nhạc của Hàn Quốc như HOT (hoạt động 1996 ~ 2001), GOD (thành lập năm 1999), Dongbangshinki (thành lập năm 2003), Super Junior (thành lập năm 2005), Big Bang (thành lập năm 2006), Girls' Generation (thành lập năm 2007), SHINee (thành lập năm 2008), EXO (thành lập năm 2017)... đã có những bài hát được xếp thứ hạng cao trên nhiều bảng xếp hạng của các quốc gia khác

⁶ Nguyễn Thị Hồng Hải (2010), *Chính sách ngoại giao công chúng của Hàn Quốc ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: 603140, tr. 62

n nhau. Thậm chí, có những bài hát còn tạo được ảnh hưởng toàn cầu như *Kangnam Style* của Psy⁷.

Thành công của Hallyu ở Việt Nam đã tạo ra nhiều cơ hội cho sự hợp tác của hai nước trên nhiều lĩnh vực. Thấy rõ nhất là các hoạt động đầu tư kinh tế và thương mại của Hàn Quốc tại Việt Nam. Hiện nay, Hàn Quốc đã trở thành một trong những đối tác đầu tư lớn nhất của Việt Nam với tổng số vốn đạt 55,8 tỷ USD năm 2017 trong khi Việt Nam cũng là thị trường đầu tư lớn của Hàn Quốc. Quy mô giao dịch thương mại của hai nước đạt 63,9 tỷ USD tăng 42% so với năm 2016⁸. Các công ty lớn của Hàn Quốc như Samsung, LG, Lotte... đều đang hoạt động hiệu quả và đóng góp khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam⁹. Ngành hàng tiêu dùng như mỹ phẩm, quần áo, điện thoại... của Hàn Quốc cũng luôn là lựa chọn hàng đầu của người Việt Nam.

Ngành du lịch của Hàn Quốc cũng kiếm được nhiều lợi ích từ làn sóng Hàn Quốc. Trong quan hệ hai nước, các hoạt

động trao đổi văn hóa, con người, giáo dục được thúc đẩy làm cho hình ảnh của Hàn Quốc càng trở nên gần gũi hơn với Việt Nam. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của quan hệ hai nước trên nhiều mặt, nhu cầu tìm hiểu và học về Hàn Quốc và tiếng Hàn ở Việt Nam tăng cao đột biến và luôn duy trì ở mức cao cho tới hiện nay. Điều này phản ánh mức độ yêu thích văn hóa Hàn Quốc trong giới trẻ và trong sinh viên rất cao. Theo kết quả khảo sát của Nguyễn Thị Hồng Hải thì 92,4% người được hỏi là sinh viên trả lời thích văn hóa Hàn Quốc, trong đó, lĩnh vực yêu thích là phim truyền hình chiếm 40,1%¹⁰.

Sự thành công của Hallyu ở Việt Nam còn được thể hiện ở mức độ gia tăng nhanh chóng của các cuộc hôn nhân Hàn - Việt. Không bùng nổ như giai đoạn đầu, thời gian gần đây, các cuộc hôn nhân Hàn - Việt bắt đầu có dấu hiệu ổn định nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các cuộc hôn nhân quốc tế tại Hàn Quốc. Theo thống kê của Cục thống kê Hàn Quốc, số cuộc hôn nhân có yếu tố quốc tế Việt Nam - Hàn Quốc bắt đầu có xu hướng giảm từ năm 2006 nhưng vẫn duy trì trung bình khoảng trên dưới 6 nghìn cuộc hôn nhân Hàn - Việt mỗi năm.

⁷ *Kangnam Style* là tên một đĩa đơn của ca sĩ Psy của Hàn Quốc. Bài hát ngay từ khi phát hành ngày 15. 7. 2012 đã tạo nên một phản ứng bùng nổ trên phạm vi toàn thế giới bởi âm điệu dễ nhớ, vũ điệu vui nhộn. *Gangnam Style* được lọt vào Top 10 bảng xếp hạng Billboard Hot 100 và được Sách kỷ lục Guinness công nhận là “Video được nhiều người yêu thích nhất trong lịch sử YouTube” với hơn 1 tỷ lượt xem tính đến cuối tháng 12. 2012.

⁸ Park Hye Ri (2018), “Hàn – Việt thúc đẩy mục tiêu đạt 100 tỷ đô la trong lĩnh vực giao dịch thương mại”, Kotra Việt Nam, <http://vietnamese.korea.net/NewsFocus/Business/view?articleId=153836&pageIndex=1>, truy cập 11.3.2018.

⁹ Thời báo kinh tế (2017), “Hàn Quốc và làn sóng đầu tư thứ ba vào Việt Nam”, <http://vneconomy.vn/doanh-nhan/han-quoc-va-lan-song-dau-tu-thu-ba-vao-viet-nam-20161116053649450.htm>, truy cập 12.3.2018

¹⁰ Nguyễn Thị Hồng Hải (2010), *Chính sách ngoại giao công chúng của Hàn Quốc ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: 603140, tr. 62

Bảng 1: Số cuộc hôn nhân Hàn - Việt theo năm

(Đơn vị: cuộc)

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số	10.128	6.610	8.282	7.249	9.623	7.636	6.586	5.770	4.743	4.651	5.377

Nguồn: Dịch vụ thông tin thống kê quốc gia Hàn Quốc (KOSIS),

http://kosis.kr/easyViewStatis/customStatisIndex.do?vwcd=MT_TM2_TITLE&menuId=M_03_02

Điều này cho thấy Hàn Quốc không chỉ là một quốc gia có nhiều hứa hẹn đối với người Việt Nam mà đã trở thành một quốc gia gần gũi. Như vậy, ảnh hưởng của Hallyu không chỉ dừng lại ở mức phục vụ kinh doanh hay đầu tư và giao lưu, hợp tác qua lại giữa hai đối tác mà nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến mức kéo gần Việt Nam và Hàn Quốc vào một mối quan hệ chặt chẽ hơn: quan hệ thông gia, quan hệ gia đình.

3. Hallyu và ngành đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam: cơ hội và thách thức

3.1. Cơ hội của Hallyu và ngành đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam

Cùng với sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, ngành đào tạo Hàn Quốc của Việt Nam đang có rất nhiều cơ hội khi nhu cầu xã hội đối với ngành học này vẫn đang có xu hướng gia tăng. Có thể nhìn thấy xu hướng này ở nhiều mặt. Thứ nhất, Việt Nam vẫn đang là mảnh đất vàng cho đầu tư của Hàn Quốc. Ngày càng có nhiều công ty vừa và nhỏ của Hàn Quốc đến làm ăn ở Việt Nam. Đặc biệt, doanh nghiệp lớn hàng đầu của Hàn Quốc là Samsung đã xây dựng hai cơ sở sản xuất lớn ở Bắc Ninh và Thái Nguyên đang tạo điều kiện cho hàng ngàn lao động của Việt Nam đồng thời cũng thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ¹¹. Sự gia tăng đầu tư

của các doanh nghiệp vào Việt Nam không chỉ giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động Việt Nam mà còn duy trì sức hút của Hàn Quốc trong mỗi quan tâm của người Việt Nam.

Thứ hai, sự thành công của Hallyu vẫn còn được duy trì và mỗi quan tâm đến Hàn Quốc của người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ vẫn rất lớn và ngày càng theo chiều hướng ổn định. Đặc biệt, với những chính sách hỗ trợ từ nhiều bộ ngành, nhiều cấp của Hàn Quốc, sự tiếp nhận ảnh hưởng của Hallyu cũng trở nên hệ thống và có tính phân biệt hơn. Chẳng hạn như chương trình tìm hiểu về Hàn Quốc cho giáo viên tiểu học và phổ thông cơ sở Việt Nam đang được Viện nghiên cứu Đông Bắc Á kết hợp với Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc tiến hành hàng năm lần lượt trên toàn lãnh thổ Việt Nam đến nay là năm thứ 14 là chương trình cung cấp kiến thức về Hàn Quốc cho giáo viên tiểu học và phổ thông cơ sở. Từ đó, giáo viên có thể đồng hành cùng học sinh đồng thời định hướng cho các em trong quá trình tiếp xúc với văn hóa Hàn Quốc.

Thứ ba, đối với Việt Nam, Hàn Quốc không còn là quốc gia đang xây dựng hình ảnh nữa mà đã có được vị trí vững chắc với Việt Nam khi trở thành nước thông gia trong quan hệ với Việt Nam với số lượng gia đình đa văn hóa và thế hệ con lai trong các gia đình đa văn

¹¹ Trong năm 2017, tính đến quý III, Samsung đã có doanh thu 152,45 tỷ USD và 26,2 tỷ USD lợi nhuận. Theo Báo mới, <https://baomoi.com/samsung-bao-lai-lon-thu-gan-5-ty-usd-loi-nhuan-trong-9-thang/c/24153423.epi>

hóa Việt - Hàn đang gia tăng nhanh chóng. Thế hệ con lai đầu tiên trong các gia đình văn hóa Hàn - Việt trong thời gian tới sẽ bắt đầu bước vào đại học. Đây là thời điểm cần có sự hợp tác chặt chẽ hơn rất nhiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc để trang bị cho các em những tri thức cần thiết để hòa nhập xã hội thành công.

Thứ tư, lực lượng đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam đang được trẻ hóa và bước vào giai đoạn sung sức. Sau 25 phát triển, ngành đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam hiện đã xây dựng được một lực lượng với những con người đang vào độ chín về năng lực và tuổi tác. Kể từ 5 năm trở lại đây, số người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ liên quan đến Hàn Quốc ngày càng tăng. Chuyên môn của những người làm trong ngành cũng đã đa dạng hơn. Theo thống kê, hiện nay, cả nước Việt Nam có khoảng 18 người đã đạt học vị tiến sĩ với các chuyên môn khác nhau có liên quan đến Hàn Quốc. Trong đó, phần lớn tập trung vào các chuyên môn liên quan đến ngôn ngữ Hàn Quốc, văn học Hàn Quốc và giáo dục tiếng Hàn. Đây chính là lực lượng vừa có khả năng nghiên cứu và giảng dạy. Vì thế, họ sẽ là lực lượng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy ngành đào tạo Hàn Quốc học tại Việt Nam phát triển theo hướng toàn diện.

Thứ năm, ngành đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam đã và đang nhận được sự quan tâm và đầu tư rất lớn từ các nguồn đa dạng như chính phủ Hàn Quốc, các tổ chức phi chính phủ của Hàn Quốc, các doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam. Các cơ quan này đã giúp đỡ các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam trên nhiều khía cạnh như sự hỗ trợ

về phương tiện giảng dạy (phòng học thông minh, phòng học trực tuyến), giáo trình, học bổng cho sinh viên, các chương trình trực tuyến hợp tác với các trường đại học của Hàn Quốc.... Hiện nay, phần lớn các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc của Việt Nam đã có phòng học trực tuyến hoặc phòng học thông minh, hệ thống giáo trình và sách nghiên cứu cập nhật, học sinh được tham gia các môn học do các giáo sư Hàn Quốc trực tiếp giảng dạy... Đây là những điều kiện giúp cho ngành đào tạo Hàn Quốc học nâng cao được chất lượng đào tạo và thu hút được nhiều sự quan tâm của người học.

3.2. Những thách thức đối với Hallyu ngành đào tạo Hàn Quốc của Việt Nam

Sau hơn 25 năm phát triển với tốc độ nhanh chóng trên cơ sở phát huy các lợi thế về vị trí địa lý gần gũi, sự tương đồng văn hóa, quy mô đầu tư ngày càng tăng của Hàn Quốc vào Việt Nam..., có thể nói ngành Hàn Quốc học Việt Nam đã xây dựng được một nền móng tương đối vững chắc và được công nhận là một trong những trung tâm Hàn Quốc học lớn của khu vực. Tuy nhiên, để có được sự phát triển bền vững và phát huy tốt vai trò định hướng xã hội vốn được xác định là vai trò chủ yếu của các trường đại học hiện nay, ngành đào tạo về Hàn Quốc học Việt Nam cần nhiều hơn sự xác định những hạn chế của bản thân và nỗ lực tìm kiếm hướng khắc phục những hạn chế đó để phát triển.

Thứ nhất, trong thời gian qua Hallyu đã bắt đầu gặp phải những phản ứng tái chiều trong xã hội Việt Nam. Người Việt Nam đã vượt qua giai đoạn tò mò, thích thú với nền văn hóa Hàn có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm đặc biệt, gây hứng thú. Giờ đây, người Việt Nam

bắt đầu nhận ra được những mặt ảo và mặt thực trong truyền bá và tiếp thu ảnh hưởng của một nền văn hóa Hàn. Đồng thời, họ cũng bắt đầu lo lắng cho một sự xâm lăng văn hóa đang diễn ra một cách âm thầm. Hoặc đơn giản, người Việt Nam cũng bắt đầu chán với những nội dung văn hóa nhàm chán của Hàn Quốc lặp đi lặp lại trên các phương tiện truyền thông. Đây là hiện tượng có thật.

Thứ hai, có sự không cân đối trong định hướng đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học. Cần phải khẳng định là việc đào tạo tiếng Hàn đáp ứng nhu cầu xã hội là hướng đi đúng và cần thiết trong thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, hướng đi này đang bộc lộ nhiều hạn chế làm cản trở đến sự phát triển bền vững và lâu dài, đặc biệt là khi ngành Hàn Quốc học Việt Nam đã đi được chặng đường 25 năm hoạt động. Thứ nhất, nhu cầu xã hội thường luôn biến động, không ổn định và ngắn hạn. Vì thế, nếu chỉ theo đuổi mục tiêu đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội, đến một lúc nào đó, bản thân cơ sở đào tạo sẽ đánh mất mục tiêu ban đầu khi nhu cầu xã hội bão hòa. Thứ hai, việc chỉ chú trọng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội sẽ dễ dẫn đến tình trạng đào tạo tập trung vào khía cạnh mà không chú trọng cung cấp kiến thức toàn diện. Thứ ba, hướng đi này vô hình chung sẽ đặt các cơ sở đào tạo vào tình thế thụ động và làm các trường đại học đào tạo về Hàn Quốc khó thực hiện được chức năng nghiên cứu vốn là một chức năng khác quan trọng không kém chức năng đào tạo. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho ngành Hàn Quốc học Việt Nam mất đi tính cạnh tranh và khó có được sự kết nối với ngành Hàn Quốc học khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, nếu duy trì một ngành

nghiên cứu có tính thụ động chạy theo nhu cầu xã hội sẽ không thể tạo được sự phát triển vững chắc.

Thứ ba, các cơ sở đào tạo tiếng Hàn của Việt Nam cũng chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu về lực lượng lao động biết tiếng Hàn của các doanh nghiệp và cơ quan Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam. Theo một kết quả điều tra của Khoa Hàn Quốc học, Trường Đại học KHXH&NV thành phố Hồ Chí Minh thì chỉ có 71,4% số người sử dụng lao động biết tiếng Hàn của Việt Nam hài lòng với năng lực tiếng Hàn của người lao động. Trên thực tế, một số công ty Hàn Quốc thay vì tuyển nguồn lao động biết tiếng Hàn để phải đào tạo lại đã gửi các nhân viên có chuyên môn của mình đi học một khóa tiếng Hàn ngắn hạn. Thứ hai là do nhu cầu sử dụng lao động biết tiếng Hàn quá cao của các cơ quan, doanh nghiệp Hàn Quốc dẫn đến việc người học quá dễ dàng tìm việc và có được đồng lương cao so với mặt bằng chung của xã hội Việt Nam. Điều này làm giảm ý chí học tập đến nơi đến chốn của sinh viên dẫn đến chất lượng đào tạo bị ảnh hưởng.

Một vấn đề cần giải quyết nữa của Hàn Quốc học Việt Nam là mặc dù chuyên môn của lực lượng giảng dạy đã đa dạng hơn nhưng vẫn chủ yếu chỉ tập trung ở một số chuyên ngành nhất định và chưa đủ theo yêu cầu của việc đào tạo. Hiện nay, các môn học còn thiếu cán bộ giảng dạy đúng chuyên môn đang được tiến hành bằng cách mời các học giả ở các viện nghiên cứu hoặc hợp tác với các trường đại học của Hàn Quốc thông qua hình thức dạy và học trực tuyến. Trong khi đó, những người có chuyên môn khác lại không được phát huy năng lực do

chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào giảng dạy tiếng. Bên cạnh đó, lực lượng đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam có số lượng nữ giới chiếm tỷ lệ áp đảo cũng là yếu tố cản trở đến việc nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy do sự chi phối của chức năng giới.

Hệ thống giáo trình còn nghèo nàn và chủ yếu phụ thuộc vào tài liệu soạn sẵn của nước ngoài cũng là một yếu điểm của ngành giáo dục về Hàn Quốc tại Việt Nam. Điều này là hệ quả của việc thiếu hoạt động nghiên cứu để truyền thụ và sáng tạo tri thức phục vụ cho việc giảng dạy. Chỉ tính riêng giáo trình dạy tiếng Hàn thì cho đến thời điểm này, 100% các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam đang sử dụng các giáo trình do phía Hàn Quốc biên soạn. Điều này gây ra nhiều bất cập trong quá trình giảng dạy, học tập và sử dụng tiếng Hàn trong thực tế sinh hoạt của Việt Nam.

4. Một số kiến nghị để đẩy mạnh Hallyu và đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam

Trước những hạn chế đã đề cập ở trên, người viết đưa ra một vài kiến nghị như sau:

1. Để duy trì sức nóng của ngành đào tạo liên quan đến Hàn Quốc, cần tiếp tục khai thác, phát huy thế mạnh của Hallyu và điều chỉnh một cách hợp lý chính sách ngoại giao công chúng của Hàn Quốc tại Việt Nam.

Hiện nay, sức ảnh hưởng của Hallyu vẫn còn mạnh ở Việt Nam nhưng nó sẽ không thể kéo dài mãi là điều mà ai cũng có thể khẳng định. Điều này cũng được minh chứng qua sự thoái trào của làn sóng Hallyu lần thứ nhất thông qua phim truyền hình. Nhưng nó cũng đồng thời chứng minh được rằng nếu có được chính

sách phù hợp, sức ảnh hưởng đó có thể được sống lại. Để tiếp tục duy trì và phát huy sức ảnh hưởng của Hallyu, cần tìm kiếm một sức hấp dẫn khác để kịp thời thay thế cho những sức hấp dẫn đã trở nên phổ biến. Trong thời gian qua, Hàn Quốc đã sử dụng phim truyền hình và sau đó K-pop như sức hấp dẫn để lan tỏa sức ảnh hưởng của mình ở khu vực và thế giới. Sự thay thế đó chứng tỏ mỗi làn sóng đều có lúc thoái trào và vấn đề là phải tìm ra được sức hấp dẫn mới để duy trì làn sóng đó.

Để làm được điều này, ngoài việc tìm hiểu chính xác sức mạnh của bản thân, cần phải nắm rõ được nhu cầu của xã hội mà mình hướng đến. Ngoại giao công chúng và phát huy sức mạnh mềm không chỉ có nghĩa là làm cho đối phương cảm mến và tự nguyện chịu ảnh hưởng của mình mà trong đó còn có một khía cạnh thứ hai là để làm được điều đó, bản thân người muốn tạo ảnh hưởng cũng phải biết và hiểu về đối phương. Vì thế, để duy trì sức ảnh hưởng của mình ở Việt Nam, Hàn Quốc không chỉ thực hiện việc nâng cao nhận thức của người Việt Nam về Hàn Quốc mà đồng thời cũng cần nâng cao nhận thức của bản thân về Việt Nam. Giờ đây, khi mối quan hệ đã phát triển khắng khít hơn, việc làm này lại càng trở nên cần thiết. Trên thực tế, khi Hàn Quốc đang chuyển sang một xã hội đa văn hóa, đối với việc tiếp nhận và dung hòa với những yếu tố văn hóa mới, Việt Nam với tư cách là một quốc gia ngay từ thời điểm xuất phát đã là một quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa chính là đối tượng để Hàn Quốc có thể học hỏi và trao đổi kinh nghiệm.

Đối với Việt Nam, trong việc tiếp nhận ảnh hưởng của những nền văn hóa khác, đặc biệt là ảnh hưởng của Hàn

Quốc, cần nâng cao ý thức tiếp nhận văn hóa và giao lưu văn hóa. Đặc biệt, nâng cao ý thức tiếp nhận văn hóa cho giới trẻ là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà các cơ sở đào tạo Hàn Quốc tại Việt Nam cần phải xác định. Bảo lưu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong khi tôn trọng và cởi mở với nền văn hóa khác mới chính là thái độ đúng đắn trong đối xử với văn hóa.

2. Cần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau theo cách tiếp cận mới. Trong thời qua, Hàn Quốc và Việt Nam đã có rất nhiều hoạt động để hiện thực hóa vấn đề này. Tuy nhiên, đứng trên lập trường của một người làm công việc đào tạo về Hàn Quốc học tại Việt Nam, sự tăng cường hiểu biết giữa Việt Nam và Hàn Quốc cần được nhấn mạnh theo hướng khác. Nghĩa là bên cạnh việc nhấn mạnh và phát huy những điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa, sự gần gũi về địa lý... như chúng ta đã làm trong thời gian qua, giờ đã đến lúc cần nhận diện và nhấn mạnh đến những sự khác biệt, đến những đặc trưng riêng mà hai quốc gia đang có. Trên thực tế, trong thời gian vừa qua, Việt Nam và Hàn Quốc đã nhấn mạnh rất nhiều đến sự tương đồng giữa hai nước và đó là điều cần thiết. Tuy nhiên, nếu một mối quan hệ chỉ dừng lại ở mức xã giao, sự tương đồng có thể cần nhấn mạnh nhưng khi nó đã phát triển trở thành một mối quan hệ khăng khít hơn, cần có sự chia sẻ nhiều hơn trong cuộc sống hàng ngày thì cần phải nhận diện cả những khác biệt, những cái riêng để tránh những va chạm văn hóa.

3. Song song với việc tăng cường nhận thức theo cách tiếp cận mới, cần tăng cường hơn nữa vai trò định hướng xã hội của các trường đại học thông qua các hoạt

động nghiên cứu và giảng dạy toàn diện. Để làm được điều này, đối với các cơ sở đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam, cần : 1) liên tục đổi mới chương trình đào tạo; 2) nâng cao năng lực của lực lượng đào tạo ; 3) nâng cao năng lực và chức năng nghiên cứu của các trường đại học.

Đối với việc đổi mới chương trình đào tạo, cần đổi mới chương trình đào tạo theo đối tượng học, theo mục đích học, theo hướng phát triển của cơ sở đào tạo... Đi đôi với nó là xây dựng một hệ thống giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của hướng tới đối tượng là người bản địa. Điều này đòi hỏi phải có sự hợp tác và giúp đỡ từ phía các cơ quan của Hàn Quốc thông qua các dự án hợp tác đào tạo, dự án nghiên cứu hoặc dự án phát triển giáo trình và cơ sở học liệu...

Đối với lực lượng đào tạo, cần nâng cao hơn nữa năng lực của lực lượng đào tạo. Muốn nâng cao năng lực của lực lượng đào tạo cần tạo môi trường trau dồi và học tập cho lực lượng này bằng cách mở rộng các hệ đào tạo bậc cao, đa dạng hóa các ngành đào tạo có liên quan đến Hàn Quốc nhằm đa dạng hóa chuyên môn của lực lượng đào tạo. Tuy nhiên, nếu chiếu theo các quy định của Bộ giáo dục về việc mở các hệ đào tạo bậc cao như thạc sĩ hay tiến sĩ thì chưa có một cơ sở đào tạo nào ở Việt Nam đáp ứng được yêu cầu này. Vì thế, trước mắt vẫn cần có sự hỗ trợ của phía Hàn Quốc để có những học bổng và cơ hội du học cho các học sinh, sinh viên xuất sắc của Việt Nam sang học ở Hàn Quốc để kiện toàn được lực lượng cơ bản cho ngành đào tạo về Hàn Quốc. Tuy nhiên, cần có sự điều chỉnh theo hướng tập trung hỗ trợ đối với các sinh viên học các ngành còn thiếu.

Cần nâng cao năng lực và chức năng nghiên cứu của các trường đại học thông qua việc thực hiện các dự án nghiên cứu phục vụ đào tạo, tổ chức các cơ hội giao lưu, gặp gỡ và trao đổi học thuật, trao đổi nhân lực giữa các trường đại học trong nước, khu vực và thế giới nhằm trao đổi thông tin, nâng cao trình độ... cho những người nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc. Những cuộc gặp gỡ này có thể được thực hiện dưới hình thức hội thảo, nói chuyên chuyên đề, công bố kết quả nghiên cứu, trải nghiệm văn hóa.... Hiện nay, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, đặc biệt để tận dụng các phương tiện giáo dục trực tuyến đang dần được sử dụng, việc tổ chức các buổi nói chuyện trực tuyến cũng nên được tính đến.

4. Tận dụng những ưu điểm của khoa học công nghệ để tạo sự giao lưu, liên lạc thường xuyên giữa những người đào tạo và nghiên cứu về Hàn Quốc trong nước và khu vực, giữa những người nghiên cứu và đào tạo của Việt Nam và Hàn Quốc. Nếu có thể, nên xây dựng một network cho những người làm công tác nghiên cứu và đào tạo về Hàn Quốc để có thể trao đổi và giao lưu học thuật. Với sự phát triển nhanh chóng của internet như hiện nay, việc xây dựng một diễn đàn chung sẽ không phải là việc quá khó. Tuy nhiên, cần phải có một tổ chức có đủ tầm để kết nối và cần có sự hỗ trợ từ nhiều phía để có thể duy trì hoạt động của mạng lưới này một khi nó được thành lập.

Để ngành Hàn Quốc học có thể phát triển được lâu dài sẽ cần nhiều nỗ lực từ nhiều phía. Tuy nhiên, với vai trò định hướng phát triển xã hội, các trường đại học cần chủ động tìm ra những phương thức phát triển phù hợp cho mình. Sau 25 năm phát triển, Hàn Quốc học Việt Nam

giờ đây không còn là một ngành mới nữa mà đã trưởng thành. Vì thế, cần có một tư duy mới, một cách tiếp cận mới, một định hướng mới cho giai đoạn phát triển mới. Phải như vậy Hàn Quốc học Việt Nam với có thể tạo được sức cạnh tranh và phát triển như một trung tâm của Hàn Quốc học của khu vực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ ngoại giao Việt Nam, “*Chính sách đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam*”, http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/cs_doingoai/cs/ns040823162938?b_start:in_t=95, truy cập 10.3.2018.
2. Lê Thị Thu Giang, Mai Ngọc Chừ (2008), *Tình hình đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo Hàn Quốc học khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ IX, Hà Nội.
3. Lê Thị Thu Giang (2013), *Korea studies in Vietnam*, The BESETOHA University Presidents’ Forum, “Asian Consensus for Education”, Seoul National University, S. Korea
4. Nguyễn Thị Hiền (2017), “*Tình hình và triển vọng đào tạo và nghiên cứu Hàn Quốc học ở Việt Nam - Phân tích thực trạng và tìm kiếm phương án hợp tác giữa các khu vực trong thời gian tới*”, Hội thảo quốc tế về Hàn Quốc, Đại học Chengchi, Đài Loan.
5. Nguyễn Thị Hồng Hải (2010), *Chính sách ngoại giao công chúng của Hàn Quốc ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Trường Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: 603140.
6. Trần Thị Hường, Cao Thị Hải Bắc (2016), “*Ảnh hưởng của Hàn lưu tại Việt Nam: Nhìn từ góc độ liên ngành*”, dự án “Nghiên cứu về hiện tượng Hàn lưu trong đời sống văn hóa Việt Nam” do Hội nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt Nam thực hiện và hoàn thành cuối năm 2014 dưới sự tài trợ của Trung tâm văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam.

7. Rhee Young-seop (chủ biên) (2017), *Khái luận kinh tế - chính trị Hàn Quốc*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Vũ Lê Thái Hoàng (2014), “*Ngoại giao công chúng trong thế kỷ 21*”, Nghiên cứu quốc tế học, <http://nghiencuuquocte.org/2014/06/18/ngoi-giao-cong-chung-trong-the-ky-21/> truy cập ngày 10. 3. 2018.
9. Vũ Lê Thái Hoàng (2014), “*Ngoại giao công chúng trong thế kỷ 21*”, Nghiên cứu quốc tế học, <http://nghiencuuquocte.org/2014/06/18/ngoi-giao-cong-chung-trong-the-ky-21/> truy cập ngày 10. 3. 2018.
10. Yiwei Wang, dịch Nguyễn Thị Kiều Phương (2008). “Public Diplomacy and the Rise of Chinese Soft Power”, *The ANNALS of the American Academy of Political and Social Science*, 616, pp. 257-273.
https://www.printfriendly.com/print?customCSSURL=&disableClickToDel=0&disableEmail=0&disablePDF=0&disablePrint=0&headerImageUrl=&headerTagline=&imageDisplayStyle=right&imagesSize=full-size&source=cs&url_s=uGGC_%7E_PdN_%7E_PcS_%7E_PcSAtuvrApHHDHBpGrmBEt_%7E_PcScabd_%7E_PcSaj_%7E_PcScg_%7E_PcSgc-AtBnv-tvnB-pBAAt-puHAt-GEHAt-DHBp_%7E_PcS

Abstract

The history of modern Vietnam - Korea relation has gone through 25 years of rapid development. Establishing formal diplomatic relations in 1992, in 2001, Vietnam - Korea relations were upgraded to "comprehensive partnerships in the 21st century" and became "strategic partners" of each other for 8 years later (2009). In the process of developing this relationship, the influence of Hallyu is one of the important factors to promote the cultural exchange, education ... between two countries. In this article, the writer will focus on clarifying the policy of promoting Korea's national power in the past as a source of motivation to spread the Hallyu and the development of the Korean study in Vietnam. At the same time, the article will also show the opportunities and challenges of the Korean study as well as make recommendations to develop Hallyu and the Korean training in the near future.

Keywords: Hallyu, Korean study, Vietnam - Korea relation, national power, partnership

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ PHÊ PHÁN CỦA TỤC NGỮ SO SÁNH TIẾNG HÀN (TRỌNG TÂM LÀ CÁC ĐƠN VỊ CÓ YẾU TỐ CHỈ CON GIÁP)¹

Hoàng Thị Yến,
Kim Eun Kyung²

Tóm tắt

Kho tàng tục ngữ của một dân tộc hàm chứa những giá trị tinh thần sâu sắc, được đúc kết cô đọng và truyền từ đời này sang đời khác. Trong tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp với ý nghĩa lên án, phê phán sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị đối với người dân và những bất công trong xã hội. Tục ngữ chính là vũ khí đấu tranh giai cấp của người dân lao động. Trong tục ngữ tiếng cười trào phúng có ý nghĩa châm biếm nhẹ nhàng nhưng cũng sâu sắc đối với những thói hư tật xấu của con người và những tiêu cực trong xã hội. Có thể nói, giá trị phê phán và châm biếm trong thành ngữ, tục ngữ nói chung và tục ngữ so sánh tiếng Hàn nói riêng góp phần đấu tranh với những áp bức, bất công trong xã hội, làm cho người dân thấy rõ những cái xấu trong tính cách và hành động của mình để sửa đổi, hoàn thiện mình và sống tốt hơn.

Từ khóa: Giá trị phê phán, Tục ngữ so sánh, Tiếng Hàn, Con giáp

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh mối quan hệ giao lưu và hợp tác giữa hai nước Việt Hàn hiện đang được phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực tiếng Hàn cũng như nhu cầu của nguồn nhân lực tiếng Hàn đối với những công trình nghiên cứu về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc (trong mối liên hệ với Việt Nam) ngày càng tăng. Nghiên cứu tục ngữ, thành ngữ được các nhà ngôn ngữ quan tâm nghiên cứu. Đặc biệt, ở Hàn Quốc có khá nhiều công trình tiếng Hàn nghiên cứu về tục ngữ liên quan đến động vật nói chung, tiêu biểu là công trình của Jang Jae Hwan (2009), Kim Myung Hwa (2011), Ho Nyung Nyung (2011)... Tại Việt Nam, gần đây có các nghiên cứu của Trần Văn Tiêng (2006), Lê Thị Thương (2009), Nguyễn Thùy Dương (2013), Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2013), Lê Thị Hương (2015), Hoàng Thị Yến (2017, 2018). Tuy nhiên, nghiên cứu sâu về tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp trong liên hệ với tiếng Việt còn thiếu vắng.

Đặc điểm về ngôn ngữ của nhóm tục ngữ có yếu tố hoặc/và hàm ý so sánh được chúng tôi trình bày trong một bài viết khác. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích thành tố nghĩa,

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG.18.21.

² Hoàng Thị Yến, ĐH Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội
Kim Eun Kyung, ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

phương pháp miêu tả định tính, bên cạnh đó, thao tác liên hệ, so sánh cũng được thực hiện nhằm phân tích giá trị phê phán, châm biếm của tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp. Ngữ liệu tiếng Hàn được dựa vào công trình Từ điển tục ngữ động vật của tác giả Song Jae Seun (1997). Ngữ liệu tiếng Việt dựa chủ yếu vào công trình của tác giả Vũ Ngọc Phan (2008) và Nguyễn Văn Nở (2008). Bên cạnh đó, do số lượng các đơn vị tục ngữ so sánh có yếu tố chỉ con giáp trong tiếng Việt là khá hạn chế, để làm rõ hơn đặc trưng văn hóa và phương thức tư duy của hai dân tộc, khi thực hiện thao tác liên hệ với tiếng Việt, chúng tôi đưa vào phân tích i) các đơn vị tục ngữ so sánh tiếng Việt không có yếu tố chỉ con giáp; ii) một số các đơn vị thành ngữ tiếng Việt có ý nghĩa so sánh tương đương hoặc gần tương đương.

Trong từ điển tiếng Hàn, *phê phán* và *châm biếm* được định nghĩa như sau:

1) 비판 批判 : 현상이나 사물의 옳고 그름을 판단하여 밝히거나 잘못된 점을 지적함³ phán đoán và làm rõ sự đúng và sai của hiện tượng hay sự vật, hoặc chỉ trích cái sai của sự vật hiện tượng.

2) 풍자 諷刺: 남의 결점을 다른 것에 빗대어 비웃으면서 폭로하고 공격함⁴. Ám chỉ/ ví von khuyết điểm của người khác với cái khác, cười nhạo và tố cáo, công kích.

Trong Từ điển tiếng Việt (2006), hai từ trên được giải thích như sau:

1) **phê phán**. Đg. Vạch ra cái sai trái để tỏ thái độ không đồng tình hoặc lên án. *Biểu dương cái đúng, phê phán cái sai. Phê phán thái độ cửa quyền.* (tr.776);

2) **châm biếm**. đg. Chế giễu một cách hóm hỉnh nhằm phê phán. *Giọng châm biếm chua cay. Tranh châm biếm.* (tr.139)

Như vậy, phê phán là vạch ra, chỉ trích cái sai. Phê phán ở mức độ gay gắt, mang tính chất đối đầu, đấu tranh giai cấp là lên án, đả kích. Phê phán bằng cách chế giễu, chê cười để chỉ ra cái sai là châm biếm, trào phúng. Ở tiếng cười trào phúng, tùy theo ý nghĩa của hình ảnh và nghệ thuật sử dụng ngôn từ, mức độ phê phán của câu tục ngữ có thể mang ý nghĩa châm biếm nhẹ nhàng hay sâu sắc, chua cay.

2. Giá trị phê phán

2.1. Giá trị lên án, đả kích

Giá trị lên án, đả kích là mức độ cao của phê phán, thường hướng tới mục đích lên án sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị, lên án bất công trong xã hội phân chia giai cấp, đả kích những thói xấu, hành động và phẩm chất xấu của con người có khả năng gây hại cho người khác hoặc tạo ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội.

2.1.1. Lên án sự áp bức, bóc lột

Tục ngữ so sánh có yếu tố chỉ con giáp trong tiếng Hàn lên án người luôn ức hiếp kẻ yếu bằng các hình ảnh biểu trưng đa dạng và sâu sắc: 1) 태산으로 달걀 누르는 격이다 *như đè trứng bằng núi Thái Sơn*: người thế lực lớn áp bức người yếu thế; 2) 쪼인 병아리 같다 *như gà con bị mổ*: người luôn bị bắt nạt, ức hiếp; 3) 범이 개 놀리듯 한다 *như hổ vờn chó*: trêu chọc, hành hạ người khác; 범이 개 어르듯 한다 *như hổ dọa chó*: uy hiếp, dọa nạt cho khiếp sợ; 4) 여원 강아지에 물 것 꼬이듯 한다 *như bu lại cắn chó con gây yếu*: cậy lớn khỏe và đông hiếp đáp kẻ yếu, thân cô thế cô. Thân phận người dân thật nhỏ

³<https://ko.dict.naver.com/search.nhn?query=%EB%B9%84%ED%8C%90&kind=all, 02/10/2018>

⁴<https://ko.dict.naver.com/search.nhn?query=%ED%92%8D%EC%9E%90&kind=all, 02/10/2018>

bé và đáng thương, phải chịu nhiều tầng áp bức: 작은 놈은 쥐 먹듯 하고, 큰 놈은 고래 물 삼키듯 한다 *như kẻ nhỏ thì ăn chuột, như kẻ lớn thì cắn nuốt cá voi*: phê phán tham những thói nát: quan nhỏ ăn tiền nhỏ, quan lớn tham tiền lớn. Khi ở vị trí là những ông quan cầm cân nảy mực, cần phán xử công bằng để thực thi công lí thì bọn quan tòa lại giáo hoạt và mưu lợi cho bản thân: 원숭이 고기 재판이다 *khỉ là quan tòa thịt*. Đối tượng đả kích của tục ngữ cũng hướng đến những kẻ lợi dụng thế lực của giai cấp thống trị để tác oai, tác quái, hại dân lành như: 1) 말 꼬리에 붙은 파리다 *ruồi bám đuôi ngựa*; 2) 사당에 사는 쥐요, 성 안에 사는 여우다 *chuột sống ở từ đường, cáo sống trong thành*; 세상 인심은 대감집 개 같다 *lòng người thế gian như chó nhà quan đại thần*; 병든 유세하고 개 잡아먹는다 *mắc bệnh hay ra oai, bắt chó ăn thịt*. Bên cạnh đó, tục ngữ lên án những kẻ lừa đảo, chuyên hại người bằng thủ đoạn tinh vi: 쥐구멍으로 통량갓을 굴러낼 놈이다 *kẻ lăn mũ tongryang đến hang chuột*; 양고기를 걸고 개고기를 판다 *treo thịt dê bán thịt chó*: lên án những người gian xảo, thiếu trung thực.

2.1.2. Lên án, đả kích phẩm chất và hành vi xấu

Những kẻ vong ân bội nghĩa, những kẻ vụ lợi làm băng hoại đạo đức xã hội cũng là cái đích mà hành động lên án hướng tới. Với những kẻ vong ân bội nghĩa, tục ngữ Hàn dùng hình ảnh *duồng hổ di họa* quen thuộc trong văn hóa phương Đông: 범을 기른 셈이다 *như nuôi hổ*: người bội ân vong nghĩa, gây họa. Với kẻ vô trách nhiệm, xấu xa, tục ngữ xác lập hai vẻ đối lập với so sánh không ngang bằng người - không bằng - chó: 개만도

못한 놈이다 *kẻ không bằng con chó*; 개망나니다 *đeo gông chó*; 도둑 못 지키는 개다 *chó không thể coi trộm*: so sánh với người không làm tròn trách nhiệm, bỏn phận. Với hành động phản trắc của con người đã được người Việt cảnh tỉnh qua câu: *nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà...*, người Hàn dùng hình ảnh quen thuộc: chó - cắn - chủ: 등 쓰다듬어 준 강아지가 발등 문다 *chó con được xoa lưng cắn vào mu bàn chân*: phê phán người *lấy oán báo ân, chó con cắn chủ*. Với kẻ vụ lợi, chỉ nhìn thấy và hành động vì lợi ích của bản thân, tục ngữ Hàn cũng có những câu chứa đựng ý nghĩa sâu sắc với hình ảnh sinh động và ẩn tượng: 1) 메밀섬에 쥐 모이듯 한다 *như chuột tụ bao gạo*: bọn trục lợi, cơ hội xúm đến khi thấy lợi quyền; 2) 체장수 말 죽기 바라듯 한다 *thợ thuộc da mong ngựa chết*; 3) 돼지를 그려 붙이겠다 *sẽ vẽ tranh lợn dán*: ví người ăn đồ ngon một mình tham như lợn; 4) 봉사 제 닭 잡아먹는 격이다 *như người mù bắt ăn gà của mình*: người mù tính toán lợi hại, định bắt gà người khác nhưng nhằm, cuối cùng thì *gây ông đập lưng ông*, định hại người nhưng cuối cùng lại thiệt mình.

2.2. Giá trị phê phán

Tục ngữ phê phán những thói xấu có ảnh hưởng đến nền tảng đạo đức xã hội, những hành động gây hại cho người khác. Tuy nhiên, các hành vi này ở mức độ ít nghiêm trọng hơn so với đối tượng của hành động lên án.

2.2.1. Phê phán những hành vi xấu

Thông qua tục ngữ, người dân tỏ rõ thái độ phê phán hành động trộm cắp: 쥐가 도둑질 하듯 한다 *như chuột ăn vụng*; 쥐 같은 줍도둑이다 *tên trộm vặt như chuột*: phê phán hành động lén lút trộm đồ của

tên trộm giống như con chuột ăn vụng đồ ăn. Tiếp đó, các việc xấu diễn ra trong đời sống hàng ngày cũng trở thành đối tượng phê phán: 쥐 뜯어먹은 것 같다 *giống như việc cắn xé chuột*: những việc không đúng, chướng mắt như cảnh mèo cắn xé ăn chuột thường xảy ra khiến người khác bất bình, chán không muốn nhìn. Trật tự xã hội rối ren, luật nước không nghiêm, quan lại không thanh liêm thì tình trạng đạo đức xuống cấp là không tránh khỏi.

Khi phê phán sự vô lễ, thiếu phép tắc, không biết nghe lời người trên của con người trong xã hội, người Hàn dùng các hình ảnh như: 1) 사당 쥐 싸대듯 한다 *như chuột từ đường lêu lổng*: người không có lễ nghi phép tắc cũng giống chuột sống ở từ đường nên con người không bắt, không giết. Vì thế, chúng nhòn, không biết sợ người, ra vào phá phách tùy ý; 2) 공부하랬더니 개잡이를 배운다 *bảo học thì học bắt chó*: phê phán người không biết nghe lời, những người làm việc không có tương lai. Thậm chí là coi thường người khác, không coi trọng lời của người khác: 남의 말은 개 방귀로 안다 *lời của người khác thì coi như dấm chó*, dẫn tới sự giận dữ của người trên: 너하고 말하느니 개하고 말하는 것이 낫겠다 *nói với chó còn hơn nói với mày*: nói với người không hiểu lời người khác thà nói với chó còn tốt hơn - là lời mắng mỏ đầy giận dữ. Trong tục ngữ so sánh tiếng Hàn, người không được giáo dục, rèn cặp, như thanh thiếu niên lêu lổng được ví với hình ảnh: 놓아먹인 돼지다 *lợn thả rông*; 놓아 먹인 소다 *bò hoang/ bò thả rông*...

Khi phê phán những người không đàng hoàng, thiếu đứng đắn, không tử tế, người Hàn liên tưởng đến hình ảnh:

울타리 구멍으로 이웃집 개 드나들 듯한다 *như chó hàng xóm qua lại lỗ hàng rào*; 현 울타리에 이웃집 개 드나들 듯한다 *như chó hàng xóm qua lại hàng rào cũ*. Với hành vi lừa đảo, buôn gian bán lận, ngoài hình ảnh *treo đầu dê bán thịt chó* như người Việt sử dụng, tục ngữ so sánh tiếng Hàn còn có câu: 쇠대가리에 말 꼬리 달아 놓은 것 같다 *như đính đuôi ngựa lên đầu bò*: đầu bò nhưng lại có đuôi ngựa: phê phán hành động buôn bán thiếu trung thực, chất lượng hàng thực và quảng cáo không giống nhau, làm giả hàng, trộn lẫn hàng tốt xấu để bán lấy lãi cao. Khi phê phán những người vô tích sự, chỉ gây hại, người Hàn dùng hình ảnh: 잡으라는 쥐는 안 잡고 씨암탉만 죽인다 *bảo bắt chuột không bắt, chỉ cắn chết gà mái giống*; 눈먼 장닭이 마루에 똥 쏜다 *gà trống mù ỉa trên hiên nhà*. Câu tục ngữ 도둑놈이 개 꾸짖듯 한다 *như trộm mắng chó* phê phán người đã không làm việc và sống lương thiện, chỉ biết đi ăn trộm lại không biết lỗi, không biết phải trái, trái lại còn quay ra oán người bắt mình, ngăn cản mình làm việc xấu.

2.2.2. Phê phán những phẩm chất xấu

Trong cuộc sống của người dân có nền văn hóa lúa nước như Việt Nam và Hàn Quốc, tính cộng đồng là nét văn hóa truyền thống dân tộc nổi bật. Chính vì thế, những kẻ hà tiện, keo kiệt trong xã hội thường trở thành đối tượng phê phán của cộng đồng - những người biết vì tập thể, luôn *đồng cam cộng khổ, tương thân tương ái, chia ngọt sẻ bùi*. Hai dân tộc có cách biểu đạt thái độ phê phán đối với thói keo kiệt, ích kỉ, không biết chia sẻ của người đời khá tương đồng, ví như hình ảnh: 1) 원밖도 고양이 주기는 아깝다

com nguội cho mềo cũng tiếc; 2) 권밥도 개주기는 아깝다 *com nguội cho chó cũng tiếc*; 3) 저 먹자니 싫고 개 주자니 아깝다 *bảo ăn thì chán, bảo cho chó thì tiếc*; 4) 개 주자니 아깝고 저 먹자니 싫다 *bảo cho chó thì tiếc, bảo ăn thì không thích*. Với những người hà tiện, keo kiệt ngay cả việc rất nhỏ, người Hàn liên tưởng đến hình ảnh 쥐포육 장수다 *người buôn thịt chuột khô*; phê phán người vừa hà tiện, vừa tham ăn, người Hàn mỉa mai bằng câu 개 대가리에 묻은 겨도 털어먹겠다 *chắc sẽ giữ cái trên đầu chó mà ăn*. Trong cuộc sống, người tham thường chỉ nhìn thấy cái tốt, cái lợi mà mình muốn chiếm hữu nên lòng tham làm cho mờ mắt, dẫn đến những yêu cầu, đòi hỏi vô lí như trường hợp sau: 내 노랑 병아리만 내라는 격이다 *như bảo cho tôi chỉ gà con vàng thôi*. Câu *ăn mày đòi xôi gác* trong tiếng Việt và *ăn mày cuời ngựa* trong tiếng Hàn đều có cùng ý nghĩa phê phán thái độ của những người có những cách hành xử không hợp hoàn cảnh, vô lí đến mức khó chấp nhận như vậy. Ở mức độ quá đáng hơn là trường hợp 눈치 없는 놈이 씨암탉 잡아먹는다 *như kẻ không có ý bắt thịt gà mái giống*: Gà mái giống là nguồn sinh lợi của nhà nông, vậy mà người tham lam, muốn ăn ngon lại bắt chấp phải trái, cố tình đòi hỏi một cách vô ý tứ, làm việc gây thiệt hại cho người khác.

Qua tục ngữ, người Hàn phê phán kẻ hèn nhát bằng hình ảnh: 1) chuột - chạy: 화재가 내려면 쥐가 도망친다 *nếu sắp có hỏa hoạn thì chuột chạy trốn*: phê phán người khi có việc lớn, nguy hiểm thì chạy trước, tránh đi trước; 2) bắt hổ - trong nhà: 방안 호랑이만 잡는다 *chỉ biết bắt hổ trong nhà*: to mồm, cả tiếng bốc phét trong nhà

nhưng ra ngoài thì không nói được lời nào. Với người hèn nhát, người Việt cũng dùng hình ảnh tương tự: *anh hùng rơm, thùng rỗng kêu to*. Người Hàn Quốc xưa phê phán người thiếu linh hoạt bằng hình ảnh: 1) 세전 토끼다 *như thỏ trước tuyết rơi*: trước khi tuyết rơi, thỏ chỉ đi một đường duy nhất, vì thế đến khi tuyết rơi, sẽ rất khó có thể tìm được đường về nhà; 2) 장 아까워서 개고기도 안 먹는다 *vì tiếc tràng nên thịt chó cũng không ăn*: tiếc cái nhỏ sẽ để mất cái lớn, câu tục ngữ so sánh với người nhỏ nhen, thiếu linh hoạt, thiếu tầm nhìn và quyết đoán.

2.2.3. Phê phán những tính cách xấu

Những tính cách xấu của con người là một trong những đối tượng phê phán của tục ngữ:

1) Phê phán tính nhỏ nhen, thô kệch có câu: 마음은 원숭이고 성질은 말이다 *lòng như khỉ (nhỏ nhen), tính cách như ngựa (thô kệch)*;

2) Phê phán tính hiếu chiến có hình ảnh: 닭 싸우듯 한다 *như gà đánh nhau*: gà trống hiếu chiến, nhìn thấy nhau là xông vào đánh nhau: phê phán người hay gây sự, thường đánh nhau vì chuyện nhỏ nhặt, đôi khi chỉ là va chạm nhỏ: 닭싸움 토닥거리듯 한다 *va đập nhẹ là gà đánh nhau*;

3) Phê phán tính bảo thủ, ngoan cố, cố chấp: 닭의 다리 뻗듯 한다 *như chân gà duỗi thẳng*; 이웃집 개도 부르면 온다 *chó hàng xóm cũng nếu gọi là đến*: so sánh với người không nghe lời người khác, cứng đầu, gọi đến cũng không đến;

4) Phê phán tính giả dối: 점잖은 개가 부뚜막에 똥 쓴다 *chó ngoan ỉa trên mặt bếp*: so sánh với người tưởng ngoan hiền, tử tế nhưng lại làm việc tồi tệ;

5) Phê phán sự thiếu ý tứ: 오뉴월 개가죽 문인 줄 안다 *tương là cửa da chó tháng 5-6*: ý nói người vào phòng lạnh mà thiếu ý tứ, không biết đóng cửa lại;

6) Phê phán tính hay dèm pha, nói xấu người khác: 똥 묻은 돼지가 겨 묻은 돼지를 흥본다 *lợn vấy cứt nói xấu lợn vấy cứt*: tương ứng với câu *chó chê mèo lắm lông* trong tiếng Việt nhưng hình ảnh độc đáo hơn. Thậm chí, có những người nói xấu tất cả, không chừa ra: 안장 물어뜯는 말이다 *ngựa cắn yên*: chỉ người nói xấu cả người thân, họ hàng của mình.

2.2.4. Phê phán thái độ ứng xử không đúng mực

Nội dung phê phán thái độ kẻ cả, bề trên, coi thường, thiếu tôn trọng người khác trong tục ngữ so sánh xuất hiện nhiều đơn vị thuộc nhóm tục ngữ chó. Điều này có lẽ xuất phát từ tâm lí của người Hàn (cũng như người Việt), dù rất coi trọng và quý mến con chó bởi sự trung thành của nó, nhưng cũng coi chó như loài vật hạ tiện, bản thân mình là chủ có thể tùy tiện sai bảo tùy tiện, bạc đãi vô tình. Có thể dẫn ra ở đây một số các đơn vị với mô hình chất liệu B là [hành động - đối tượng hành động] với hình ảnh tương ứng chung nhất là gọi - chó: i) gọi - chó xù nhà ai: 누 집 삽사리 이름 부르듯 한다 *nư gọi tên con chó xù nhà ai*: gọi tên người khác 1 cách tùy tiện; coi thường người khác; ii) gọi - chó hàng xóm: 동네 개 부르듯 한다 *nư gọi chó hàng xóm*; iii) gọi - chó ở gian sau: 뒷간에 앉아서 개 부르듯 한다 *nư ngồi ở gian sau gọi chó*; 똥 누고 개 불러대듯 한다 *nư ỉa rồi gọi chó*; iv) gọi - (tên) chó con: 강아지 이름 부르듯 한다 *nư gọi tên chó con*: phê phán người hay gọi tên người khác một cách tùy tiện, bởi không phải với ai cũng gọi tên, đặc biệt

với người lớn; v) hươu gây gọi - chó: 휘두르면 개 부르는 격이다 *nư hươu gây gọi chó*. Vì coi thường nên có người xua người khác như đuổi chó: 도부장수 개 후리듯 한다 *nư người bán rong đuổi chó*; thể hiện thái độ thiếu tôn trọng: 동네 집 강아지같이 여긴다 *coi như chó con nhà hàng xóm*. Vì thiếu tôn trọng nên khi giao tiếp, có người thường lơ đãng, không để ý đến lời nói của đối tượng giao tiếp. Người Hàn liên tưởng thái độ đáng phê phán này với hình ảnh: 작대기를 이웃집 개 짖는 소리로 안다 *biết tiếng sủa của chó nhà hàng xóm*; 어느 집 개가 짖느냐 한다 *hỏi chó nhà nào sủa...*

2.2.5. Phê phán thái độ thiếu trách nhiệm, lười biếng

Với thái độ làm việc qua quít, thiếu trách nhiệm của một số người, tục ngữ phê phán xuất hiện các tình huống sau: i) bán bò - theo chó: 소 팔러 가는데 개 따라가듯 한다 *nư đi để bán bò mà lại theo chó*: việc của mình không lo lại đi tham gia việc của người khác; ii) cúng không có bài vị: 개가 신주 물어간 것도 모르고 제사 지낸다 *không biết chó đã tha mất bài vị, vẫn cúng*: phê phán kiểu làm việc qua loa cho xong, việc quan trọng là cúng giỗ cũng không được coi trọng, dù thiếu bài vị vẫn cúng giỗ; iii) cho ngựa trạm ăn: 역참말 먹이듯 한다 *nư cho ngựa trạm ăn*: vì chỉ là ngựa thuê nên chỉ cho ăn đại khái, qua quít; iv) hồ chọn rom: 호랑이 보릿짚 추리듯 한다 *nư hồ chọn rom lúa mạch*: người phải chú ý thì không chú ý, giải quyết công việc một cách lơ đãng, qua loa; v) chó tắc mũi đào hang chuột: 코 멘 강아지 쥐구멍 파듯 한다 *nư chó tắc mũi đào hang chuột*: không nghĩ thấy gì nên đào lung tung - làm việc không xác định phương hướng, không có kế hoạch. Đối

với những người dốt nhưng lại bảo thủ, chỉ làm theo ý mình, người Hàn ví như 개판이다 *cuộc chó*: chỉ sự hỗn độn, lộn xộn: phê phán người làm theo ý mình, không có trình tự; phê phán người mất trí, người thực hiện không đúng bổn phận của mình với hình ảnh: 달 보고 짓는 개다 *như chó nhìn trăng sữa*; phê phán người vô trách nhiệm, không thực hiện bổn phận của mình như: 도둑을 보고도 짓지 않는 개다 *chó nhìn thấy trộm cũng không sữa*; 쥐 못 잡는 고양이 *mèo không thể bắt chuột*: chê người không thể hoàn thành được việc mình phải làm...

Với những kẻ lười lao động, chỉ biết hưởng thụ, người Hàn phê phán bằng câu tục ngữ so sánh: 먹는 데는 파발마요, 일에는 송곳이라 *nơi ăn thì ngựa đưa tin, chỗ làm thì mũi dùi*: chỉ người thấy ăn thì lao nhanh đến như ngựa đưa tin, thấy làm thì chỉ lấy lệ, làm một chút bé như mũi dùi: phê phán người lười biếng chỉ biết ăn ngon mà lười làm. Người Việt dùng hình ảnh khái quát và ấn tượng mạnh hơn: *ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa*. Khi phê phán những người phiến toái hay can thiệp vô lí vào công việc của người khác, họ liên tưởng tới hình ảnh con chó con vô phép: 주막 강아지 짓듯 한다 *như chó con quán trọ sữa*: người luôn can thiệp vào việc của người khác, giống chó con quán trọ thấy người đến là sữa; 주막 강아지 튀어 나오듯 한다 *như chó con quán trọ xông ra*: người bất ngờ xuất hiện, can thiệp vào việc người khác. Quán trọ là nơi người lạ người quen ra vào thường xuyên, lẽ ra phải quen với điều đó thì chó con không biết gì cứ thấy người ra vào lại xông ra sữa nhặng xị, gây phản cảm. Vì thế, những người hay phiến toái như vậy thường bị phê phán khá gay gắt:

엇되기는 주막집 강아지다 *chó con nhà trọ mất nét*. Hình ảnh 다 작은 울타리 구멍에 노랑개 주둥이 같다 *như mõm chó vàng ở lỗ rào cũ* cũng phê phán đối với hành động can thiệp quá mức vào việc không đáng, không liên quan. Ở một mức độ phê phán cao hơn, người Việt tỏ thái độ khá gay gắt đối với hành động *đâm bị thóc, chọc bị gạo* can thiệp sâu vào chuyện của người khác với ý xấu nhằm gây chia rẽ, mất đoàn kết. Trong giao tiếp hàng ngày, sự can thiệp, tham gia vào việc của người khác (kể cả với ý tốt) có thể bị phản ứng, cho là *nhúng mũi* vào chuyện của người khác.

Giá trị lên án sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị đối với người dân, những bất công trong xã hội phân chia giai cấp trong xã hội được thể hiện rõ trong tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp. Trật tự xã hội rối ren, luật nước không nghiêm, quan lại không thanh liêm thì tình trạng đạo đức xuống cấp, sự giả dối và lừa đảo, trộm cắp trở nên tràn lan, phổ biến. Những kẻ vong ân bội nghĩa, những kẻ vụ lợi làm băng hoại đạo đức xã hội, thái độ vô lễ, thiếu phép tắc, không có tôn ti trật tự, thái độ lười biếng, hèn nhát... của con người trong xã hội cũng là cái đích mà hành động lên án, phê phán hướng tới

3. Giá trị châm biếm

3.1. Châm biếm hình thức bên ngoài

Châm biếm hình thức bên ngoài xấu xí, tồi tệ, buồn cười của con người, tục ngữ so sánh Hàn có các hình ảnh như: i) rụng sừng: 뿔 빠진 암소 같다 *như bò cái rụng sừng*; ii) bụng to: 장에 가는 쇠배매기 같다 *như bụng bò ra chợ*; iii) bản thiêu: 돼지 오줌통 같다 (mặt) *như thùng nước đái lợn*; iv) cổ ngắn: 목 짧은 강아지 부엌 문턱 넘어다 보듯 한다 *như chó con cổ ngắn ngó*

qua bậu cửa bếp; v) vẻ thất thần: 닭 쫓던 개 상이다 *mặt chó đuổi gà*; vi) bước đi khó nhọc: 발탄 강아지 같다 *như chó con chạy chừng tập đi*; vii) hay cắn nhai: 개 벼룩 씹듯 한다 *như chó cắn bọ ché*; viii) bị ướt: 진 날 개 싸대듯 한다 *như chó lông bông ngày mưa*, 비 맞은 장닭 같다 *như gà trống bị mưa*; ix) cụt đuôi: 꼬지 빠진 장닭 같다 *như gà trống cụt đuôi*; x) mù: 눈먼 장닭 같다 *như gà trống mù*.

Châm biếm, chê cười sự không phù hợp về hình thức của con người, tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp xuất hiện các hình ảnh khá phong phú sau đây: i) 고양이 수파 쓴 것 같다 *như mèo đội đồ trang sức trên đầu*; ii) 장님 눈 먼 말 탄 격이다 *như người mù cưỡi ngựa*; iii) 쥐가 굴레 쓴 것 같다 *giống như việc chuột đeo dây cương*; iv) 개꼬리에 담비 꼬리를 이은 격이다 *như nói đuôi chồn mactet vào đuôi chó*; v) 노루잠에 개꿈이다 *mơ chó trong giấc ngủ hươu*; vi) 파리한 강아지 꿈지 치레하듯 했다 *như chó gầy xanh vậy đuôi chào hay 여원 강아지 꿈지 치레하듯 한다 như chó gầy yếu hành lễ bằng đuôi*.

3.2. Châm biếm các biểu hiện, hành động xấu

Người Hàn thể hiện thái độ châm biếm sâu cay với những biểu hiện khiến người khác khó chịu, ác cảm: i) 미친개 마구 짖듯 한다 *như chó điên hay sủa*: mỉa mai người hay nói lời nhai, tùy tiện, thậm chí không biết bản thân đang nói gì; ii) 개가 똥 탐내듯 한다 *như chó tham cứt*: châm biếm người tham ăn. Ở mức độ nhẹ nhàng hơn là tiếng cười cái ngây ngô, hão huyền, hay cười cái nhõng nhẽo, làm nũng của người đời, ví như: i) 뼈다귀 문 개 구석 찾듯 한다 *chó ngậm xương tìm góc khuất*: cười người thích tìm chỗ yên tĩnh ngồi; ii)

개가 그림 떡 바라보듯 한다 *như chó nhìn bánh vẽ trong tranh*: mong đợi việc hão huyền, không hi vọng; iii) 젓 떨어진 강아지 같다 *như chó con cai sữa* (rất quấy, vùi vĩnh). Chê giễu những người luôn khoe khoang, đặc biệt thích khoe bản thân hoặc đồ của mình là tốt có câu: 1) 수캐 좇 자랑하듯 한다 *như chó đực khoe dương vật*; 2) 쥐새끼가 송아지 보고 작다고 한다 *chuột con nhìn bê và chê nhỏ*: câu này có hai nghĩa: i) chê người ít học nên không hiểu biết; ii) người coi thường người khác, mà không nhận ra họ lớn/ giỏi hơn mình. Khi châm biếm người khoa trương rồi thất bại, người Hàn liên tưởng đến hai hình ảnh: 1) 나줄없는 장수요. 꼬리 빠진 장닭이다 *như tướng không quân, như gà trống không đuôi*: người vốn khoa trương thanh thế, hãnh diện tự cao tự đại nhưng rồi thất bại, chẳng còn ai bên mình; 2) 태산이 떠나갈 듯하더니 쥐 한 마리다 *như là dời núi Thái sơn, hóa ra chỉ là một con chuột*: chỉ việc lúc bắt đầu làm thì âm ỉ lên nhưng rồi cuộc kết quả chẳng ra sao. Giễu cợt người có tính khí thất thường, tục ngữ Hàn có câu 쥐 대가리를 양쪽으로 내민다 *đầu chuột thò ra hai hướng*; người hay nghi ngờ, thiếu hẳn nại được ví với khí: 원숭이에게 옷 입힌 격이다 *như mặc áo cho khỉ*: ý nói bên ngoài là ngoài nhưng bản chất bên trong thì như khỉ.

Tục ngữ thể hiện thái độ chê cười của người dân đối với sự không phù hợp trong cách xử lý công việc: 대들보로 쥐구멍막기다 *chặn hang chuột bằng đòn ngang/ xà nhà*: việc làm không thích hợp, vì hang chuột nhỏ, lại thường ở chỗ nhỏ và hẹp trong khi xà nhà lại to và dài.... Chê cười cách ứng xử, hành động không phù hợp, không đúng phận của con người: 1) 개 달보고

짓는 격이다 *như chó nhìn trắng sữa*: không đúng phân; 2) 개가 용상에 앉은 격이다 *như chó ngồi long sàng*; 3) 소 과줄 먹는 격이다 *như bò ăn bánh bột rán*; 4) 오쟁이 안에서 소 잡는 격이다 *như bắt bò trong lều rom*; 5) 울타리 구멍에 개 주둥이 내밀듯 한 *như mõm chó thò qua lỗ hàng rào...*

3.3. Chê cười thói lười biếng, ỷ lại

Văn hóa lúa nước với ý thức cộng đồng đã ăn sâu vào tiềm thức của hai dân tộc Việt - Hàn. Người Việt thường răn dạy con cháu bằng các câu như: *có làm thì mới có ăn, không đừng ai dễ đem phần cho ta*. Khi châm biếm những người lười biếng, chỉ thích rong chơi, người Hàn dùng hình ảnh: 1) 오늘월 수캐 좇 자랑하듯 한다 *như chó đực khoe dương vật tháng năm tháng sáu*; 흘레 개 좇 자랑하듯 한다 *như chó giống tự hào về dương vật*: mĩa mai người không lo làm việc chỉ nghĩ đến tán gái; 2) 빌려온 고양이 같다 *như mèo mượn*: chê cười người ngồi ngây ra, không làm tròn bổn phận; 3) 눈 오는 날 개 싸다니듯 한다 *như chó lãng xăng ngày tuyết rơi*: người không ở nhà chỉ thích ra ngoài; 4) 개털에 벼룩 싸대듯 한다 *như rận lúc nhúc rong chơi trong lông chó*: chê cười những người trốn tránh công việc, chơi bời lêu lổng; 5) 비 오는 날 삽살개 헤매듯 한다 *như chó Sapsal loanh quanh ngày mưa*: người không có việc làm, không biết tìm việc để làm, chỉ loanh quanh vô tích sự.

3.4. Trào lộng, hài hước với hình thức, hành động ngộ nghĩnh, khác người

Tiếng cười vui thường giúp con người xua tan những mệt nhọc, gắn kết tình cảm. Đối với những bộ dạng ngộ dị của con người, tục ngữ Hàn có những hình ảnh thể hiện óc hài hước của dân tộc Hàn như: 1) 목 맨 강아지 겨 탐내듯 한다 *như chó*

con bị xích cổ tham bao trấu, 목 짧은 강아지 껌넘어다보듯 한다 *như chó con cổ ngắn nhìn bao trấu*, 목 짧은 강아지 부엌 문턱 넘어다보듯 한다 *như chó con cổ ngắn nhìn bậc bếp*; 2) 장닭이 소 탄 것 같다 *như gà trống cưỡi bò*: người đung đưa, lắc lư như con gà trống đậu trên lưng bò, lắc lư theo nhịp bước của bò; 3) 소 굶소리 들듯 한다 *như bò nghe tiếng khản lể*, 소금 먹은 소 굴 우물 들여다보듯 한다 *như bò ăn muối nhìn xuống giếng sâu*: chế giễu người không làm gì chỉ ngồi ngây ngốc nhìn; 4) 미친개 물 보듯 한다 *như chó điên nhìn nước*: cười người nhìn vô định, không có cảm giác, như con chó điên nhìn cái gì rồi nhảy dựng lên; 5) 수캐 오줌 누듯 한다 *như chó đực đái*: cười người đái dắt như chó đái ít một, thường dùng với người khi làm việc có tư thế thường co một chân lên.

3.5. Chế giễu những nhược điểm của con người

Với nụ cười chế giễu những người nhát, hay sợ hãi, sợ đau, tục ngữ Hàn có các đơn vị như: 텐 소 날뛰듯 한다 *như bò bị bóng nhảy loạn*, 똥 구멍 찢린 소 뛰듯 한다 *như bò bị chọc vào hậu môn*, 동산에 뜬 달 보고 놀란 강아지 짓듯 한다 *như chó con hoảng sợ sữa khi thấy mặt trăng lên từ phía trời đông*. Câu 독수리 본 닭 구구대듯 한다 *như gà thấy đại bàng cục tác cười người vì hoảng hốt*, sợ hãi nên có phản ứng thái quá như gà quang quác khi thấy đại bàng. Với hình ảnh kẻ ăn cắp, người Hàn chê cười người hèn nhát nhưng lại hay làm bộ, tỏ vẻ ta đây. Những người này, khi có nguy hiểm cận kề liền lộ rõ bản chất: 범 본 놈 문구멍 막듯 한다 *như kẻ thấy hổ chặn lỗ cửa*: cười ai đó làm việc gì một cách cuống quýt, hoảng hốt

Trào lộng đối với những người ngốc, không minh mẫn, những hành động ngớ ngẩn của con người cũng là một nội dung của tục ngữ so sánh tiếng Hàn. Những hình ảnh, tình huống xuất hiện trong tục ngữ vô cùng quen thuộc và gần gũi với chúng ta, ví dụ như: 1) tính đăng trí, hay quên: 소 타고 소 찾는다 *cưỡi bò tìm bò*, 쥐 정신이다: *tinh thần của chuột/đầu óc chuột*, 쥐고기를 먹었나? *Ăn thịt chuột à?*; 2) máy móc: 소 털 뽑아 제 구멍에 꼽기다 *nhổ lông bò cắm vào lỗ mình*: người thiếu cận, không linh hoạt, làm việc không sáng tạo, rập khuôn; 3) cả nghĩ: 길마 무거운 소가 드러 누울까? *Bò đeo gùi hàng nặng thoải mái được khg?*; 4) người bị lừa mà không biết: 육초먹은 강아지다: *chó con ăn nén thịt (mỡ bò)*: ý nói người sa bẫy, mắc mưu người khác, làm theo họ mà không hiểu gì; 5) người thiếu tinh táo: 턱 떨어진 개 지리산 쳐다보듯 한다 *như chó rơi cằm nhìn núi Chiri*: người bị thương nặng, không tinh táo, ngây ngốc. Khi giễu cợt những người làm việc vô lí, khó chấp nhận, người Hàn dùng hình ảnh: 구들에서 범 기르는 격이다 *như nuôi hổ ở hầm sưởi*, 방안에서 범 잡듯 한다 *như bắt hổ trong nhà*. Khi chê người có tầm nhìn hạn hẹp, người Hàn dùng câu: 쥐는 세 치 앞도 못 본다 *chuột không thể nhìn xa 3 chi* (1 chi = 3,03cm). So sánh với người hay lo lắng không đâu cho việc của người khác, người Việt có câu *thương vay khóc mượn*, với phụ nữ, người Việt chê thiếu cận, nông nổi bằng liên tưởng như: *đàn bà dài không qua ngọn cỏ, đàn bà nông nổi như cơi đựng trầu*.

3.6. Châm biếm tính cách xấu của con người

Trong cuộc sống, người có tính cách nóng vội, cầu thả, vụng về thường khó có

thể hoàn thành tốt công việc. Người Hàn châm biếm những người có nhược điểm như vậy bằng các câu tục ngữ như sau: 1) nóng vội, gấp gáp như 돼지 꼬리 잡고 순대 먹자는 격이다 *như nắm đuôi lợn rủ ăn lòng lợn*; 2) chê người cầu thả như 원숭이 밥 짓듯 한다 *như khỉ nấu cơm*; 3) giễu thói tùy tiện hay thay đổi công việc: 강아지 이름 바꾸듯 한다 *như chó con đổi tên*; 4) chê người vụng về, việc gì cũng không làm tốt như người tàn tật: 앓은 땀이 닭 쫓듯 한다 *như gã què đuổi gà*, 조막손이 달걀 떨어뜨리듯 한다 *như gã khoằm tay làm rơi trứng*, 조막손이 달걀 놓치듯 한다 *như gã khoằm cột tuột mất quả trứng*; 5) chê người thiếu tập trung: 약기는 쥐새끼다 *chuột con tinh ranh*: chỉ nghĩ cách bày trò vặt, nghịch ngợm; 6) cười người vội vàng, qua quýt: 범 본 여편네 창구멍 틀어막듯 한다 *đàn bà thấy hổ cuống quýt chặn lỗ cửa sổ*. Bên cạnh đó, người Hàn cũng chê cười người cẩn thận quá, nhiều khi lo lắng không đâu, không cần thiết: 달걀섬 지고 성 밀은 못 가겠다 *vác bao trứng sẽ không thể đi dưới chân thành*, 달걀집 지고 돌담 모퉁이는 못 가겠다 *vác bao hàng trứng sẽ không thể đi vào góc tường đá*: nguy hiểm hay thiếu quyết đoán sẽ lỡ cơ hội: 조막손이 달걀 만지듯 한다 *như gã khoằm/ cột sờ trứng*.

Người ba phải trong cuộc sống luôn thiếu chủ kiến, không có hoặc không kiên định lập trường quan điểm của riêng mình, tục ngữ Hàn ví với các hình ảnh: 1) cái đuôi bò ngoe nguẩy: 비오는 날 쇠 꼬리 같다 *như đuôi bò ngày mưa*: thay đổi như đuôi bò ướt, luôn vẫy cho khô. Người Việt liên tưởng đến hình ảnh cái chong chóng quay nhanh trước gió - với tốc độ nhanh gấp nhiều lần: *thay đổi nhanh như*

chong chóng; 2) ánh mắt chuột con: 쥐새끼마냥 눈치만 남았다 *chỉ còn mỗi ánh mắt như chuột con* (trốn): giễu người chỉ biết nhìn thái độ người khác mà sống. Bên cạnh đó, những người thật thà, tốt nhưng lại thiếu linh hoạt được ví như 암소 곧 달음질하듯 한다 *như bò cái chạy thẳng*, những người quan tâm, chạy theo những việc không liên quan đến mình được liên tưởng tới hình ảnh 거동에 망아지 따라다니듯 한다 *như ngựa con đi theo chuyển vì hành của vua*.

3.7. Châm biếm thói quen xấu của con người

Người Việt coi trọng cái nết của con người: *cái nết đánh chết cái đẹp*. Vì thế, quan điểm giáo dục luôn đề cao *tiên học lễ, hậu học văn*. Đời sống tinh thần của người Hàn cũng chịu ảnh hưởng to lớn của Nho giáo. Trong tục ngữ, người Hàn giễu nết ăn xấu bằng câu 닭은 닭 모이먹듯 한다 *như gà đói ăn mồi*: ý chê cười người ăn như gà đói, ăn mãi một không để ý gì đến xung quanh; ví người hài lòng thỏa mãn với mỗi lợi nhỏ như 병아리가 지렁이 물고 달아나듯 한다 *như gà con cắp giun chạy đi*; chế giễu người hay cuống quýt, chạy lung tung khi có chuyện: 밀구멍 뚫 개 같다 *như chó bị tắc đít*; cười người không biết gì, cứ loăng quăng 좇 빠진 강아지 모래밭 싸대듯 한다 *như chó con rụng dái chạy quăng ở bãi cát*.

Trong tục ngữ so sánh, xuất hiện một số hình ảnh châm biếm khác như:

1) Chê món ăn không ngon: 돼지 죽 같다 *như cháo lợn*;

2) Chê chữ xấu: 닭발 그리듯 한다 *như vẽ chân gà*;

3) Chê cười thói kệch cỡm: 원숭이 관 씌운 것 같다 *như khỉ đội mũ*;

4) Cười cái không tương xứng: 쥐 썩에 말 좇이다 *âm vật chuột, dương vật ngựa*;

5) Giễu cợt người ngụy biện, chối quanh: 피하말 궁둥이 둘러대듯 한다 *như trang trí mông ngựa cái*;

6) Cười người to khỏe, trắng trẻo: 쉰 말 불기짝 같다 *như cặp mông ngựa khỏe*.

Bên cạnh đó, người Hàn ví người bị choáng như 대통 맞은 병아리 같다 *như gà con bị tẩu thuốc*; người có vẻ gượng gạo, thiếu tự nhiên như 쥐가 얼굴 돌리듯 한다 *như chuột ngánh mặt*; ví người làm việc để nhận đãi ngộ ít ỏi như 쥐 포수다 *thợ săn chuột*...

Tiếng cười châm biếm của người xưa thường hướng tới những đặc điểm khác thường hay xấu xí về hình thức, đặc điểm hay tính cách mang tính tiêu cực của con người. Mức độ nhẹ nhàng hay sâu sắc, thậm chí là mỉa mai chua cay của tiếng cười trào phúng này tùy thuộc vào tác động hay ảnh hưởng xấu của những đối tượng hay những tính xấu đối với môi trường và quan hệ con người xung quanh. Đôi khi, tiếng cười trào lộng, vui vẻ... cũng có tác động duy trì và làm tăng sự gắn kết giữa các cá nhân trong một cộng đồng.

Kết luận

Kho tàng tục ngữ hàm chứa giá trị lên án, phê phán sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị đối với người dân, những bất công trong xã hội, những thói xấu của con người và tiêu cực trong xã hội. Tiếng cười châm biếm nhẹ nhàng nhưng cũng sâu sắc trong tục ngữ đối với những thói xấu của con người cũng mang lại hiệu quả giáo dục cao. Nếu như giá trị

giáo huấn và truyền kinh nghiệm giúp con người sống tốt hơn, tránh được những rủi ro, thất bại thì giá trị phê phán và châm biếm góp phần đấu tranh với những áp bức, bất công trong xã hội, góp phần làm cho người dân thấy rõ những cái xấu trong tính cách và hành động của mình để sửa đổi, sống tốt hơn. Tất cả đều hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội tốt đẹp, con người có thể sống hạnh phúc và bình yên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thùy Dương (2013). *Một số tín hiệu thẩm mỹ trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2013). *Văn hóa ứng xử của người Hàn qua thành ngữ, tục ngữ (so sánh với Việt Nam)*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Thị Hương (2015). *Thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc nói về động vật và thực vật (một vài so sánh với Việt Nam)*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Nờ (2008). *Biểu trưng trong tục ngữ người Việt*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Vũ Ngọc Phan (2008). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn học.
6. Trần Văn Tiếng (2006). *So sánh một số đặc điểm cú pháp-ngữ nghĩa của tục ngữ tiếng Việt và tiếng Hàn*. Luận án Tiến sĩ. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

7. Lê Thị Thương (2009). *Nghiên cứu đối chiếu thành ngữ Hàn - Việt có thành tố cấu tạo là tên gọi động vật từ góc nhìn ngôn ngữ - văn hoá*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.

9. Hoàng Thị Yến (2017). Tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con mèo (liên hệ với tiếng Việt). Tạp chí *Nghiên cứu nước ngoài*. tập.33 số 2, tr.155-167.

10. Hoàng Thị Yến (2018), Giá trị biểu trưng của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con gà, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 2 (204), 2/2018, tr.37-48.

Tiếng Hàn

11. Ho Nyung Nyung (2011). *Nghiên cứu so sánh tục ngữ Hàn - Trung có yếu tố chỉ ngựa*. Đại học Hoseo. Luận văn Thạc sĩ. 호녕녕 (2011). 한국과 중국의 말 (馬) 관련 속담 비교 연구. 호서 대학교. 석사 논문
12. Jang Jae Hwan (2009). *So sánh tục ngữ động vật Nhật - Hàn: trọng tâm là tục ngữ có yếu tố chỉ ngựa và chó*. Đại học Danguk. Hàn Quốc. Luận văn Thạc sĩ. 장재환 (2009). 일. 한 동물 속담에 관한 비교. 고찰: ‘말’과 ‘개’에 관한 속담을 중심으로. 단국 대학교. 석사 논문
13. Kim Myung Hwa (2011). *Nghiên cứu so sánh tục ngữ động vật 12 con giáp Hàn - Trung*. Đại học Dongjoo. Hàn Quốc. Luận văn Thạc sĩ. 김명화 (2011). 한-중 12 지신 동물 속담 비교 연구. 동주 대학교. 석사 논문.
14. Song Jae Seun (1997). *Từ điển tục ngữ động vật*. Dongmunseon. 송재선(1997). 동물 속담 사전. 東文選.

Trang web

<https://ko.dict.naver.com>

Abstract**CRITICISM VALUES OF KOREAN
COMPARATIVE PROVERBS STUDY
(FOCUS ON ZODIAC PROVERBS)**

Proverbs of a nation contain deeply spiritual values, summarized and transmitted from generation to generation. In Korean Zodiac comparative proverbs, condemnataion and criticism aims to appression and exploitation of ruling class to the people, the injustices in society are the weapons of the people. The satirical about

human's bad behaviors and negativity in society is quite gently but deeply, making people laugh also brings high education efficiency, meaningful direction for good. Condemnataion and criticism values in both Korean proverbs and idioms contribute to struggle with appression and exploitation in society, making people see the bad in their personality, actions to modify, improve themselves and live a better life.

Keywords: Criticism value, Comparative proverb, Korean, Zodiac

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 12, giãn dòng 1.1.
3. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
4. Bài viết gửi qua email: maingocchu@gmail.com. Tòa soạn không trả lại bản thảo.
5. Bài viết phải có tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt để ở phần trên của bài, dưới tên bài và tên tác giả. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh để ở cuối bài, sau Tài liệu tham khảo.